

Chương I. Đông Mật

Tiết I. Sự Truyền Thừa

Mục A. - Sự Truyền Về Thai Tạng Giới

Đức Tỳ Lô Giá Na nói Đại Bi Thai Tạng Mạn Đà La Vương để cứu độ tất cả chúng sinh. Kim Cang Thủ Bồ Tát bảm thọ lời Phật dạy đem ra truyền hoá. Trải qua vài trăm năm, giáo pháp được phú chúc về Ngài Đạt Ma Cúc Đa ở chùa Thế Vô Yểm xứ Trung Ấn Độ. Đạt Ma Cúc Đa Tôn Giả lại đem giáo môn này truyền cho huyền tôn 52 đời của Học Phạm Vương là Thích Thiện Vô Úy.

Đời Đường năm Khai Nguyên thứ 7, Tôn Giả Thiện Vô Úy đem Mật Đồ Mạn Đà La đến Trung Hoa, Vua Huyền Tông phong Ngài làm Quốc Sư, sắc chỉ phiên dịch Mạn Đà La Đại Giáo và lập đại Đàn Tràng. Khi Tôn Giả kiến lập Đàn Tràng và tác pháp, Chư Tôn (các vị Bồ Tát) đều phóng quang, trời mưa hoa nhỏ đẹp xuống cúng dường, số người được cảm hóa rất đông, không kể xiết. (Tam Bảo cảm ứng yếu lược lục, quyển thượng, phẩm thai tạng mạn Đà La tương truyền cảm ứng thứ 32.)

Mục B. - Sự Truyền Thừa Về Kim Cang Giới

Thuở xưa Kim Cang Tát Đỏa ở trước Đức Tỳ Lô Giá Na, thân thọ pháp nghĩa Kim Cang Giới Đại Mạn Đà La. Sau vài trăm năm, giáo pháp được truyền cho Long Mãnh Bồ Tát. Lại vài trăm năm sau, truyền đến Ngài Long Trí. Long Trí Tôn Giả thọ trì không sót như nước rót vào bình, rồi truyền lại cho Ngài Kim Cang Trí người nước Ma Lại Gia xứ Trung Ấn Độ.

Trong khi tùy duyên du hóa để làm lợi ích an vui cho chúng sinh, Ngài Kim Cang Trí nghe ở nước Đại Chi Na Phật Pháp sùng thành liền ra biển đi thuyền vượt sang miền Hải Đông.

Năm Khai Nguyên thứ 8 đời Đường, Ngài mới đến kinh ấp, rồi từ đó hoằng truyền bí giáo. Mỗi khi Tôn Giả lập Đàn Mạn Đà La và tác Pháp đều cảm ứng điều lành. (Tam Bảo cảm ứng yếu lược lục quyển thượng phẩm Kim Cang Giới Mạn Đà La truyền hoằng cảm ứng thứ 33.)

Tiết II. Giáo Tướng (Mạn Đà La)

Mục A. Pháp Mạn Đà La Thành Phật

Bấy giờ Kim Cang Thủ Bồ Tát bảo pháp chúng trong đại hội rằng Bạc Du Già hành giả muốn được thành tựu tất cả Tam Muội của Như Lai và Nhất Thế Chung Trí, phải tu tập pháp Mạn Đà La thành Phật. Khi tu pháp này, trước tiên nên ngồi bán già theo lối Kim Cang hàng phục, dùng chân mặt để xếp lên chân trái, chính niệm thân ngay thẳng. Kế đó trụ tâm nơi vắng lặng, miệng đọc chân ngôn tai lắng nghe rành rẽ rõ ràng, chớ sanh tri giải khác. Tùy theo chân ngôn, trong tâm quán tưởng mỗi mỗi chữ Phạn cũng phải rành rẽ chớ cho sai lạc. Lúc hành trì phải không gấp không hoãn, đó mới gọi là Kim Cang Ngũ Ngôn.

Phép trì tập có nhiều cách nay chỉ xin nói sơ lược. Phần yếu ước về cách trì tập của Bí Mật môn có 3 là : Số, Thời, và Hình Tượng. Sao gọi là Số ? Đó là sự tụng tập chân ngôn từ một, mười, trăm, ngàn, cho đến số muôn. Sao gọi là Thời ? Đó là sự hành trì từ 7 ngày, 1 tháng, 1 năm hoặc suốt đời cho đến khi thành Phật. Còn Hình Tượng là thế nào ? Đó là sự tu tập quán hạnh, cầu phóng quang minh, nếu chưa phóng quang minh quyết không thôi nghỉ. Ba việc như thế tùy nơi tùy ý hành giả theo sở nguyện mà y Pháp tu hành.

Về phần niệm cũng tùy theo 5 bộ sai biệt. Nếu thọ trì theo Phật Bộ thì dùng hạt Bồ Đề. Nếu thọ trì theo Kim Cang Bộ thì dùng hạt Kim Cang. Nếu thọ trì theo Bảo Bộ thì dùng các chuỗi bằng vàng, bạc, pha lê hoặc những thứ châu báu. Nếu thọ trì theo Liên Hoa Bộ thì dùng hạt sen. Nếu thọ trì theo Ca Lô Ma Bộ (cũng gọi là Yết Ma Bộ) thì dùng các thứ châu báu tạp sắc xen lẫn nhau.

Lại nếu trì niệm theo Phật Bộ nên dùng ngón cái và ngón trỏ tay mặt mà cầm chuỗi, mấy ngón kia đều buông thẳng ra. Nếu trì niệm theo Kim Cang Bộ, nên dùng ngón cái và ngón giữa tay mặt mà cầm chuỗi. Nếu trì niệm theo Bảo Bộ, nên dùng ngón cái và ngón vô danh tay mặt mà cầm chuỗi. Nếu trì niệm theo Liên Hoa Bộ nên dùng ngón cái, ngón vô danh và ngón út tay mặt mà cầm chuỗi. Nếu trì niệm theo Ca Lô Ma Bộ thì dùng bốn lối trên, cách nào cũng được.

So sánh về công đức thu hoạch của mỗi thứ chuỗi, nếu dùng gỗ thơm làm hạt chuỗi thì được 1 phần phước. Nếu dùng các chất đá, đồng, sắt làm hạt chuỗi, được 2 phần phước. Nếu dùng thủy tinh, trân châu làm hạt chuỗi được 1 câu đê phần phước. Nếu dùng chuỗi bằng hạt sen, hạt kim cang, được 2 câu đê phần phước. Nếu dùng hạt Bồ Đề hoặc các thứ châu báu xen lẫn mà làm chuỗi, được vô

lượng vô biên bất khả thuyết phần phước. Đây là lời của vô lượng hằng hà sa Chư Phật đời quá khứ đã nói. Số 108 là lượng trung bình của tràng chuỗi. Lại nữa, nếu hành giả nghèo thiếu không thể sắm đồ hoa hay hình tượng của Bốn Tôn, nên tùy dùng 1 tượng Phật hoặc tượng Bồ Tát hay đối trước tháp Phật chú tâm tưởng niệm tượng Phật, lòng thường lặng lẽ không tán loạn tức đồng với hiền Thánh không khác. Nếu buộc tâm nơi chót mũi thì rất là tối thượng, tức đồng với định của bậc Thánh nhân. (Kinh Chư Phật cảnh giới nhiếp chân Phật, quyển hạ.)

Mục B. – Pháp Mạn Đà La Tát Cảnh Tương Ứng

Tôi nay vì làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, từ trong đại giáo căn bản của Đức Như Lai đã nói, diễn thuyết pháp Đại Mạn Đà La quán tưởng thanh tịnh các ác thú. Vị A Xà Lê khi muốn tác pháp, trước phải lựa nơi vắng lặng ngồi yên, lắng lòng, quán chân lý pháp vô ngã khiến cho được hiện tiền, kể đó tượng từ nơi cổ hiện ra đóa hoa sen lớn, trên hoa sen lại hiện ra chữ A. Sau lại tưởng chữ A biến thành vành trăng tròn sáng, kể tượng vành trăng biến thành chữ Hồng, chữ Hồng biến thành chày Kim Cang 5 chia. Lại tưởng chày Kim Cang ấy duy chuyển trên lưỡi, như thế mới được gọi là lưỡi Kim Cang và sau đó tự do trì tụng. (nên dùng phép Kim Cang bồi ra phạ mà làm ủng hộ.)

Kế tiếp trong 2 bàn tay cũng tưởng hiện ra chữ A, chữ A biến thành vành trăng, vành trăng biến thành chữ Hồng, chữ Hồng biến thành chày Kim Cang 5 chia sắc trắng. Quán tưởng như thế cho được hiện tiền rồi mới có thể gọi là tay Kim Cang bền chắc và sau đó mới được dùng tay đó mà kết tất cả Ấn.

Nên dùng phép Kim Cang bồi ra phạ mà làm ủng hộ, dùng phép Kim Cang vì nhiều đi quanh chỗ kiết giới như thế để lợi ích chúng sanh. Lại tưởng giữa hư không cũng kiết giới, trong ấy làm Mạn Đà La, trong Mạn Đà La có vô số thân Phật, số lượng như hạt cải, tướng tốt đoan nghiêm, mỗi mỗi đều rõ ràng.

Bấy giờ vị A Xà Lê liền tưởng ra các thứ hương hoa, hương đốt, hoa đẹp, đèn cho đến các thứ ăn uống thượng diệu để cúng dường. Lại tưởng bên ngoài Mạn Đà La giữa hư không, có Thiên Long bát bộ đều đến tùy hỷ lãnh thọ sự cúng dường. Làm phép cúng dường như thế rồi, đem công ấy hồi hướng, sám hối, phát nguyện để lợi lạc chúng sanh. Lại dùng lời nhiệm mầu khen ngợi công đức của Phật và nói lời kệ rằng :

Như Lai rất Tôn thượng, Đại Sư của Trời, người,
khéo hay dùng pháp lực, thanh tịnh các cõi thú,
chúng sanh lìa đường ác, tu hành chứng Bồ Đề,
cả Thiên Long Bát Bộ, chấp tay kính lễ Phật,
mỗi vị lễ Phật rồi, ân thân mà chẳng hiện.

Quán tưởng như thế mỗi mỗi đã rõ ràng và thành tựu xong, kể lại tưởng nơi tâm hiện ra vành trăng, trên vành trăng có Mạn Đà La giữa hư không cũng hiện rõ ràng rồi kiết ấn Kim Cang câu nhiếp vào trong tâm, tưởng 2 Mạn Đà La. Trong Mạn Đà La này, quán tưởng thân mình là Thích Ca Mâu Ni Phật, nơi tâm Phật lại hiện ra vành trăng tròn sáng, trong vành trăng có chân ngôn màu nhiệm của Bồ Tôn gọi là tịnh chư ác thú chơn ngôn. Khi hành giả vừa khởi tâm niệm tụng thời trong khoảng sát na, chơn ngôn màu nhiệm ấy phóng ra ánh sáng lớn soi khắp tất cả cõi chúng sanh, dưới cho đến nẻo bàng sanh, ngã quỷ, địa ngục. Ánh sáng đó chiếu đến hữu tình nào thời do sức uy quang, tội nghiệp của hữu tình ấy đều được tiêu diệt. Lại tưởng khi ánh sáng diệt các nghiệp ác thú, rồi liền đem chúng sanh đổ vào trong Tương Ứng Mạn Đà La. Bấy giờ vị A Xà Lê tụng chơn ngôn quán đánh màu nhiệm, dùng pháp sạch rưới lên trên đánh khiến các hữu tình đều thành Phật tử. (Kinh Phật thuyết Đại Thừa Quán Tưởng Mạn Đà La Tịnh Chư Ác Thú, quyển thượng.)

Mục C. Mạn Đà La Được Quả Phật

Nay xin nói rộng về nghi quy các đệ tử Kim Cang vào Kim Cang Đại Mạn Đà La. Trong đây, trước tiên tôi xin nói về nhân quả Tất Địa Tồi Thắng khiến vào khắp các cõi hữu tình không còn thiếu sót, để cứu vớt làm lợi ích an vui cho chúng sinh vào Đại Mạn Đà La này, không nên lựa chọn là pháp khí hay chẳng phải pháp khí. Tại sao thế ?

Bạch Thế Tôn, hoặc có chúng sanh gây tội nặng khi đã thấy và vào Kim Cang giới Đại Mạn Đà La này rồi, sẽ được tất cả ác thú.

Bạch Thế Tôn, hoặc có chúng sanh tham đắm các thứ danh lợi, uống, ăn, dục nhiễm, rất ghét pháp tam muội, những kẻ như thế nếu tùy ý ưa thích vào Mạn Đà La này rồi, sẽ được thành mãn tất cả tâm nguyện. Bạch Thế Tôn, hoặc có chúng sanh ưa thích sự múa hát, vui chơi, ăn uống, các thứ ngoại cụ ... Những

chúng sanh ấy do không thấu hiểu pháp tánh Đại Thừa hiện chứng của tất cả Như Lai, nên vào Mạn Đà La của Chư Thiên Thần để cầu sự nhiếp thọ vô thượng thành mãn tất ý nguyện, sanh lòng vui mừng ưa thích, đối với Mạn Đà La cấm giới của tất cả Như Lai sợ hãi không dám vào. Nay tôi vì hữu tình lầm tới chốn Đàn Tràng đưa đến nẻo ác thú kia khuyên cho họ và Kim Cang giới Đại Mạn Đà La. Tại Sao ? Vì muốn khiến cho hữu tình ấy được môn Tất Địa Tối Thắng cực an vui, vì muốn cho được sự thọ dụng an lạc vừa ý, vì Mạn Đà La này hay chuyển tất cả các nẻo ác thú hiện tiền.

Bạch Thế Tôn, hoặc có chúng sanh trụ nơi chánh pháp vì tất cả hữu tình mà cầu giới định huệ, các môn tất địa tối thắng, các phương tiện đến quả Phật Bồ Đề của Chư Như Lai từ lâu đã mỗi nhọc tu các môn thiền định giải thoát xong không chứng được, chúng đó khi vào Kim Cang giới Đại Mạn Đà La này rồi thì sự chứng quả Phật không còn thấy khó hướng chi là các môn tất địa khác. (Kinh Kim Cang Đánh Nhất Thế Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Đại Giáo Vương, quyển hạ).

Mục D. Mười Tướng Không Đồng Của Hai Bộ Mạn Đà La

Hỏi : Hai bộ Mạn Đà La là những gì ?

Đáp : Đó là thại tạng giới Mạn Đà La và Kim Cang giới Mạn Đà La.

Hỏi : Hai bộ Mạn Đà La ấy có nghĩa nào không đồng mà chia làm 2 giới ?

Đáp : Có 10 tướng không đồng mới chia ra 2 giới, 10 tướng đó là :

1. Danh không đồng.
2. Chân ngôn khế án không đồng.
3. Giáo lệnh và luân thân không đồng.
4. Tại triền và xuất triền không đồng.
5. Liên tâm cùng nguyệt tâm không đồng.
6. Lý và trí không đồng.
7. Sự phê lập 5 chữ A và 5 tướng không đồng.
8. Ba bộ cùng 5 bộ không đồng.
9. Nghĩa mau chóng thành Phật và tức thân thành Phật không đồng.
10. Sự kiến lập chính hội và 13 Đại Hội không đồng.

Mười tướng không đồng đây là biểu thị nghĩa sai biệt trong bình đẳng vậy.

Hỏi : 2 giới Đại Mạn Đà La ấy duy có 10 tướng không đồng như thế hay còn có nghĩa môn nào đồng nhau chăng ?

Đáp : Nói lược thì có 10 nghĩa môn đồng nhau. 10 nghĩa môn đó là:

1. Tướng biệt thể đồng môn.
2. Thuyết giới lợi sanh đồng dụng môn.
3. Tu hành đồng tướng môn.
4. Diệt tội hoạch lợi phước đồng tướng môn.
5. Châu biến tác dụng đồng dụng môn.
6. Siêu quá tam thể đồng tánh môn.
7. Tự bản thùỳ tích tu nhơn hướng quả đồng tướng môn.
8. Tam cú tam môn phể lập tướng thông môn.
9. Đồng dụng hộ ma môn.
10. Đồng dụng quán đánh môn.

Mười môn này biểu thị nghĩa sai biệt có bình đẳng vậy.

Hỏi : Trước tiên xin hỏi về 10 tướng không đồng. Vậy điều thứ nhất danh tự không đồng là thế nào ?

Đáp : Đó là nghĩa danh tự của 2 giới Mạn Đà La không đồng. Một bên gọi là Thai Tạng giới Mạn Đà La, một bên gọi là Kim Cang giới Mạn Đà La.

Hỏi : Mạn Đà La nghĩa là gì ?

Đáp : Trong Kinh Đại Nhật Kim Cang Thủ Bồ Tát hỏi : Bạch Thế Tôn, sao gọi là Mạn Đà La ? Đức Phật bảo : Phát sanh Chư Phật gọi là Mạn Đà La không chi hơn được, pháp vị không chi sánh bằng gọi là Mạn Đà La.

Trong quyển Tứ Chúng Mạn Đà La nghĩa, có câu hỏi : “Tại sao các nghĩa như Ma Ha Tam Muội Gia có phiên dịch còn nghĩa Mạn Đà La không phiên dịch? “Đáp : Cũng có nơi phiên dịch theo hai lối tân và cựu, cựu dịch gọi là Đản, tân dịch là Luân Viên Cự Túc. Nhưng chữ Đản của người xưa phiên dịch được phần đơn giản nhưng không đầy đủ, còn nghĩa Luân Viên Cự Túc theo lối tân dịch thì đầy đủ hơn.

Hỏi : Sự đầy đủ và không đầy đủ ấy như thế nào ?

Đáp : Người xưa phiên dịch là Đàn chỉ lấy ý nghĩa bằng phẳng như ở Tây Vút, khi tể trời dọn chỗ đất sạch sẽ gọi là Đàn, nhưng thật ra còn thiếu nhiều ý nghĩa như : Khế Ẩn, Tam Mật, Tứ Trí. v.v.... Còn nghĩa Luân Viên Cự Túc như khi nói bánh xe thì những đầu trục, cốt, cãm, vành, niềng xe đều gồm đầy đủ trong danh từ bánh xe. Đã nói Luân Viên còn gọi thêm Cự Túc vì những ý nghĩa khác nhau như “không chi hơn”, “Pháp vị không sánh bằng”... Đều gồm đầy đủ trong đó.

Hỏi : Thế tướng của Mạn Đà La ấy như thế nào ?

Đáp : Trong Tứ Chúng Mạn Đà La nghĩa có nói : Mạn Đà La có 4 thứ hoặc 5 thứ khác nhau. 4 thứ là trong Kinh Tỳ Lô Giá Na nói : Đàn Vuông, Đàn Tròn, Đàn Tam Giác và Đàn hình Bán Nguyệt. 5 thứ là trong Kinh Kim Cang Đánh nói : Đàn Tròn, Đàn Vuông, Đàn Tam Giác, Đàn hình Hoa Sen và Đàn hình Kim Cang. Theo Kinh Tỳ Lô Giá Na thì Đàn Vuông phối với đại địa, Đàn tròn phối với thủy đại, không đại, Đàn Tam Giác phối với hỏa đại, Đàn Bán Nguyệt phối với phong đại. Lại Đàn Vuông là nghĩa bình đẳng vì tướng đất vuông. Đàn Tròn nghĩa viên mãn vì hư không và nước tròn. Đàn Tam Giác là nghĩa hàng phục vì tướng lửa bốc lên hình tam giác. Đàn Bán Nguyệt là nghĩa diệt trừ tai nạn vì gió hay xô ngã các vật.

Mạn Đà La còn có nhiều danh nghĩa. Đàn tràng có những bức vẽ như hình họa 37 Tôn Tượng gọi là Đại Mạn Đà La. Đàn tràng có những bức vẽ như Chư Tôn cầm đao, kiếm, bánh xe... Gọi là bình đẳng Mạn Đà La. Đàn tràng có những Tôn Tượng do tô đắp khắc chạm, hoặc đúc mà thành gọi là sự nghiệp oai nghi Mạn Đà La. Đàn tràng có những bức vẽ chùng từ tự của Chư Tôn bên Tôn vị gọi là Pháp Mạn Đà La. Sở dĩ gọi là Đại Mạn Đà La vì những Tôn Tượng đó do 5 đại sắc họa thành. 5 Đại Sắc : vàng, trắng, đỏ, đen, xanh ấy lại theo thứ lớp phối hợp với ngũ đại là đất, nước, gió, lửa và hư không. Gọi bình đẳng Mạn Đà La vì Chư Tôn tiêu biểu cho hữu tình, đao, kiếm, bánh xe tiêu biểu cho phi tình, đây là lấy ý nghĩa ngũ đại lan khắp thành lập hữu tình và phi tình một cách bình đẳng. Lại đao, kiếm, bánh xe ấy tuy là phi tình nhưng cũng gồm nghĩa hữu tình

vì nó hàm ý về Trí Ẩn của Như Lai, như Đại Trí Ẩn, Bình Đẳng Trí Ẩn, Yết Ma Trí Ẩn, Pháp Trí Ẩn, và “Trí” có nghĩa là lựa chọn phân minh, “Ẩn” có nghĩa là quyết định không cải. Gọi Sự Nghiệp Oai Nghi Mạn Đà La vì những tượng tô, đúc hoặc chạm ấy thẳm nói lên sự nghiệp và oai nghi của Chư Phật, Bồ Tát một cách sống động. Gọi Pháp Mạn Đà La vì những chủng tử tự của Chư Tôn có nghĩa quy tắc và quy trì.

Hỏi : Sao gọi là Thai Tạng giới Mạn Đà La ?

Đáp : Trong Đại Nhật Kinh Sớ có nói : ước về Thai Tạng do nhân duyên cha mẹ giao hợp, thần thức mới gá vào trong thai do gió nghiệp tượng thành lần lần lớn lên. Đến khi đứa bé được sinh ra thì gân, xương chi tiết đã hoàn thành, các căn đầy đủ. Và từ đó đứa trẻ lấy tập tánh của cha mẹ. Cũng như thế, hành giả y theo chân ngôn môn học tập Đại Bi muôn hạnh, tịnh tâm lần lần hiển hiện. Do tâm Đại Bi, những việc làm đều vì kiến lập chúng sanh, khiến thành tựu sự vui trong pháp giới vô tận. Rồi từ đó công quả từ từ viên mãn, lên ngôi vô thượng Bồ Đề được vào trong đồng giống Như Lai. Cho nên Đại Bi thai tạng là ước theo dụ mà được tên. Đó là y theo thánh thai Bi Trí của Phật vào nơi Đạo Tràng Tam Mật Tương Ứng, nương phương tiện khéo để thành tựu chủng tử bản giác của mình và tất cả chúng sanh vậy.

Hỏi : Còn danh từ Kim Cang giới y theo dụ hay theo pháp mà được tên ?

Đáp : Đó là y theo dụ chứ không phải pháp “Kim Cang” về dụ có 2 nghĩa : bền chắc không thể phá hoại và năng dụng của nó cứng bén có thể phá hoại vật khác. Như trong Kim Cang Đảnh Kinh có nói : “Kim Cang” hàm hai ý nghĩa “bền chắc” và “năng dụng cứng bén”. Đó là y theo dụ mà đặt tên. Nói bền chắc là ví cho chân lý Bí Mật chẳng nghĩ bàn của thật tướng, luôn luôn vẫn thường còn, không thể phá hoại. Nói năng dụng cứng bén là dụ cho trí dụng của Như Lai có công năng dẹp phá hết hoặc chướng, làm hiển rõ chân lý thật tướng. Lại theo thế gian, Kim Cang có nghĩa không thể phá hoại, chất báu trong các thứ báu và vật thù thắng trong các chiến cụ, đây là tiêu biểu cho 3 ý nghĩa của cực lý pháp thân. Nói “không thể phá hoại” là tiêu biểu cho pháp thân của tất cả Như Lai không sanh không

diệt không trước không sau, bền bỉ thường còn không hư hoại. Nói chất báu trong các thứ báu là tiêu biểu cho thật tướng trung đạo đầy hằng sa muôn đức. Nói “ vật thù thắng trong các chiến cụ” là tiêu biểu cho lý đệ nhất nghĩa không, tất cả phiền não không thể đối địch. Đây cũng tức là 3 ý nghĩa của chữ A. Đạo lý ấy pháp nghĩ như thế, không phải trời người hay chư Phật tạo tác ra được gọi là “ Kim Cang”

Hỏi : danh từ Thai Tạng Giới và Kim Cang Giới còn có ý nghĩa nào nữa chăng ?

Đáp : trong Kinh Đại Nhật có nói : thọ sanh trong biển tánh thể giới chủng Thai Tạng trang nghiêm hoa đẹp màu trái khắp mặt đất. Đây là ý nói thai tạng giới là khí thể gian và Đức Đại Nhật Như Lai đã thọ sanh nơi đó.

Kinh Đại Nhật nói : “cung Kim Cang pháp giới rộng lớn”. Kinh Du Kỳ bảo : “ Tâm Điện Kim Cang Quang Minh, sẵn có không hư hoại.” đây cũng đều là những danh từ chỉ cho Kim Cang Giới là khí thể gian.

Hỏi : Điều thứ hai : Chân ngôn Ấn Khế không đồng là như thế nào ?

Đáp : Đây là chỉ cho Chư Tôn, chân ngôn và Ấn Khế của hai giới Mạn Đà La không đồng. Chẳng hạn như Tôn Tượng trong Mạn Đà La của Thai Tạng giới, Trung Phương là Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Đông Phương Bảo Tràng Như Lai, Nam Phương Khai Phu Hoa Vương Như Lai, Tây Phương A Di Đà Như Lai, Bắc Phương Thiên Cổ Lô Âm Như Lai, Đông Nam Phương Phổ Hiền Bồ Tát, Tây Nam Phương Quan Thế Âm Bồ Tát, Tây Bắc Phương Mạn Thù Thất Ly Bồ Tát, Đông Bắc Phương Di Lạc Bồ Tát. Như thế tổng cộng là chín vị, mỗi vị đều có chân ngôn Ấn Khế khác nhau. Đại khái như Đức A Di Đà Như Lai có Liên Hoa Tạng chân ngôn : “ Quy mạng thâm sách sá ha” và Ấn Di Đà định.

Trong Mạn Đà La của Kim Cang giới, Trung Phương là Đức Đại Nhật Như Lai, Đông Phương A Súc Bệ Như Lai, Nam Phương Bảo Sanh Như Lai, Tây Phương Vô Lượng Thọ Như Lai, Bắc Phương Bất Không Thành Tựu Như Lai. Như thế có đến 37 Chư Tôn, mỗi vị đều có chân ngôn và Ấn Khế riêng biệt.

Nhưng đây chỉ cử ra 2 Mạn Đà La của 2 giới để làm tiêu biểu ngoài ra còn nhiều Mạn Đà La khác nữa.

Hỏi điều thứ 3 : Giáo lệnh luân thân không đồng là như thế nào ?

Đáp: Đây là chỉ cho giáo lệnh luân thân của 2 giới đều khác nhau. Chẳng hạn như Thai Tạng giới lấy Bất Động Tôn làm giáo lệnh luân, Kim Cang giới lấy Hàng Tam Thế Tôn làm giáo lệnh luân.

Nói giáo lệnh luân thân vì chư Phật, Bồ Tát có 2 thân là : Chánh Pháp Luân Thân, và giáo lệnh Luân Thân. Chánh Pháp Luân Thân là Sắc Thân Chuyển Pháp Luân, đầy đủ tướng tốt trang nghiêm, hiện về từ bi hoà nhã. Giáo Lệnh Luân Thân là vì lợi tha vì giữ gìn Chánh Pháp, Chư Phật Bồ Tát phương tiện thị hiện sắc thân phần nộ oai nghiêm đáng sợ để hàng phục những ma oán làm chướng nạn. Bất Động Minh Vương trong Thai Tạng giới và Hàng Tam Thế Minh Vương trong Kim Cang giới... đều là những giáo lệnh Luân Thân.

Về năng dụng nhiếp hoá, Bất Động Minh Vương khiến cho phát tâm Bồ Đề khiến cho không thoái chuyển, ngăn trừ ngoại ma làm chướng nạn, hàng phục ngoại ma vương thuộc đệ tứ thiên. Còn Hàng Tam Thế Minh Vương thì khiến cho phục đoạn ma phiền não Tam Độc dẹp trừ cảnh phiền não của nội ma, hàng phục cõi ma vương của cõi Tha Hoá. Bất Động Minh Vương là hóa thân của Đại Nhật Như Lai, có lửa trí thuộc chữ Lãm khởi năng dụng đốt cháy tất cả. Hàng Tam Thế Minh Vương là hoá thân của A Súc Bệ Như Lai có sức gió thuộc chữ Cầm, khởi thắng dụng xô dẹp tất cả.

Hỏi điều thứ tư : tại triền và xuất triền không đồng là thế nào ?

Đáp : đây là ý nói Thai Tạng giới tương ứng với nghĩa chân như tại triền, Kim Cang giới tương ứng với nghĩa chân như xuất triền. Trong Bồ Đề Tâm nghĩa có nói : “ trái tim của nam và nữ đều có 8 số tịnh đồ, hình như búp sen”. Kim Cang Đánh Sớ bảo : “ giác trí của Như Lai hoa sen nở ra. Tâm tánh của chúng sanh mê chướng như hoa sen khép lại” cho nên bên Thai Tạng giới quán trái tim thành hoa sen tám cánh lấy ý chân như tuy tại triền nhưng bản lai vẫn thanh tịnh cũng như hoa sen tuy chưa ra khỏi nước

nhưng thể tánh vẫn trong sạch. Còn bên Kim Cang giới thì quán nơi tâm thành vàng trắng tròn sáng lấy ý nghĩa chân như xuất trần.

Hỏi điều thứ 5 : Liên tâm cùng nguyệt tâm không đồng là thể nào ?

Đáp : vì chơn tâm không ngoài vọng tâm, nên bên Thai Tạng giới quán trái tim thành hình hoa sen, bên Kim Cang giới quán thành vàng nguyệt sáng như trên đã nói.

Bên Thai Tạng giới, quán trái tim thành hình hoa sen tám cánh là phối dụ cho tự tướng của 8 thức. Và 8 thức này lại phối dụ cho 8 vị Phật ở 8 phương. Khi 8 thức chuyển thành trí rồi thì toàn thể đều là vô cấu bạch tịnh thức. Bí Tạng Ký nói : “ nơi thân ta co tâm Bồ Đề thanh tịnh. Tâm ấy tuy ở trong đường sanh tử trải qua 6 nẻo 4 loài mà không bị nhiễm ô. Ví như hoa sen tuy sanh nơi bùn nhưng thể chất sạch thơm không ướm trước.

Bên Kim Cang giới quán thành vàng trắng sáng, như trong Bồ Đề tâm nghĩa có câu hỏi “ tất cả hữu tình đềm hàm tâm Đại Bồ Đề của Đức Phổ Hiền, vậy thì tướng trạng tâm ấy là xiên, ngay, dài, ngắn, hay vuông, tròn ? “Đáp : trong Luận nói : “ ta thấy tự tâm hình thể sáng rỡ như mặt trăng tròn đầy.” Dụng Tâm Thứ Đệ cũng bảo : “ Tâm tánh thanh tịnh ấy do 3 nghĩa nên ví như vàng nguyệt. 1 là nghĩa “tự thể trong sạch” vì lia bọt như tham nhiễm, 2 là nghĩa “mát mẽ” vì lia sự nóng bức của giận hờn, 3 là nghĩa “sáng suốt” vì lia sự tối tăm của ngu si. Mặt trăng đủ 3 đức tính ấy, người đời đều cũng thấy, nên lấy đó làm dụ để cho hành giả ngộ nhập và mau thành tựu quán môn.

Hỏi điều thứ 6 : Lý và trí không đồng là thể nào ?

Đáp : Bí Mật Ký nói : “ Thai Tạng giới thuộc về lý, Kim Cang giới thuộc về trí” Từ Chung Mạn Đà La nghĩa cũng bảo : “ Quán Tự Tại Bồ Tát chủ trì Liên Hoa Bộ vì bộ này tiêu biểu nghĩa chân lý không nhiễm. Kim Cang Thủ Bồ Tát chủ trì Kim Cang Bộ vì bộ này tiêu biểu nghĩa trí tuệ phá trừ phiền não. Nói về tướng thì lý là hình hoa sen, trí là hình Kim Cang, mỗi mỗi tướng mang đầy đủ ý nghĩa của nó. Lại nhiếp trì không loạn là lý, tâm cảnh sáng suốt là trí, lý và trí dung nhiếp lẫn nhau. Cho nên trong quán

môn có lúc hành giả tưởng hoa sen nhiếp trì chày Kim Cang là thuộc về ý nghĩa này”.

Hỏi điều thứ 7 : Sự phé lập 5 chữ A và 5 tướng không đồng là thế nào ?

Đáp : Đây là 5 nghĩa loại chữ A của Kinh Đại Nhật thuộc Thai Tạng giới và tổng nghĩa 5 tướng thành thân của Kinh Kim Cang Đảnh thuộc Kim Cang giới không đồng nhau. Theo Đại Nhật Kinh Sớ thì thứ nhất chữ A ở phương Đông, cứ tiếng Phạn chữ Đông có nghĩa là phát động, theo thế gian, thì trong các phương, phương Đông là hơn hết. Đây dụng cho Bồ Đề Tâm là bước đầu tiên của muôn hạnh thuộc về Phật Bảo Tràng. Bảo Tràng Phật là Bồ Đề Tâm như trong quân ngũ, ngọn cờ là hướng đạo của binh sĩ khi tới lui đều phải theo hiệu lệnh đó. Cũng thế, muôn hạnh của Bồ Tát cũng đều phải lấy Bồ Đề Tâm làm tiêu chuẩn. Thứ 2 chữ AM (thuộc loại chữ A) có nghĩa hạnh Bồ Đề ở phương Nam thuộc về Phật Khai Phu Hoa Vương. Khai Phu Hoa Vương Như Lai là hoa sen mãn giác. Nếu chỉ có Bồ Đề Tâm mà không thực hành 10 độ muôn hạnh thì giác hoa không nở. Như y theo tâm Bồ Đề tu tập Bồ Tát hạnh tất hoa Viên Giác được sức tu trưởng lần lần nở tròn tốt tươi. Thứ 2 chữ AN có nghĩa là Bồ Đề Tâm ở phương Tây thuộc về Phật A Di Đà. A Di Đà Như Lai là thọ dụng Phật. Đây là chỉ cho khi thành Đại Quả được hưởng pháp lạc chân thật vô lượng, không thể nghĩ bàn. Thứ 4 chữ A có nghĩa : vào Niết Bàn ở phương Bắc thuộc về Phật Thiên Cổ Lô Âm. Thiên Cổ Lô Âm Phật tức là nghĩa phương tiện. Đây chỉ cho khi thành Đại Quả, không những Như Lai riêng mình thọ dụng mà còn dùng Thành Sở Tác Trí diễn vô số phương tiện hóa độ chúng sanh và sau rốt cũng phương tiện mà vào Niết Bàn. Ví như tiếng Thiên Cổ tuy vô tư mà thành tựu sự nghiệp. Bồ Đề Tâm nghĩa nói : “ Phật A Di Đà thành Bồ Đề thọ dụng pháp quả, Phật Thiên Cổ Lô Âm việc làm đã xong vào Đại Niết Bàn là ý nghĩa này. Thứ 5 chữ AO (hay Ô) có nghĩa : đầy đủ phương tiện, ở trung phương thuộc Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Bản thân và thể Hoa Đài của Phật Đại Nhật siêu tuyệt 8 cánh hoa cùng các phương sở, chẳng phải cảnh giới tâm tư, chỉ Phật với Phật mới có thể rõ biết hết. Nhưng vì nghĩ đến bản thể nên Đức Đại Nhật mở tạng Đại Bi để

dẫn chúng sinh vào Phật tuệ, dùng thân lực gia trì hiện thân khẩu ý khắp trong đường sanh tử. Đây là các phương tiện.

Năm tướng thành thân là : Thông Đạt Tâm, Tu Bồ Đề Tâm, Thành Kim Cang Tâm, Chứng Kim Cang Tâm, và Phật thân viên mãn. Thông Đạt Tâm là thông đạt pháp giới thể tánh trí, biết rõ Phật tánh sẵn có thuộc về Tín – Tâm - Vị. Tu Bồ Đề Tâm tức là hành tướng chân ngôn môn thuộc Tam - Hiền - Vị. Thành Kim Cang Tâm là gia trì tâm Bồ Đề khiến cho bền chắc như Kim Cang, trong khi mật tu hành giả quán vàng tâm nguyệt thành Kim Cang nên gọi là Kim Cang tâm. Đây thuộc về pháp sở hành của hàng Thập Địa Bồ Tát. Chứng Kim Cang thân là chỉ cho Kim Cang dụ định của Đẳng Giác Bồ Tát. Phật thân viên mãn là quả vị tròn sáng cùng cực của ngôi diệu giác Bản Tôn. Sở dĩ nói 5 loại chữ A và 5 tướng thành thân không đồng vì loại 5 chữ A đều ước về quả vị Phật thuộc bản giác, còn 5 tướng thành thân không cả nhân quả thuộc thủy giác. 5 chữ A lấy Đại Viên Cảnh Trí làm tối sơ, lấy Pháp Giới Trí làm sau rốt. 5 tướng lấy pháp giới đầu tiên, lấy Thành Sở Tác Trí làm chung kết. Lại ước theo 2 giới, về 5 chữ A và 5 tướng, những chủng tử tự đều khác nhau vì thế mới nói “ phé lập không đồng”.

Hỏi điều thứ 8 : 3 bộ cùng 5 bộ không đồng là thế nào ?

Đáp : đây là chỉ cho Thai Tạng giới có 3 bộ gồm Phật Bộ, Liên Hoa Bộ và Kim Cang Bộ. Kim Cang giới có 5 bộ là Liên Hoa Bộ, Kim Cang Bộ, Phật Bộ, Bảo Bộ và Yết Ma Bộ.

Hỏi điều thứ 9 : nghĩa mau chóng thành Phật và tức thân thành Phật không đồng nhau như thế nào ?

Đáp : bên Thai Tạng giới có nghĩa “mau chóng thành Phật” ý nói do sưu tập chơn ngôn môn, tội chướng tiêu diệt mau lẹ như sương tuyết dưới mặt trời, trong 1 đời có thể chứng vào pháp tánh thân của Phật. Như Kinh Xí Thanh Quang Phật Đảnh nói : “ nay Như Lai vì muốn hiển oai lực thần thông lớn, nói pháp tu chứng căn bản của Chư Phật, khiến thiện nam tử thiện nữ nhen ngay nơi nhục thân của đời này có thể thành tựu đại Phật sự” Kinh Lý Thú Bát Nhã nói cũng nói ý thú đại khái như thế.

Bên Kim Cang giới thì lập nghĩa “ tức thân thành Phật” ý nói hữu tình cùng khí thể giới đều do 6 đại duyên khởi và đó chính là Phật thân, nếu tu chân ngôn được Tam Mật tương ứng thì ngay thân này chính là Phật. Như trong Tứ Thân Thành Phật Nghĩa nói “ lục đại vô ngại thường tương ứng. 4 thứ Mạn Đà La không rời khác. 3 Mật gia trì mau chóng hiển để vòng trùng trùng là tức thân”.

Hỏi điều thứ 10: sự kiến lập 9 hội và 10 Đại Hội không đồng là thế nào ?

Đáp : Kim Cang giới kiến lập 9 Hội Mạn Đà La gồm có :

- | | |
|-----------------------------------|---------------------------------|
| 1. Thành Thân Hội. | 2. Thành Thân Tam Muội Gia Hội. |
| 3. Vi Tế Hội. | 4. Cúng Dường Hội. |
| 5. Tứ Ân Hội. | 6. Nhất Ân Hội. |
| 7. Lý Thú Hội. | 8. Hàng Tam Thế Hội. |
| 9. Hàng Tam Thế Tam Muội Gia Hội. | |

Bên Thai Tạng giới kiến lập 13 Đại Hội, Hội Đài ở Trung Vị hình hoa sen 8 cánh, có 5 vị Bồ Tôn xung quanh gồm có 12 viện khác, Chư Tôn mỗi nơi đều sai biệt. Cũng có thể gọi đây là 13 đại viện Mạn Đà La.

Mục E. – 10 Tướng Đồng Nhau Của 2 Bộ Mạn Đà La

Hỏi : Trong 10 đồng tướng môn, điều thứ nhất “ tướng biệt thể đồng môn là thế nào ?

Đáp : Thai Tạng giới cùng Kim Cang giới ước về nghĩa tướng tuy có sai biệt nhưng về thể tánh vẫn không khác nhau. Tất cả chúng sanh cùng Chư Phật, Bồ Tát đồng 1 thể tánh bình đẳng là thức Yêm Ma La. Từ nơi tịnh thức thứ 9 này phân ra nghĩa tướng 2 bộ Mạn Đà La Kim Cang và Thai Tạng giới. Như Kinh Đại Nhật nói : “ nếu có thể biết được đại ngã của nội tâm, tùy nơi tâm vị mình, là chỗ đạo sư trụ. Từ tâm sanh 8 cánh Hoa Sen rất trang nghiêm. Vàng nguyệt hiện sáng tròn không bọt, như gương sạch, nơi đó thường an trụ, chân ngôn của Thế Tôn” đoạn văn này biện minh nghĩa liền tâm cùng nguyệt của hai giới không khác nhau.

Hỏi điều thứ hai : Thuyết pháp lợi sanh đồng dụng môn là thế nào ?

Đáp : đây là nói 2 bộ Đại Pháp đều do Đức Đại Nhật Như Lai diễn pháp tự chứng để lợi ích chúng sanh hữu duyên.

Hỏi : giáo chủ Thai Tạng giới là Phật Đại Nhật nói Kinh Đại Nhật ở nơi cung Kim Cang pháp giới rộng lớn giáo chủ của Kim Cang giới cũng là Phật Đại Nhật nói Kinh Kim Cang Đảnh ở trời Sắc Cứu Cánh. Tại sao là cùng 1 năng dụng thuyết pháp lợi sanh mà Phật lại nói cảnh nội chứng ở khác nơi như thế ?

Đáp : cung Kim Cang pháp giới và trời Sắc Cứu Cánh cùng đồng 1 chỗ nhưng chỉ khác tên. Bồ Đề Tâm Nghĩa nói : “ sắc cứu kính đây chỉ cho cảnh giới tâm vương, là pháp giới cung không phải cõi đệ tứ thiên vì tâm vương này khắp tất cả chỗ nên cung ấy cùng khắp tất cả chỗ.

Hỏi : Ứng Thân, Hoá Thân thuyết pháp các tông đều công nhận Đại Nhật Như Lai là Pháp Thân thì không sắc tướng, tuyệt đường ngôn ngữ, dứt nẻo tâm hành, như thế làm sao thuyết pháp được ?

Đáp : Pháp Thân có 2 nghĩa : Hiển và Mật. Hiển giáo thường diễn, Pháp Thân Vô Tướng như Kinh Tam Địa Quán nói : “ Pháp Thân không hình lia các tướng. Năng tướng, sở tướng thấy đều không. Như thế Chư Phật Pháp Thân màu. Hí luận ngôn từ tướng vắng lặng. Nhưng theo Mật Giáo, Pháp Thân cũng là sắc thể nên cũng có thể hiện ra hình sắc, bởi sắc tâm vốn không hai, sắc tánh tức là Trí Tánh. Như Kinh Mật Nghiêm nói : “được trí tuệ giải thoát thân Như Lai nhiệm màu. Tại sao nơi Niết Bàn cho là Pháp diệt hoại. Tuy nhiên Phật Đại Nhật chính là Đức Thích Ca Báo Thân hay Ứng Thân của Đức Thích Ca cũng tức là Pháp Thân, nói Đại Nhật Như Lai thuyết pháp là ý bảo giáo pháp này từ nơi pháp thân bí mật rộng lớn của Như Lai diễn xuất ra, chớ khôn có chi là.

Hỏi điều thứ 3 : Tu hành đồng tướng môn là thế nào ?

Đáp : đây là nói nghĩa hành tướng tu hành của 2 pháp Mạn Đà La đồng nhau. Như Kinh Đại Nhật nói : “ Này Bí Mật Vương ! Vị A Xà Lê kia nếu thấy chúng sanh kham làm pháp khí : 1 có sự tin hiểu sâu rộng, 2 xa lia các trần cấu, 3 mạnh mẽ siêng năng, 4 thường nghĩ đến việc lợi tha. Nếu gặp người đủ 4 điều kiện trên vị A Xà Lê nên tự đến khuyến pháp bảo rằng : này phật tử ! Đạo pháp Đại Thừa chân ngôn đây ta vì bậc Đại Thừa căn khí mới khai diễn. Ông nên dùng trí tuệ phương tiện để thành tựu, tất

sẽ chứng được. Tát Bà Nhã Kinh Kim Cang Đảnh cũng nói : “ Vị A Xà Lê nếu thấy người có thể làm pháp khí, chất trực hòa nhã, trí tuệ sáng suốt, lòng tin bền chắc, tuy kẻ đó không cầu pháp và Đạo Tràng, vị quán đánh Sư nên kêu và bảo rằng : này thiện nam tử! Nghi thức bí tạng mật ngữ của Đại Thừa khó được nghe. Ông muốn thành tựu trí tuệ, chân thật của Như Lai, phải nên một lòng tu hành pháp này, tất sẽ chứng được Nhất Thế Chúng Trí.

Hỏi điều thứ 4 : diệt tội hoạch phước đồng tương môn là thế nào ?

Đáp : Đây là biện minh nếu tu theo pháp của 2 Bộ Mạn Đà La tất sẽ được những công đức thù thắng và sự lợi ích diệt tội đồng nhau. Như trong Kinh Đại Nhật, Kim Cang Thủ Bồ Tát : thưa : “ Bạch Thế Tôn ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn vào Đại Bi Tạng, sanh được Đại Mạn Đà La Tam Muội Vương sẽ được bao nhiêu phước tụ ? Đức Phật bảo : “ Này Bí Mật Vương ! Như Lai từ khi mới phát tâm cho đến lúc thành Chánh Giác có bao nhiêu phước đức cũng chỉ bằng phước đức tụ của thiện nam tử, thiện nữ nhơn ấy.” Kinh Lục Quyên Xuất cũng nói : “ Bảy giờ Quán Đánh Sư từ nơi chỗ ngồi đứng lên nói Đại Đàn Vị Pháp giới Mạn Đà La bảo các Kim Cang đệ tử được quán đánh rằng : “ Chư Phật vì lợi ích tất cả nên nói pháp mầu phước điền thù thắng này, các ông nên tùy sức thành biện, sẽ được phước báu vô tận.”

Về sự lợi ích diệt tội, Kinh Đại Nhật nói : “ Các tội nghiệp đã tạo vô lượng câu đê kiếp. Gặp Mạn Đà La này, tiêu diệt không còn dư. Huống chi xung vô lượng, trụ nơi pháp chơn ngôn. Tu vô thượng cú đây. Chân ngôn cứu độ đời. Dứt trừ các ác thú. tất cả khổ chẳng sanh. Nếu tu hạnh như thế, diệu tuệ sâu không động.” Trong Kinh Lục Quyên Xuất, Đức Phật cũng bảo như có chúng sanh nào đã tạo tội nặng, nếu phát tâm sám hối vào Kim Cang giới Đại Mạn Đà La cho đến có kẻ được thấy tất cả tội chướng đều được tiêu diệt.”

Hỏi điều thứ 5 : Châu biến tác dụng đồng dụng môn là thế nào ?

Đáp : Đây là nói sáu Đại Pháp Nhĩ A Lại Da Thức thuộc pháp thể của 2 bộ Mạn Đà La, có thể sanh khởi các pháp nhiệm tịnh cùng khắp.

Hỏi điều thứ 6 : Siêu quán tam thể đồng tánh môn là thể nào ?

Đáp : Đây là nói công năng đưa vào pháp tánh, vượt qua vòng sanh tử luân hồi của 2 Bộ Mạn Đà La đồng như nhau.

Hỏi điều thứ 7 : Tự bản thù tịch tu nhân hướng quả đồng tướng môn là thể nào ?

Đáp : 2 giới thai tạng và Kim Cang đều là những Mạn Đà La từ nơi bản hiện ra tích, tu nhân hướng quả. Đây là ý nói vì muốn tiếp độ chúng sinh nên Như Lai thị hiện bốn lớp thân Mạn Đà La để dẫn dắt những kẻ hữu duyên. Đại Nhật Kinh Sớ nói : “ Vì muốn biểu thị công đức nội chứng nơi một pháp giới Như Lai phân biệt nói ra 8 cánh hoa sen. Cho nên 8 cánh hoa sen đều là 1 thể của Phật Đại Nhật. Nếu Như Lai chỉ trụ nơi pháp tự chứng thì không thể độ sanh. Tại sao thế ? Bởi đó là pháp nhiệm mầu vắng lặng, vượt nẻo tâm tư, làm sao chỉ bày được ? Do đó Như Lai mới dùng thần lực gia trì, hiện tướng thân khẩu ý khắp trong đường sanh tử. Nếu lìa phương tiện ấy, Chư Phật còn không thể khai thị bản địa của mình cho các vị thượng thủ Bồ Tát, huống chi là các loài hữu tình kia ! Thế Tôn biết tất cả Mạn Đà La đều là 1 thân không sai khác. Đó tức là thân Phổ Môn, thân Pháp Giới, thân Kim Cang Giới vậy.

Hỏi điều thứ 8 : Tam Cú Tam Môn phệ lập tướng không môn là thể nào ?

Đáp : Đây là nói Tam Cú Pháp Môn của Thai Tạng Giới và Tam Môn Bồ Đề Tâm của Kim Cang giới, ý nghĩa thông nhiếp lẫn nhau.

Tam Cú Pháp Môn là 3 câu : Bồ Đề tâm là nhân, Đại Bi là căn bản, phương tiện là cứu cánh.

Tam Môn Bồ Đề tâm là : Thắng nghĩa Môn, Hạnh nguyện Môn, và Tam Ma Địa Môn.

Về Tam Cú Pháp Môn như Đại Nhật Kinh Sớ nói : “ Nếu chẳng phát lòng Bồ Đề thì xa lìa nhân mầu làm sao tu tiến được ? tuy đã có Bồ Đề tâm làm nhân nhưng chỉ nhìn trông mà không bước tới đó là có nguyện không hạnh, làm sao thành tựu được Thai Tạng Đại Bi và sanh thân công đức ? Hoặc dù có thể tiến hành nhưng nếu lìa phương tiện và còn có lòng nghi thì không thành tựu được chi, cũng không thể đi vào thật tướng !

Về Tam Môn Bồ Đề tâm như trong Bồ Đề tâm nghĩa nói : “ Thắng Nghĩa Bồ Đề tâm là y theo thắng nghĩa của tâm ấy mà lia bỏ sự kém hạn của phàm phu, ngoại đạo, nhị thừa cho đến hàng Thập Địa Bồ Tát. Lại giác ngộ tất cả pháp đều không tự tánh, dứt trừ vọng niệm, từ nơi chân thật khởi ra diệu dụng, khiến cho muôn đức được đầy đủ. Lại Thắng Nghĩa cũng chính là Đệ Nhất Nghĩa Không, phải y theo nghĩa này mà phát tâm cầu Bồ Đề. Và chữ A có 3 nghĩa là : Bất Sanh, Không, Hữu, nên Long Thọ Bồ Tát nói các pháp do nhân duyên sanh cũng tức là Không là Giả, là Trung. Thế thì biết thật tướng của chân ngôn Bồ Đề tâm cũng tức là Không, là Giả, là Trung vậy. Hạnh nguyện Bồ Đề tâm là những sở hành và phát nguyện của tâm Bồ Đề. Nguyện là nguyện Ba La Mật như Tứ Hoàng Thệ Nguyện. Hạnh là 10 độ và tất cả muôn hạnh. Còn Tam Ma Địa Bồ Đề tâm thì Tam Ma có nghĩa Đẳng Niệm đây là vào trí Phổ Hiền, giữ trì hạnh này vững chắc như Kim Cang, vào cõi hữu tình mà nhiếp thọ hộ niệm 1 cách bình đẳng. Tam Ma lại có nghĩa là Đẳng Dẫn tức dùng tâm bình đẳng dẫn nhiếp tất cả công đức vào tự thân. Tam Ma còn có nghĩa là Đẳng Trì, đó là buộc giữ lòng nơi 1 cảnh không cho tán loạn.”

Hỏi : Sự phê lập sai biệt của Tam Cú và Tam Môn như thế nào ?

Đáp : Trong Tam Cú, đệ nhất cú nhiếp 2 thứ Bồ Đề tâm của Hiền Giáo và Mật Giáo. Bồ Đề tâm của Hiền Giáo như trong Đại Sớ nói : “ nên như thật biết tự tâm chính là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Pháp ấy không thể cầu được một chút phần nào vì nó lia tất cả tướng, không động, không phân biệt, không biến đổi, ví như hư không khắp các nơi đều trong lặng.”

Bồ Đề tâm của Mật Giáo như Bồ Đề Tâm Luận nói : “ Nếu nguyện thành các thân Chư Bồ Tát trong Du Già cũng gọi là phát Bồ Đề tâm.” Đệ Nhị Cú cũng có 2 hạnh Hiền và Mật của 2 giáo. Ước về Tam Môn thì 2 Môn thắng nghĩa và hạnh nguyện phần nhiều là thuyết minh về Bồ Đề tâm của Hiền Giáo. Riêng Tam Ma Địa Môn chỉ hoàn toàn nói về Bồ Đề tâm của Mật Giáo”.

Hỏi điều thứ 9 : Đồng dụng Hộ Ma Môn là thế nào ?

Đáp : Đây là nói 2 giới đồng dùng phép Hộ Ma.

Hộ Ma Trung Hoa dịch là hỏa thiêu, hỏa tế chỉ cho cảnh lửa cháy lấy lòng hay sự cúng tế bằng lửa. “Hộ Ma” lại có nghĩa là thiêu, ám chỉ lửa trí tuệ thiêu đốt nghiệp hoạch. Về phép Hộ Ma, trong Du Già Bộ Ma Nghi Quỹ : Túc tai, Kiết Phật, Ấn, Tăng Ích cò xí báu, Hàng phục, Kim Cang nộ, Câu Triệu, Kim Cang câu thỉnh mời liền ứng nhau, kính ái, Liên Hoa Bộ. Năm Du Già như thế nên làm pháp Hộ Ma.

Hỏi : Có mấy thứ Hộ Ma ?

Đáp : Có 2 là : Nội Hộ Ma và ngoại Hộ Ma. Ngoại Hộ Ma là dùng phép hỏa tế cúng dường tất cả thân Phổ Môn để tăng ích thể lực không nghĩ bàn của mật chú và khiến cho chân ngôn được mau thành tựu. Kinh Mâu Lợi Mạn Đà La nói : “ Nếu không cúng dường thì chẳng được tụng chú. “Đây là ý nói Ngoại Hộ Ma là phương tiện để mau thành tựu tất địa của chân ngôn.

Nội Hộ Ma là dùng lửa trí tuệ đốt sạch cỏ rác phiền não bên trong, cần phải lấy Bồ Đề tâm làm động lực căn bản. Trong Kiến Lập Hộ Ma Nghi Quỹ có nói : “ Vì nghiệp chướng che lấp. Quán nơi môn chữ A, dùng trí tuệ mãnh lợi. Tưởng xung quanh thành lửa. Như kiếp hỏa lấy lòng. Thiêu đốt nghiệp phiền não và củi gỗ vô minh. Không còn sót vật chi. Kế quán tâm Bồ Đề. Dùng nước Đại Bi rưới. Nên tưởng khắp thân mình tuôn chảy mạch cam lồ. Rưới mát 10 phương cõi. Những nhiệt não chúng sinh. Giúp lớn mầm Bồ Đề. Thứ lớp sanh các chữ. Đây chính là Pháp Thân bí mật nội Hộ Ma. Đoạn trên đây ý nói hành giả muốn dứt trừ nghiệp chướng, trước tiên phải dùng chữ A làm đệ tử thân, kế đó dùng lửa chữ LAM tâm đốt cháy sạch tất cả. Lại dùng nước chữ VAM (NOAN) rưới khắp 10 phương khiến cho đều được mát mẽ thanh tịnh.

Tóm lại, phép ngoại Hộ Ma chỉ có tác dụng diệt tội sanh phước trong sanh tử giới, phép nội Hộ Ma thì có công năng dứt trừ phiền hoặc khiến cho siêu thoát luân hồi, nếu bậc chân ngôn hành giả chỉ làm phép ngoại Hộ Ma theo đế mà không hiểu ý nghĩa về nội Hộ Ma thì cũng đồng với hàng Bà La Môn thờ cúng lửa mà thôi.

Ghi Chú : (1)

Bốn Lớp Thân :

1. Chư Phật.
2. 2. Bồ Tát.
3. Kim Cang Thân.
4. 4. Thiên Long Bát Bộ cho đến Nhơn Phi Nhơn.

Thai Tạng Giới

Tam Cú Pháp Môn

1. Bồ Đề tâm làm nhân, nhiếp 2 thứ Bồ Đề tâm
Hiển và Mật.
2. Đại Bi làm căn bản, nhiếp hạnh Đại Bi Hiển và
Mật.
3. Phương tiện làm cứu cánh, nhiếp phương tiện
Hiển và Mật.

- | | |
|---------------------|---------------------|
| 1. Bồ Đề tâm môn. | 1. Thắng nghĩa môn. |
| 2. Đại Bi môn. | 2. Hạnh nguyện môn. |
| 3. Phương tiện môn. | 3. Tam Ma Địa môn. |

Kim Cang Giới

Tam Môn Bồ Đề Tâm

1. Thắng nghĩa môn... thiên về Hiển Giáo.
2. Hạnh nguyện môn... thiên về Hiển Giáo.
3. Tam Ma Địa môn... hoàn toàn về Mật Giáo.

Tam Bình Đẳng : Tam muội thân ngữ ý nhiếp vào định.

Kinh Đại Nhật : “Thân, ngữ, ý bình đẳng cú pháp môn.”

Hỏi điều thứ 10 : Đồng dụng quán đánh môn là thế nào ?

Đáp : Đây là nói 2 giới đều dùng môn quán đánh mà làm lợi ích chúng sinh. theo thông tục, “quán đánh” là dùng nước rưới lên đầu. Như vị Thái Tử khi thọ phong, vua cha dùng nước 4 biển hay nước ở 4 sông lớn đựng trong 4 chiếc bình quý rồi tuần tự rưới lên đánh đầu của kẻ thọ chức, kể đó lại xướng lên 3 lần, đại ý nói kẻ đã thọ chức xong và sẽ cai trị 4 phương thiên hạ. Theo Phật Pháp, “ Quán” là dùng nước Đại Bi hay ánh sáng Đại

Bi của Chư Phật mà gia bị. “Đánh” có nghĩa là tăng thượng, là khiến cho được bước lên địa vị cao.

Thai Tạng giới có 4 phép quán đánh như sau :

1. Thọ Minh Quán Đánh : có nghĩa là lúc vị đệ tử theo bậc A Xà Lê thọ học pháp Tam Mật được quán đánh. Đây cũng gọi là Kiết Duyên Quán Đánh. Ý nói khi vị đệ tử được bước vào và thấy giới Hội Mạn Đà La được thọ học pháp Tam Mật thì kẻ ấy đã kết duyên với Phật đạo nghiệp chướng lần lượt sẽ tiêu tan.
2. Sự Nghiệp Quán Đánh : tức là đầy đủ các chi phần quán đánh. Một trong các chi phần ấy chẳng hạn như pháp Tịch Tai Quán Đánh là vị A Xà Lê vị đệ tử làm phép rửa trừ các điều tai nạn bất thường.
3. Bí Ẩn Quán Đánh : đây là vì thời gian gấp rút vị A Xà Lê không kịp làm đủ các chi phần quán đánh, chỉ đem bí ẩn của ngôi A Xà Lê mà truyền thọ cho đệ tử. Khi trao bí ẩn này, Chư Phật đều dùng tay mà xoa đầu người được truyền thọ, nên đây cũng gọi là Ma Đánh Quán Đánh.
4. Tâm Thọ Quán Đánh : đây là vị A Xà Lê truyền dạy cho đệ tử pháp quán loại 9 chữ A nơi tâm nguyệt luân và quán chữ RA sắc trắng trên đánh. Khi quán như thế liền được Chư Phật phóng quang gia bị nên pháp này cũng gọi là Quang Minh Quán Đánh.

Kim Cang Giới có 5 phép quán đánh :

Ba phép trước cũng giống như bên Thai Tạng Giới, pháp thứ tư là Quang Minh Quán Đánh thì chỉ quán một chữ A nơi tâm nguyệt luân và chữ RA sắc trắng trên đánh mà thôi. Pháp thứ 5 là Cam Lô Quán Đánh, lúc làm phép này vị A Xà Lê dùng nước đựng trong 5 chiếc bình rưới lên đánh đệ tử, Chư Như Lai cũng ứng theo đó dùng cam lô trí thủy gia bị cho người thọ pháp. Bởi

đánh đầu là phần chủ của tâm khi làm phép ấy tội chướng của kẻ đệ tử liền được tiêu trừ và sẽ được quả giải thoát của Chư Phật.

Điều quan hệ trong khi làm phép quán đánh để phân cho đệ tử lên ngôi A Xà Lê, bậc thầy phải lựa người phát tâm Bồ Đề giải hạnh đầy đủ bằng không thì chẳng nên truyền thọ (Lưỡng Bộ Mạn Đà La Đối Biện, quyển hạ.)

Mục G. Chứng Tử Tự :

Nếu Chư Bồ Tát đi sâu vào nhất tự thanh môn thì có thể diễn thuyết tất cả pháp. Tại sao thế ? Bởi tất cả pháp đều vào môn này và từ môn này mà xuất sanh. Trước tiên hãy nói về môn chữ A. Môn này xuất sanh vô biên vô số pháp môn. Chữ A là tất cả pháp không đến vì thể của pháp không đến. Chữ A là tất cả pháp không đi vì thể của pháp không đi. Chữ A là tất cả pháp không hành vì thể vẫn vô hành. Chữ A là tất cả pháp không trụ vì thể vẫn thanh tịnh. Chữ A là tất cả pháp không căn bản vì thể trước tiên không sanh. Chữ A là tất cả pháp không kết cuộc vì thể không có khởi thủy. Chữ A là tất cả pháp vô tận vì thể không có chỗ đi. Chữ A là tất cả pháp vô sanh vì thể không lưu hành...

Này thiện nam tử ! Như thế nếu Bồ Tát được môn đại thanh tịnh Đà La Ni này thì khi vào môn thứ nhất là chữ A, tất có thể diễn thuyết các pháp trải qua 1 năm hoặc 10 hay 100, 1000, muôn, ức năm, hoặc 1 tiểu kiếp, hoặc 1 đại kiếp cho đến vô lượng vô số đại kiếp. Và khi nói pháp này, trước sau vẫn không rời chữ A, từ nơi chữ ấy diễn nói pháp nghĩa không cùng tận. Như thế, với các chữ khác, Bồ Tát diễn nói cũng không cùng tận. Bồ Tát kiến lập mở bày pháp nhãn, ngôn từ hay khéo, nghĩa lý sâu xa đầy đủ các tướng thanh bạch (Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ Đà La Ni.)

Đức Phật bảo : chữ A thuộc Kim Cang Bộ, chủ về Can, là lý pháp thân của Đại Nhật Như Lai. Đây là cực lý chân không thanh tịnh của bản tánh, rốt ráo không thể được, chữ A là chủng tử của Kim Cang Địa Luân, thuộc Kim Cang Bộ Mạn Đà La. Nếu ước về sắc diện là sắc pháp do thức ám duy trì, thức ám lại từ nơi tâm mà phát sanh, chủng tử của nó bất tịnh.

ngũ tạng đều thuộc về sắc pháp. Trong ấy Can chủ về phần hồn, thần khí của hồn thuộc Đông phương, là mộc, mộc chủ về mùa xuân, sắc xanh. Mộc từ nơi thủy phát sanh, Can từ nơi thanh khí và thận mà phát sanh, hình nó như lá sen đứng. Can phát hiện ra làm con mắt, chủ về phần gân. Gân đi tận cùng thành ra móng. Nay ngũ tạng đều chủ ngũ tạng lục phủ, trong ngoài giao tiếp nhau. Lại vị chua phần nhiều vào Can làm cho tạng Can tổn tỳ như tỳ thiếu, hồn khí con người hay sanh ra hôn trầm mờ mịt. Phế thuộc kim khắc mộc, nếu kim khắc mộc làm cho phổi mạnh gan yếu, nên trụ tâm nơi phế, dùng thanh khí nhiếp lấy bạch khí thì bệnh gan liền lành.

Chữ VÃM thuộc Liên Hoa Bộ, chủ về phế tức là chủng tử chuyển luân trong biến trí của Đại Nhật Như Lai. Đây chính là hạt giống của trí hải thủy luân thuộc Liên Hoa Bộ Mạn Đà La. Tạng Phế chủ về phần phách như cái hoa phát ra thành mũi thuộc Tây phương, là kim, kim chủ về mùa thu, sắc trắng. Sắc trắng từ nơi gió mà sanh. Gió lại từ nơi dương khí của đất mà sinh. Trong 5 âm, tướng âm duy trì trong phong đại và tướng tâm lại từ nơi thức mà sanh, thức tâm từ nơi các hành quá khứ mà sanh, các hành quá khứ từ nơi vô minh mà sanh, vô minh từ nơi vọng tưởng mà sanh và vọng tưởng lại từ nơi vọng tưởng phát sanh, đây thuộc về 12 chi luân chuyển vậy. Phế từ nơi bạch khí và Tỳ xuất sanh. Vị cay này phần nhiều vào phổi làm cho tạng Phế tổn Can. Nếu phế thiếu phách khí thì con người sanh ra sợ hãi, điên cuồng. Tâm thuộc hỏa, xung khắc phế kim. Nếu hỏa khắc kim làm cho tâm mạch phế yếu, nên trụ tâm nơi chỗ trái tim, dùng bạch khí nhiếp lấy xích khí thì bệnh phổi an lành.

Chữ Lam (hay LÃM) thuộc Bảo Bộ, chủ về tâm, tức là chủng tử Hòa Đại nơi tâm địa chủng của Đại Nhật Như Lai. Đây là trụ thát của Chư Phật ba đời, có công năng đốt sạch vô minh, trần cấu vọng chấp từ vô thủy của tất cả chúng sanh khiến cho phát sanh mầm Bồ Đề. Chữ LAM cũng là ứng hoá thân của Phật, là hỏa, sanh Mạn Đà La từ nơi trí pháp thân. Tạng tâm chủ về thần, hình như con chim đứng co lại thuộc Nam phương, là hoả. Hỏa chủ về mùa hạ, sắc đỏ. Sắc đỏ từ nơi lửa mà sanh. Lửa lại từ nơi

mộc mà sanh. Trong 5 âm, thọ âm duy trì hỏa đại và thọ tâm lại từ nơi tướng tâm mà sanh. Tâm từ nơi xích khí và Can xuất sanh, phát hiện ra thành lưỡi, làm chủ máu huyết và huyết đi tận cùng thành ra sữa. Tâm còn làm chủ tai, mũi, họng, sóng mũi, trán, hàm v.v... Vị đắng phần nhiều vào tim làm cho tăng tâm tồn phế. Nếu tâm thiếu phần khí, con người hay quên mất trước sau. Thận thuộc thủy xung khắc tâm hỏa. Nếu thủy khắc hỏa làm cho thận mạnh tâm yếu nên trụ tâm nơi thận, dùng xích khí nhiếp lấy hắc khí, thì bệnh tim liền lành.

Chữ HÀM thuộc Yết Ma Bộ chủ về thận, là chủng tử phong đại là thọ lượng thường trụ của Đại Nhật Như Lai. Đây có nghĩa là Tam Giải Thoát Môn, ba đời không thể tìm được, thuộc về pháp thân Đại Lực Mạn Đà La. Tạng thận ở sau lưng, khoảng dưới rún, bên trái gọi là thận, bên mặt gọi là mạn môn, thận chủ về chí, thuộc Bắc phương là thủy. Thủy chủ về mùa Đông, sắc đen, trong 5 âm, hành âm duy trì thủy đại và hành tâm lại từ nơi thọ tâm mà sanh. Thận từ nơi hắc khí và phế xuất sinh, làm chủ tai, phát hiện ra thành xương cũng làm chủ phân tủy và tủy đi tận cùng thành ra răng. Vị mặn phần nhiều vào trái cật làm cho tăng thận tồn tâm. Nếu thận thiếu chí khí, con người dễ sanh ra thương khóc, tỳ thuộc thổ, xung khắc thận thủy, nếu thổ khắc thủy làm cho tỳ mạch thận yếu nên trụ tâm nơi tỳ, dùng hắc khí nhiếp lấy huỳnh khí thì bệnh thận sẽ lành.

Chữ Khiêm thuộc Hư Không Bộ, chủ về tỳ, là tướng vô kiến Đảnh của Đại Nhật Như Lai và là đại không trí sở chứng của năm Đức Phật. Đây cũng là Mạn Đà La rất thù thắng, là đạo tràng thân chứng của 10 phương Chư Phật ba đời. Tạng tỳ chủ về ý, thuộc trung ương thổ, thổ chủ về Quý Hạ, sắc vàng, sắc vàng từ nơi đất mà sanh, đất từ nơi lửa mà sanh. Trong 5 âm, thức âm duy trì đại địa. Tỳ từ nơi huỳnh khí và tâm xuất sanh làm chủ miệng, vị ngọt phần nhiều vào lá lách làm cho tăng tỳ tồn thận. Nếu tỳ thiếu ý khí, con người hay ra nghi hoặc. Can thuộc mộc, xung khắc tỳ thổ. Nếu mộc khắc thổ làm cho Can mạnh tỳ yếu, nên trụ tâm nơi Can, dùng huỳnh khí nhiếp lấy thanh khí, bệnh tỳ sẽ lành.

Ngũ tạng như đoá hoa sen lật úp xuống. Trong có ngũ tạng, ngoài có ngũ hành, phát xuất ra các hình thể, đây thuộc về phần danh. Còn phần sắc tức là tứ đại ngũ căn. Danh tức là 4 âm kia, hiện thành hình thể nhật nguyệt ngũ tinh, thập nhị cung, nhị thập bát tú và con người. Núi, biển, đất liền thù chữ A xuất sanh. Các sông nguồn lớn nhỏ từ chữ VÀM xuất sanh, vàng ngọc trân bảo, nhựt nguyệt tinh thần, hỏa châu ánh sáng từ chữ LAM xuất sanh. ngũ cốc, các thứ hoa trái từ chữ HÀM xuất sanh. Các cõi, mùi thơm vẽ đẹp, tư vị, tướng mạo xung tốt, sự trang nghiêm của nhân thiên từ chữ Khiêm xuất sanh.

Chữ A là A Súc Bộ Như Lai ở phương Đông, chữ VÀM là A Di Đà Như Lai ở phương Tây. Chữ LAM là Bảo Sanh Như Lai ở phương Nam. Chữ HÀM là Bất Không Thành Tựu Như Lai ở phương Bắc. Chữ Khiêm là Tỳ Lô Giá Na Như Lai ở thượng phương trung ương.

Ý nghĩa chữ A rất sâu là thể không tịch, cầm nắm buông bỏ đều không thể được. Đây là mẹ của các pháp, là đại quán đảnh. Chữ A là pháp khó tin, chớ cho hàng Tiểu Thừa thấy biết. Để dẫn giải ngũ tạng môn này, Phạn bản có 5 bộ, gồm 40 muôn lời mà Kinh Đại Nhật và Kinh Kim Cang Đánh chỉ thể tập những phần chánh yếu. Người tụng chân ngôn ngũ tạng này, được công đức không thể nói không nghĩ bàn, không thể đo lường so sánh. Ngũ tạng chân ngôn trong Kinh Kim Cang Đánh đây người nào thọ trì đọc tụng, quán chiếu tánh lý, tất sẽ được phước, thân thể khoẻ mạnh gân xương cứng chắc, được sống lâu, hằng không tai chướng và các bệnh khổ. Ngũ tạng môn này là tâm Can của 5 Đức Phật là 5 búi tóc thuộc ngũ trí, là bà mẹ trí tuệ vắng lặng của Chư Phật 10 phương ba đời, là cha mẹ dưỡng dục của tất cả chúng sanh, là kho tàng của 10 phương pháp giới. Ngũ tạng chân ngôn đây cũng như áo giáp, khiên-mâu, cung tên, khí trượng hay chiến thắng các ma oán dữ trong ba đời, khiến cho được sự lợi ích thù thắng ở quá khứ, hiện tại, vị lai. Chư Phật Bồ Tát trong Tam Thế đều ẩn mật trong đây và cũng xuất sanh từ nơi đây.

Biểu Đồ Của Ngũ Tự Môn Theo Phạm Bản Như Sau :

- Chữ A thuộc Kim Cang Bộ, dùng địa quán, Kim Cang tòa quán.
- Chữ VÀM thuộc Kim Cang thủy Bộ, dùng thủy quán, Liên Hoa quán.
- Chữ LAM (hay LÀM) thuộc Kim Cang Hỏa Bộ, dùng pháp nhật quán.
- Chữ HÀM thuộc Kim Cang phong Bộ, dùng pháp nguyệt quán.
- Chữ Khiếm thuộc Kim Cang không Bộ, dùng pháp không quán.
- Và đây là Như Lai thể tánh vô sanh quán.

Năm bộ chân ngôn trên là nước cam lồ vô sanh quý báu của tất cả Như Lai, là thuốc màu đề hồ của Phật tánh, Một chữ vào ngũ tạng, muôn bệnh chẳng sanh, hướng chi tu cả Nhật quán, Nguyệt quán... ư ? Nếu quán 5 chữ kiêm cả Kim Cang Tòa hình vuông cho đến hư không tức liền chứng được Phật thân vắng lặng. Năm chữ pháp thân chân ngôn trên đây, nếu kẻ nào trì tụng 1 biến, 7 biến, 21 biến, hoặc 49 biến, nếu đem so sánh về công đức phước báu thì công đức tụng 1 biến ngũ tự chân ngôn này bằng công đức tụng 100 muôn kho Đại Tạng Kinh. Huống lại có người vào tịch định, quán 5 chữ sáng suốt phân minh như mặt nhật chiếu giữa hư không thì phước báu thật không tỷ lượng. Văn cú của bí tạng thật không thể nghĩ bàn, chỉ e hàng Thanh Văn pháp sư bậc Tiểu Thừa trì luật sanh nghi mà tăng thêm tội. Chân ngôn này Như Lai chỉ mật truyền cho bậc Đại Bồ Tát, không truyền cho hàng liệt huệ Thanh Văn. Tại sao thế ? Vì như vị quốc Vương có đứa con thơ ấu, tuy rất thương yêu sẵn sàng giao cho tất cả châu báu trong kho tàng không chút luyến tiếc, nhưng không trao cho Thần Kiếm Can Tương Mạ Gia vì sợ e con không biết dùng mà tổn hại thân thể. (Kinh Chuyển Nghiệp Chương Xuất Tam Giới Bí Mật Đà La Ni.)

Mục H. Đà Ra Ni Môn.

Trong hạnh Đại Thừa của Bồ Tát đạo có hai lối tu hành để chứng Vô Thượng Bồ Đề. Đó là y theo các Ba La Mật tu thành Phật và y theo môn Đà Ra Ni Tam Mật tu thành Phật. Đà Ra Ni nguyên Phạm ngữ, Trung Hoa dịch là Tổng Trì. Có bốn cách thọ trì Đà Ra Ni là : Pháp Trì, Nghĩa Trì, Tam Ma Địa Trì, và Văn Trì.

Pháp Trì là lấy pháp giới thanh tịnh làm chân ngôn. Lại Pháp Trì là chẳng y theo cảnh giới phi pháp của ngoại đạo cùng Nhị Thừa, chỉ y theo cảnh giới như

pháp của Chư Phật, Bồ Tát. Tu theo Pháp Trì sẽ phá dẹp tất cả pháp tạp nhiễm, chứng được các giáo pháp từ nơi pháp giới thanh tịnh lưu lộ.

Nghĩa Trì là tâm phải tương ứng với thắng nghĩa của mỗi mỗi chữ chân ngôn. Mật nghĩa của chân ngôn chỉ Phật với Phật và các bậc Bồ Tát oai đức lớn, mới có thể cứu được tường tận. Tu theo Nghĩa Trì, tất có thể trong một chữ hiểu suốt ý nghĩa vô lượng Tu Đa La, diễn thuyết ngược xuôi đều được tự tại.

Tam Ma Địa Trì là phân bố các chữ chân ngôn nơi Tâm Nguyệt Luân, chuyên chú quán tưởng không cho xao động, để cho mau chứng được Tam Ma Địa chân ngôn. Lại Tam Ma Địa Trì là an bố những chữ chân ngôn ở các chi phần nơi thân thô trọng này thành sắc thân vi diệu, chứng được ngũ thần thông, oai đức tự tại, thọ lượng vô cùng. Tu theo Tam Ma Địa Trì sẽ được tam muội hiện tiền tâm không loạn động, ngộ vô lượng trăm ngàn Tam Ma Địa Trì môn.

Văn Trì là đọc tụng y theo văn của chân ngôn, chẳng hạn như từ chữ AN cho đến chữ Sá Phạ Ha, mỗi chữ đều rành rẽ rõ ràng. Tu theo Văn Trì sẽ phá được sự lầm lạc của lãng quên, ở trước Chư Phật và Bồ Tát khi nghe vô lượng Tu Đa La có thể ghi nhớ rành rẽ không sơ sót.

Các chân ngôn rất nhiều, hoặc có thứ một chữ, 2 chữ, 3 chữ cho đến trăm ngàn muôn ức chữ. Nếu hành giả thọ trì được Tam Mật tương ứng thì không cần phải nhiều kiếp tu những khổ hạnh khó làm mà có thể chuyển đổi, tiêu diệt tất cả nghiệp chướng, được sự an vui và mau đi đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. (Lược trích quyển Đà Ra Ni Nghĩa Tán.)

Tiết 3 – Tu Tướng

Mục A. - Tứ Vô Lượng Tâm Quán.

Hành giả ngồi kiết già ngay thẳng, giữ chánh niệm, các chi tiết không lay động, nhắm mắt yên lặng vào Tứ Vô Lượng Tâm quán, liền kiết định ấn.

Trước tiên vào Tứ Vô Lượng Tâm Định, dùng tâm trong sạch ân cần duyên khắp 4 loài hữu tình trong lục đạo. Nên tưởng các chúng sanh ấy đều sẵn có Như Lai tạng, và đầy đủ 3 thứ thân, khẩu, ý Kim Cang. Rồi nguyện đem công đức tu tam mật của mình cầu cho tất cả hữu tình đồng được như Phổ Hiền Bồ Tát. Quán như thế xong, liền tụng Đại Từ Tam Muội chân ngôn rằng :

Án, Ma Hạ Muội Đát Ra Dạ, Sá Phả Ra.

Kể lại vào Bi Vô Lượng Tâm Định, dùng tâm thương xót duyên khắp tất cả 4 loài hữu tình trong 6 nẻo. Nên nghĩ các hữu tình ấy không ngộ được tự tâm, mãi bị trầm luân trong biển khổ sanh tử, vọng sanh lòng phân biệt, khởi các thứ phiền não và tùy phiền não. Bởi thế nên các chúng sanh đó không rõ thể chân như bình đẳng rộng lớn như hư không, siêu việt hằng sa công đức. Rồi nguyện đem sức tu tam mật gia trì của mình cầu cho tất cả hữu tình đồng được như Hư Không Tạng Bồ Tát. Quán như thế xong, liền tụng Đại Bi Tam Muội chân ngôn rằng :

Án, Ma Hạ Ca Lô Noa Dạ, Sá Phả Ra.

Kể lại vào Hỷ Vô Lượng Tâm Định, cùng tâm thanh tịnh duyên khắp tất cả 4 loài hữu tình trong lục đạo. Nên tưởng các chúng sanh ấy bản lai thanh tịnh đồng như hoa sen, không nhiễm khách trần, tự tánh trong sạch. Rồi nguyện đem sức công đức tu tam mật của mình cầu cho tất cả hữu tình đồng được như Quán Tự Tại Bồ Tát. Quán như thế xong, liền tụng Đại Hỷ Tam Muội chân ngôn rằng :

Án, Thuật Đà Bát Ra Mô Ná, Sá Phả Ra.

Kể đó lại vào Xả Vô Lượng Tâm Định, dùng tâm bình đẳng duyên khắp tất cả 4 loài hữu tình trong 6 nẻo. Nên tưởng các chúng sanh ấy đều lia uẩn giới, ngã sở cùng lia năng thủ, sở thủ, đối với pháp bình đẳng, tâm vốn vô sanh vì tánh tướng đều không. Rồi nguyện đem công đức tu tam mật của mình, cầu cho tất cả hữu tình đồng được như Hư Không Khổ Bồ Tát. Quán như thế xong, liền tụng Đại Xả Tam Muội chân ngôn rằng :

Án, Ma Hộ Bế Khất Sái, Sá Phả Ra.

Nếu bậc tu Du Già hành giả tu tập Tứ Vô Lượng Tâm Định và tụng Tứ Vô Lượng Tâm Chân Ngôn, tương lai sẽ trừ diệt được tất cả ma nghiệp cùng chương nạn ở cõi Nhân Thiên, kẻ ấy được vô lượng phước tụ tập hợp nơi thân tâm cũng được an ổn điều nhu tự tại. (Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Tu Hành Nghi Quỹ.)

Mục B. - Nguyện Luân Quán

Bấy giờ Mạn Thủ Thất Ly Bồ Tát thưa rằng : “ Bạch Thế Tôn! Tâm không hình tướng cũng không phương sở. Vậy thời kẻ phạm phu hành giả khi mới phát tâm phải nương chỗ nào và tướng gì để quán tâm ? “

Đức Phật bảo rằng : Này Thiện Nam tử! Kẻ sơ tâm phàm phu muốn quán Bồ Đề tâm tướng, nên tưởng hình vàng nguyệt tròn đầy trong sạch sáng rõ hiện rõ nơi ngực. Nếu muốn mau được không thối chuyển, phải tìm chỗ mát thanh tịnh kiết thất, ngồi ngay thẳng chánh niệm kiết ấn Kim Cang Phục, nhắm mắt quán tưởng vàng nguyệt nơi ngực lần lần rộng lớn đến 50 do tuần, trong ngoài mát mẽ lạng lẽ chói suốt, sáng sạch không vương một điểm trần, nguyệt tức tâm, tâm tức là nguyệt, mây mờ không nhiễm, vọng tưởng chẳng sanh. Quán tưởng được như thế, thân tâm hành giả liền trong sạch, lòng Bồ Đề bền chắc không còn thối chuyển. Nên nhớ khi kết ấn ấy, phải trì niệm chương cú nhiệm mầu thanh tịnh của tất cả hàng sơ tâm Bồ Tát tên là Quán Sát Đại Bồ Đề Tâm chân ngôn rằng :

Án, Bồ Địa, Thất Đa Mâu Trí Ba, Đà Tà, Nhi.

Chân ngôn này có oai đức lớn, hay khiến cho hành giả không bị thối chuyển. Tất cả Chư Bồ Tát quá khứ, hiện tại, vị lai khi còn trong nhân địa, lúc mới phát tâm, đều trì niệm Đà Ra Ni này để được lên ngôi bất thối chuyển và mau thành quả Phật.

Này Thiện Nam tử! Hành giả khi ngồi ngay, chánh niệm không lay động, quán tưởng tâm nguyệt luân được thành thực, đó gọi là môn Tam Muội Quán Bồ Đề Tâm Thành Phật. Nếu phàm phu tu phép quán này thì những tội tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác, nhất xiêm đề đã tạo từ trước thảy đều tiêu diệt, sẽ chứng được 5 môn Tam Ma Địa là : Sát Na Tam Muội, Vi Trần Tam Muội, Bạch Lũ Tam Muội, Khởi Phục Tam Muội và An Trụ Tam Muội.

Sao gọi là Sát Na Tam Muội ? Ví như con khi bị trời chói chặt, dù nó có đôi khát khản bách vẫn phải chịu nằm yên ở một nơi, muốn đi xa hay chồm tới gần cũng đều không được. Phàm phu cũng thế, khi quán tưởng vàng nguyệt tròn, tâm liền yên tĩnh, tạm được tam muội, nên gọi là Sát Na Tam Muội.

Sao gọi là Vi Trần Tam Muội ? Đây là được một ít phần tương ưng với tam muội. Ví như có người ăn mồi chất đắng, chưa được biết vị ngọt. Một lúc nọ, kẻ ấy ngẫu nhiên nếm điểm mật rất nhỏ, trong lòng sanh ra vui mừng khắp khởi, phấn chấn đi tìm cầu chất vị ngọt đó. Phàm phu cũng thế, trải qua vô số kiếp mãi nếm chất đắng khổ nhọc trần lao, nay được một ít phần tương ưng với vị ngọt của cam lồ giải thoát, nên gọi là Vi Trần Tam Muội.

Sao gọi là Bạch Lũ Tam Muội ? Ví như trong gian nhà to rộng chứa toàn là chỉ đen thô xấu, có người tìm được một sợi chỉ trắng đẹp chắc mịn, trong lòng rất đổi vui mừng. Hành giả cũng thế, từ vô thủy kiếp đến nay ở trong đêm dài sanh tử tối tăm, nay tìm được tia sáng trong sạch của giải thoát nên gọi là Bạch Lũ Tam Muội.

Sao gọi là Khởi Phục Tam Muội ? Đây là hành giả quán tâm chưa được thuần thực, có lúc khéo thành lập, có lúc không khéo thành lập. Vì thế sức định chưa ổn, khi ẩn khi hiện, nên gọi là Khởi Phục Tam Muội.

Sao gọi là An Trụ Tam Muội ? Trải qua 4 lớp định trước, đến đây hành giả tâm được an trụ, khéo giữ gìn định huệ không nhiễm các trần. Ví như có người đi trên con đường hiểm trở xa xôi dưới tiết trời mùa Hạ, thân bị nóng bức cực nhọc, trong lòng khô khát, khổ sở không kham. Sau rốt, kẻ ấy tới được miền tuyết sơn mát mẻ, lại được uống sữa ngọt đề hồ, bao nhiêu nỗi khổ nhọc đều tiêu tán đi cả. Hành giả khi được định, lửa tro phiền não đã rụi tàn, thân tâm thư thối nhẹ nhàng nên gọi là An Trụ Tam Muội.

Khi vào An Trụ Tam Muội rồi, hành giả xa lìa hoạch chương, mầm Vô Thượng Bồ Đề phát sanh, từ đó lần lượt trải bước tiến lên 10 địa của Bồ Tát một cách mau chóng.

Đức Bạc Già Phạn lại bảo Mạn Thù Thất Ly Bồ Tát rằng : Nay Thiện Nam tử! Bạc Du Già hành giả sau khi quán nguyệt luân xong, lại nên quán ba phép đại bí mật. Ba pháp đó là : Tâm Bí Mật, Ngũ Bí Mật và Thân Bí Mật.

Tâm Bí Mật là thế nào ? Đây là hành giả quán trong tâm nguyệt hiện ra chày Kim Cang kim sắc 5 chia, chói sáng rực rỡ dường như vàng đúc, Từ nơi chày ấy phóng ra vô số tia sáng sắc trắng. Hành giả dùng tâm quán sắc tướng này nên gọi là Tâm Bí Mật pháp.

Ngũ Bí Mật là thế nào ? Đó là câu mật ngữ :

Án, Địa Thất, Bà Di La.

Đà Ra Ni này có đủ oai lực lớn, là chân tích cho tất cả Bồ Tát tiến tu để thành Phật nên gọi là Ngũ Bí Mật pháp.

Thân Bí Mật là thế nào ? Đây là hành giả ngồi đốn chính nơi Đạo Tràng, tay kiết trí ấn bậc nhất gọi là Dẫn Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Thiện Nam tử! Nay ta

vì ông và chúng sinh mà nói ấn tướng ấy. Muốn kiết ấn này, trước tiên hành giả co 2 ngón tay cái vào lòng bàn tay, mấy ngón khác của 2 tay tả và hữu đều nắm chắc lại. Đây gọi là Kiên Lao Kim Cang Quyền ấn. Kế đó, đưa 2 nắm tay Kim Cang Quyền lên ngang trước ngực, dùng ngón út tay mặt ghé lấy lông thứ nhất của ngón trỏ tay trái, và buông ngón trỏ tay mặt ra chỉ đụng ngay lông thứ nhất của ngón cái tay trái. Đây gọi là Dẫn Đạo Vô Thượng Bồ Đề Nhật Trí ấn cũng gọi là Năng Diệt Vô Minh Hắc Ám Quang Minh ấn. Do sức gia trì của ấn này, hành giả được 10 phương Chư Phật xoa đầu, thọ ký cho quả Đại Bồ Đề một cách quyết định. Đây là trí ấn rất mâu nhiệm hay sanh vô lượng phước trí của Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai.

Khi hành giả kiết trí ấn xong, nên quán tất cả hữu tình đồng trì niệm chân ngôn, đồng kiết trí ấn đó và tưởng thấy 10 phương thế giới không còn 3 đường ác, 8 nạn cùng các sự khổ, chúng sanh đều thọ cảnh pháp lạc thanh tịnh bậc nhất. Lại quán thấy mình chính là Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, có đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, đầu đội thiên quan lớn, trong thiên quan có 5 Đức Phật ngồi kiết già, từ nơi thân của mình phóng vô lượng ánh đại quang minh soi khắp 10 phương thế giới, làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Quán sát như thế gọi là vào Tỳ Lô Giá Na Như Lai Tối Thắng Tam Muội. Ví như có người hiểu được phép quán mâu nhiệm gọi là Ca Lô La Quán môn, tưởng thấy thân mình chính là Kim Sứy Điều Vương, tâm ý lời nói cũng đều như vậy, thì sức quán ấy hay tiêu trừ thuốc độc, tất cả các thứ ác độc đều không thể làm hại. Phạm phu hành giả cũng như thế, khi thân ngồi theo lối hàng phục không lay động, 2 tay kiết trí ấn, miệng thầm niệm chân ngôn, tâm ý vào môn quán ấy thì có thể diệt tam độc, tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ, những nguyện thế gian, xuất thế gian mau được viên mãn, tám muôn bốn ngàn phiền não chướng không thể hiện khởi, hằng hà sa sở tri chướng lần lần tiêu diệt, được trí vô lậu lớn hay dứt trừ tất cả, Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật tròn đầy liền được hiện tiền và mau chứng lên Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. (Kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa, quyển 8.)

Mục C. - Bồ Tụ Quán

Trụ Bản Tôn Du Già,

Lại thêm bổ 5 chữ,

Vào định mà vận tướng,
Tức đồng Mâu Ni Tôn.

Chữ A vuông sắc vàng,
Dùng làm Kim Cang Luân,
Gia trì nơi hạ thể,
Gọi là toà Du Già.

Chữ VÀM tròn trắng ánh,
Ở trong đám mây mù,
Gia trì ngay nơi rún,
Gọi là Đại Bi Thủy.

Chữ LÃM ánh triều dương,
Màu đỏ, hình tam giác,
Gia trì nơi chỗ tim,
Gọi là ánh lửa trí.

Chữ HÀM sắc xanh đậm,
Trong phong luân, thủy kiếp,
Gia trì giữa đôi mày,
Gọi là sức tự tại.

Chữ KHIÊM và điếm không,
Tương thành tất cả sắc,
Gia trì ngày giữa đánh,
Đó gọi là đại không.

Dùng 5 chữ nghiêm thân,
Sức oai đức hùng thạnh,
Diệt trừ các tội nghiệp,

Cùng Thiên Ma làm chướng,
Thấy Kim Cang rực rỡ,
Nơi đầu trăm ánh màu,
An lập mắt vô cầu,
Quán thân đồng như Phật,
Và niệm đủ câu sau :

Nam Mô Tam Mãn Đa Một Đà Nãmm A Vam Lãm Hàm Khiêm.

(Kinh Đại Nhật.)

Mục D. Nghi Quỹ

Về nghi quỹ có 3 bậc thượng, trung, hạ... Nếu kẻ trì tụng mỗi mỗi đều y theo nghi quỹ chí tâm tu hành thì pháp cùng sự hoà hợp, như với pháp đầy đủ, cầu việc chi cũng thành tựu. Lại thành quả của chân ngôn hạnh toàn ở nơi nghi quỹ, nghi quỹ tròn đủ tức là sự tương ứng tự nhiên, chân ngôn có sức công đức lợi ích khác thường, muốn cầu việc chi đều quyết định được thành tựu. Tuy tụng chân ngôn song nếu thiếu nghi quỹ thì hạnh chẳng tương ứng, tất sẽ mất phần thắng dụng, khi cầu bị quả sở nguyện không thành.

Trong ba phẩm nghi quỹ, mỗi mỗi đều phải đúng pháp, không được tạp dụng. Nếu pháp thượng phẩm dùng nghi trung phẩm, pháp trung phẩm dùng nghi thượng phẩm hoặc pháp hạ phẩm dùng nghi trung phẩm, cho đến pháp thượng phẩm dùng nghi hạ phẩm, đó gọi là tạm dụng, việc cầu quyết không thành. Như hành giả khi tác pháp, pháp đúng với nghi, nghi đúng với pháp, tâm không duyên tướng khác thì sở nguyện đều thành tựu, lại có thể làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Nếu pháp và nghi không tương xứng thì pháp thành ra phi pháp, chân ngôn không thành, công phu luống uổng mà không được phước lợi chi.

Chư Phật đời quá khứ nói môn tam muội này để làm phước lợi cho quần sanh, nếu trong quy nghi vương đây, Phật tử khéo thông đạt y theo pháp mà trì tụng thì chân ngôn tướng là đạo Bồ Đề. Kẻ ấy không bao lâu sẽ ngồi nơi Đạo Tràng, thành ngôi Đại Giác. (Kinh Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nghi Quỹ.)

Mỗi khi tới đạo tràng tác pháp, hành giả lễ Phật. Đại khái, cách làm lễ có 3 thứ là : Tâm lễ, Âm lễ, Thân lễ. Đây là cách lễ bái theo 3 nghiệp. Thân lễ là hành

giả gieo 5 vóc xuống đất hoặc chấp tay cúi đầu. Âm lễ là khi đi đứng, nằm, ngồi, miệng xưng Nam Mô. Tâm lễ là tuy miệng không nói ra tiếng, thân không phủ phục xuống nhưng tâm hằng tưởng nhớ đức lành của Phật hoan hỷ đem thân mạng nương về. Nhưng trong phép làm lễ, cần yếu phải có lòng thành kính, đem thân mạng quy hướng Đức Thế Tôn, nguyện suốt đời vâng làm theo lời dạy, mới thật gọi là lễ. (Kinh Kim Cang Nhất Thừa Tu Hành Nghi Quy.)

Hành giả vào Đạo Tràng, trước tiên gieo 5 vóc lễ Bồn Tôn. Kế đó, kiết lễ Phật ấn, hai tay hình hoa sen khép lại, tưởng thân mình lễ khắp nơi chân của Như Lai và Bồ Tát trong 10 phương miệng đọc chân ngôn rằng :

Án, Tát Phạ Đát Tha Nghiệt Đa Bá Na Mãn Na Ca Lộ Di.

Do sức chân ngôn này gia trì, có thể khiến cho hành giả không rời bản toà mà đến khắp 10 phương chân thật kính lễ Chư Như Lai trong sát trần hải hội. Bạc Du Già hành giả ngồi ngay thẳng không lay động, tưởng thân mình ở trước tất cả hải hội Như Lai, quán mỗi mỗi thân Phật nhỏ như hạt mè, tướng hảo đầy đủ rõ ràng. Khi ấy lại liền vào trí Quán Tự Tại Bồ Tát, suy nghĩ rằng : “ Tất cả pháp bản lai thanh tịnh, ta cũng thanh tịnh. Trong đời sự tham ái thanh tịnh thì sự giận hờn cũng thanh tịnh. Vì trần cấu ở thế gian thanh tịnh nên tất cả tội cũng thanh tịnh. Vì tất cả pháp thế gian thanh tịnh nên tất cả hữu tình cũng thanh tịnh. Vì trong đời Bát Nhã Ba La Mật Đa thanh tịnh nên Tát Bà Nhã cũng thanh tịnh. Hành giả quán như thế rồi, thân tâm liền rộng rang trong sạch. (Kinh Như Lai Thần Nghiệm Cúng Dường Niệm Tụng Nghi Quy.)

Mục E. Nghi Tác Về Sự Dùng Chuỗi

Bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn quán sát chư Thiên chúng ở cõi trời Tịnh Quang, bảo Diệu Kiết Tường Đồng Tử rằng : Thiện Nam tử! Hãy lắng nghe ta nói rõ về việc bậc tu Du Già hạnh vì tất cả hữu tình trì tụng chân ngôn, pháp bình đẳng thành tựu của các kinh, cùng những chân ngôn về nghi tác dùng chuỗi (lược bớt). Nay Ta nói môn chân ngôn đầu tiên :

Nam Mô Tam Mãn Đa Một Đà Nẫm, A Tiến Đát Dã, Nạp Bộ Đá Rô Bê Xá, Đát Nễ Dã Tha. Án, Cu Rô Cu Rô Tát Rị Phạ Ra Tha, Sa Đà Dã Sa Đà Dã, Tát Rị Phạ Nổ Sắc Tra, Vĩ Mô Hạ Nễ, Nga Nga Nặng Mạt La Thấp Phệ, Vĩ Tuất Đà Dã, Sá Phạ Hạ.

Chân ngôn này, nếu hành giả muốn làm tràng chuỗi hoặc tất cả các việc chí tâm tụng trì thì sở cầu đều được thanh tịnh. Cho đến khi dùi, mài, hay xỏ hạt chuỗi, phạm làm việc chi, nếu để tâm tụng trì, thì sự việc thấy đều thành tựu.

Hành giả nếu thấy loại cây nào, hạt hay chất gỗ của nó làm chuỗi được, nếu muốn lấy dùng, trước tiên phải chí thành niệm chân ngôn này gia trì nơi cây và ủng hộ thân mình, mỗi lượt đều 37 biến. Kế đó, phải ngủ nơi cội cây qua một đêm để cầu tướng lành hoặc dữ ứng hiện trước. Nếu trong giấc mộng, hành giả thấy loài phi nhơn hiện tướng xấu xa hung ác, thì mỗi ngày sớm và chiều nên đến nơi cây đó để ý trông xem, như chẳng thấy những hạt mà mình muốn lấy, đó là điều đại bất tường, tốt hơn là nên lia bỏ cây ấy và đi tìm cây ở chỗ khác. Những loại hạt có thể làm chuỗi bậc nhất là hạt Kim Cang, thứ hai là hạt Ấn Nại Ra, thứ ba là hạt Bồ Đề, thứ tư là hạt Vô Hoạn, cùng những thứ cây khác mà hạt đầy đủ. Nếu tìm được cây rồi nên nhờ người bạn đồng hành leo lên lấy hạt. Như không ai, tự mình phải leo lên lựa nhánh cao nhất có số hạt làm đủ một tràng chuỗi, niệm chân ngôn trên đây gia trì vào cành cây đó rồi mới lấy hạt. Nếu kẻ nào khi leo lên cây mà lòng không mê loạn lại lấy được hạt ở cành cây cao nhất gần nơi ngọn đem về làm chuỗi Ta nói tràng chuỗi ấy có công dụng tối thượng, thánh tựu được pháp siêu việt hơn hết. Như lấy được hạt nơi nhánh ở giữa cây được chuỗi bậc trung, thành tựu pháp bậc trung. Và lấy được hạt nơi nhánh thấp nhất, được chuỗi bậc hạ, thành tựu pháp bậc hạ. Phải lựa hạt cho tròn, chắc để làm chuỗi, còn những hạt teo, nhỏ, méo mó hoặc bị loài trùng ăn, đều chẳng nên dùng.

Như lấy hạt ở nhánh phương Tây làm chuỗi tu sẽ được quả báo giàu sang. Lấy hạt ở nhánh phương Bắc làm chuỗi, khi tu sẽ được Thánh Hiền mến trọng, hàng Thiên Long Bát Bộ thấy đều quy phục. Nếu y theo nghi quỹ làm các sự nghiệp thì tất cả việc chánh đều được tăng ích và tất cả sở cầu đều được thành tựu. Như lấy hạt ở phương Đông làm chuỗi và nhánh cây ấy lại có nhiều trái, khi tu hành sẽ được trì minh thành tựu, được sống lâu, việc làm đều viên mãn. Nếu nhánh phương Nam dài mà không có lá tuy nhánh ấy có hạt cũng không lấy làm chuỗi, vì lấy làm chuỗi sẽ hại mạng chúng sanh cho nên hành giả phải quyết tâm rời bỏ. Như nhánh phương Nam không dài mà có lá, lại có hạt làm chuỗi được, hành giả cũng nên xả bỏ. Tại sao thế ? Vì nó có ảnh hưởng giết oan gia. Nếu được

nhánh thấp dài chỉ xuống chui vào đất, lấy được hột của nhánh ấy làm chuỗi, khi hành giả dùng chuỗi ấy chuyên tâm tu trì, sẽ thấy được cung điện của A Tu La ở dưới đất hoặc trong hang núi, lại có thể đi vào đó sống chung với nam nữ A Tu La trải qua một kiếp hưởng sự vui vẻ tối thượng.

Nên nhớ khi leo lên cây lấy được hột rồi, lúc sắp sửa xuống phải tụng chú nói trên để ủng hộ. Sau đó mới tìm nơi thanh tịnh hoặc tự mình làm, hoặc nhờ người khác làm chuỗi. Lúc sắp làm chuỗi phải tắm gội sạch sẽ, khi mài mài hột chuỗi tâm phải chuyên chú vắng lặng. Cứ mài xong một hạt, niệm 3 biến, hay 21 biến chân ngôn. Tụng chân ngôn xong phải chú tâm nguyện mình vì việc gì mà làm chuỗi, như thể thể của tràng chuỗi mới được thanh tịnh. Hạt chuỗi đã đủ nên nhờ kẻ đồng nữ hợp chi ngũ sắc xe dây, như hạt chuỗi lỗ lớn thì 5 sợi, lỗ nhỏ thì 3 sợi chỉ. Tất cả hạt chuỗi phải lựa cho tròn đầy mịn màng và đều nhau, không nên dùng hạt hư hoặc mục hoặc sức mẻ như thế mới là tối thượng.

Ngoài các hạt như Bồ Đề, Kim Cang, Ân Nại Ra, Vô Hoạn, hành giả có thể dùng bạc, vàng, trân châu, thủy tinh, xà cừ, mã não, san hô cho đến ma ni bảo để làm chuỗi. Lúc xỏ chuỗi phải nhiếp tâm chuyên chú không nên tán loạn, sau khi xâu chuỗi hoàn thành, sờ cầu mới mau được linh ứng. Nếu không có thứ hạt trên, thì dùng cỏ kiết tường kết làm hạt chuỗi cũng được. Cũng có thể dùng các chất kim thạch hợp lại đúc thành chuỗi nhưng cần phải dồi bóng láng sạch. Chuỗi có 3 hạng : thượng phẩm 108 hạt, trung phẩm 54 hạt, hạ phẩm 27 hạt, hoặc thượng phẩm 1080 hạt, trung phẩm 540 hạt, 108 hạt, hạ phẩm 54 hạt, 27 hạt. Người dùng chuỗi trì niệm cần phải giữ giới thanh tịnh, thường tắm gội sạch sẽ thì sờ cầu mới linh. Lại mỗi hạt chuỗi khi mài xong nên dùng đất sạch mà lau chùi, rồi dùng nước sạch rửa, kế đó dùng chất thơm thoa ướp vào. Khi xâu chuỗi hoàn thành, hành giả nên tắm gội sạch sẽ, đến nơi đạo tràng thanh tịnh, tượng Phật trang nghiêm, cung kính để xâu chuỗi trên bàn Phật thành hình tròn, hoặc hình 2 con rắn quấn nhau. Kế đó dùng hương hoa cúng dường lễ bái Tôn tượng, rồi ngồi đốn chính trước bàn Phật, tụng chân ngôn 1080 biến hoặc 108 biến. Tụng xong lại đứng lên hai tay cung kính nâng xâu chuỗi đem phụng hiến Phật bằng cách để xâu chuỗi nơi tay Tôn tượng thành hình đàn tròn. Hành giả nên trải chiếu dưới đất bên bàn Phật nằm ngửa để chờ ứng điềm. Nếu trong giấc mộng

được thấy tướng Phật, Bích Chi Phật hay Thanh Văn thì sở cầu của kẻ ấy quyết định thành tựu. Như thấy tướng đồng tử hoặc các trẻ nhỏ mà mình lại được họ đem xôi chuối trao cho, tất hành giả sẽ được thành tựu tất cả mọi việc đối với các môn Đà Ra Ni. Còn thấy các tướng lành khác thì tất cả sở cầu đều dễ thành tựu. (Kinh Đại Phương Quảng Bồ Tát Tạng Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nghi Quỹ, quyển 11.)

Mục G. – Thanh Niệm Và Tam Ma Địa Niệm

Khi thanh tịnh tràng chuỗi rồi, hành giả tưởng từ nơi miệng Đức Thất Câu Đề Phật Mẫu tuôn ra văn tự Thất Câu Đề Đà Ra Ni. Mỗi chữ của chân ngôn ấy phóng ra ánh sáng ngũ sắc và bay vào miệng mình an bố nơi tự tâm nguyệt theo vòng bên hữu. Tưởng như thế xong, hành giả liền tụng Đà Ra Ni của Bản Tôn, cứ qua một biến thì dùng ngón vô danh bên tay mặt lần một hạt chuỗi. Tiếng tụng phải không gấp, hoãn, cũng không được cao, cần mỗi chữ rành rẽ khiến cho tai mình nghe rõ ràng, tụng được bao nhiêu nên ký số. Khi niệm phải đồng thời tai nghe tiếng, tâm quán tưởng Bản Tôn cùng những chân ngôn bố trên nguyệt luân, không được sơ sót và tán loạn. Như vừa quán, vừa niệm thấy mệt nhọc, thì nên tùy sức mà niệm tụng hoặc từ 1, 2, 3 ngàn cho đến 4, 5 ngàn biến thường lấy một số làm định hạn. Dù có việc gấp cũng không được giảm dưới số 108. Đây gọi là Thanh Niệm tụng.

Nếu muốn cầu mau được giải thoát, vượt khỏi vòng sống chết luân hồi, nên tu theo quán hạnh Tam Ma Địa Du Già, không cần ký số. Khi niệm tụng, hành giả tưởng tâm mình như vàng trắng tròn sáng lớn, thanh tịnh lặng lẽ trong ngoài chói suốt. Kế đó cũng chữ AN an trí nơi giữa tâm nguyệt, các chữ Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề Xoá Ha bố thứ lớp xung quanh theo vòng bên hữu. Môn quán kỹ nghĩa của mỗi chữ đều tương ưng với tâm.

Nghĩa chữ An là lưu chú trong sanh diệt, là pháp tối thắng trong tất cả pháp.

Nghĩa chữ Chiết là tất cả pháp vô hành.

Nghĩa chữ Lệ là tất cả pháp vô tướng.

Nghĩa chữ Chủ là tất cả pháp không khởi trụ.

Nghĩa chữ Lệ là tất cả pháp vô cấu.

Nghĩa chữ Chuẩn là tất cả pháp vô đẳng giác.

Nghĩa chữ Đề là tất cả pháp không thủ, xả.

Nghĩa chữ Xoá là tất cả pháp bình đẳng, không ngôn thuyết.

Nghĩa chữ Ha là tất cả pháp vô nhân, vắng lặng, là vô trụ Niết Bàn.

Nghĩa các chữ đây, tuy có lập văn tự mà thật ra đều không văn tự.

Đã không văn tự nên hành giả phải quán kỹ mỗi mỗi nghĩa tướng, xoay vần nối nhau, không ký số, không cho đoạn tuyệt. Không đoạn là nghĩa tối thắng, nghĩa lưu trú không sanh không diệt. Vì tối thắng lưu trú không sanh diệt nên vô hành, vì vô hành nên vô tướng, vì vô tướng nên không khởi trụ, vì không khởi trụ nên vô cấu, vì vô cấu nên vô đẳng giác, vì vô đẳng giác nên không thủ xả, vì không thủ xả nên bình đẳng không ngôn thuyết, vì bình đẳng không ngôn thuyết nên vô nhân vắng lặng vô trú không sanh diệt. Cứ như thế quán niệm xoay vần không cho đoạn tuyệt. Và đây gọi là Tam Ma Địa Niệm tụng. (Kinh Thất Câu Đề Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà Ra Ni.)

Mục H. – 18 Khế Ấn

Hành giả sau khi được thầy làm phép quán đánh và ấn ký cho rồi, không bao lâu sở tu sẽ thành tựu. Nhưng vị đệ tử phải đủ tướng thầy mới truyền thọ cho môn như ý bảo đây để thành tựu các sự nghiệp. Như trong kinh đã nói, những nơi sạch sẽ vắng lặng, không có các sự khùng bố ách nạn, có nước trong cây cối mát mẻ, khí hậu an lành, hoặc chỗ thánh tích, nơi non suối có nhiều cây thơm, hành giả mới nên lập Mạn Đà La tùy sức trang nghiêm cúng dường. Khi tác pháp, trước tiên hành giả đối bốn phương lễ bái Bốn Tôn, kế đó mới lễ Chư Phật ở các phương khác. Sau khi gieo 5 vóc như pháp kính lễ rồi, hành giả quỳ gối chấp tay Hư Tâm Hiệp Chưởng Ấn chí thành tỏ bày sám hối tất cả tội về tam nghiệp như sau :

Con từ đời quá khứ,	Lưu chuyên trong sanh tử,
Nay đối Đại Thánh Tôn,	Hết lòng cầu sám hối,
Như trước Phật đã sám,	Nay con cũng như vậy.
Nguyện nhờ sức gia trì,	Chúng sanh đều thanh tịnh.
Do đại nguyện hôm nay,	Minh, người được vô cấu.

Tiếp theo đọc chân ngôn rằng :

Ấn, Sá Phạ Bà Phạ Thâu Đà Sá Phạ, Đạt Mạ Sá Phạ, Bà Phạ Thâu Độ Hàm.

Kế đó hành giả ngồi kiết già hoặc bán già trước Bồn Tôn khởi lòng đại bi suy nghĩ rằng : “ Nay ta tu pháp này là vì tất cả chúng sinh mà cầu mau chứng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.” Nghĩ xong, lấy chất thơm thoa hai tay, rồi kiết ấn Tam Muội Gia thuộc Phật Bộ. Hành giả chấp hai tay lại, co hai ngón trở vịn vào lóng trên hai ngón giữa, co 2 ngón cái vịn vào lóng dưới 2 ngón trở là ấn thành. Kế đó lại đưa ấn lên ngang trước ngực tương 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp của Như Lai rõ ràng như đôi trước mắt, rồi tụng 7 biến chân ngôn như sau :

Ấn, Đát Tha Nghiệt Đô Nạp Bà Dã, Sá Phạ Hạ.

Do kiết ấn và tụng chân ngôn này, liền cảnh giác tất cả Chư Phật đồng hộ niệm gia trì hành giả. Như Lai dùng quang minh soi đến thân, hành giả có bao nhiêu tội chướng thấy đều tiêu diệt, thọ mạng lâu dài, phước huệ thêm lớn, thánh chúng trong Phật Bộ đồng vui mừng ủng hộ. Hành giả đời đời kiếp kiếp lia các đường ác, sẽ được hoá sanh trong hoa sen, và mau chứng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

Kế đó lại kiết ấn Tam Muội Gia thuộc Liên Hoa Bộ. Hành giả chấp tay lại, rồi buông 2 ngón trở, 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh rời ra hơi cong cong như hình hoa sen, là ấn thành. Xong đưa ấn ngang ngực, tương Quán Tự Tại Bồ Tát tướng tốt đầy đủ, tụng chân ngôn sau đây 7 biến rồi xả ấn nơi bên hữu trên đỉnh. Chân ngôn rằng :

Ấn, Bì Na Mô, Nạp Bà Phạ Dã Sá Phạ Hạ.

Do kiết ấn và tụng chân ngôn này, liền cảnh giác Quán Tự Tại Bồ Tát cùng chư Thánh chúng trong Liên Hoa Bộ đồng hoan hỷ gia trì ủng hộ hành giả. Nhờ quang minh chư Bồ Tát soi đến thân, những tội chướng của hành giả đều được tiêu trừ. Đương nhân thường được tất cả Bồ Tát cùng làm thiện hữu.

Kế lại kiết ấn Tam Muội Gia thuộc Kim Cang Bộ. Hành giả đưa lòng bàn tay trái ra ngoài hướng về bên tả, đầu lưng bàn tay mặt vào bàn tay trái, 2 ngón cái và ngón út câu nhau như hình Kim Cang Xử là ấn thành. Xong đưa ứng lên ngang ngực, quán tướng tốt của Kim Cang Thủ Bồ Tát, tụng chân ngôn sau đây 7 biến rồi xả ấn trên đỉnh bên trái. Chân ngôn rằng :

Ấn, Phạ Nhựt Rô, Nạp Bà Phạ Dã, Sá Phạ Ha.

Do kiết ấn và tụng chân ngôn này, liền cảnh giác tất cả Thánh chúng trong Kim Cang Bộ gia trì ủng hộ, bao nhiêu tội chướng của hành giả đều được trừ diệt. Đương nhân sẽ được thể Kim Cang bền chắc, tất cả bệnh khổ, không phạm đến thân.

Kế đó lại kiết ấn Hộ Thân Tam Muội. Hành giả xoa hai tay vào bên trong, tay mặt áp lên trái, dựng 2 ngón tay giữa, cong 2 ngón trở hình như lưỡi câu vào lưng 2 ngón giữa nhưng đừng cho đụng, dùng 2 ngón cái áp vào ngón vô danh là ấn thành. Xong, đem ấn in vào 5 chỗ, trước tiên nơi trán, kế vai mặt, vai trái, ngay tâm, sau rút nơi cổ họng rồi xả ấn trên đảnh. Mỗi lần in một chỗ, đều tụng 1 biến chân ngôn sau :

Ấn, Phạ Nhựt Ra, Ngân Nễ Bát Ra, Nấm Bi Đá Dã, Sá Phạ Ha.

Do sức kiết ấn và tụng chân ngôn này gia trì, thân của đương nhân liền được mặt giáp trụ. Bao nhiêu Tỳ Na Dạ Ca cùng Thiên Ma làm chướng ngại bỗng thấy hành giả oai đức tự tại, xung quanh thân có ánh sáng bao phủ chói ngời liền tan rã bỏ chạy. Người dùng ấn chú này dù ở núi rừng cùng chỗ hiểm nạn cũng không việc chi đáng sợ. Tất cả những ách nạn như nước lửa, cọp, sói, sư tử, dao, gậy, gông, xiềng... thấy đều tiêu diệt. Kế ấy lúc còn hiện tiền ai trông thấy cũng đều hoan hỉ, khi mạng chung khỏi đọa ác thú, được sanh về quốc độ tịnh diệu của Chư Phật.

Kế đó lại kiết ấn Địa Giới ấn, hành giả dùng ngón vô danh tay mặt lồng vào kẽ ngón vô danh và ngón út tay trái, đem ngón giữa tay mặt lồng vào kẽ ngón giữa và ngón trở tay trái, tay tả cũng làm in như thế, còn đầu mấy ngón tay kia thì vịn nương nhau là ấn thành. Xong liền tương tay ấn hoá thành hình Hỏa Diệm Kim Cang Xử, rồi dùng ngón tay cái gõ nhịp chầm xuống đất, mỗi lần gõ tụng 1 biến chân ngôn, đủ 3 lần mới thôi. Hành giả tùy tâm tưởng nêu giới rộng hay hẹp, thì đất ở nơi phạm vi ấy liền thành ra địa giới kiên cố. Chân ngôn rằng :

**Ấn, Chỉ Rị Chỉ Rị Phạ Nhựt Ra, Phạ Nhựt Rị, Độ Luật Mãn Đà Mãn
Đà Hồng Phấn Tra.**

Do sức kiến ấn và tụng chân ngôn này gia trì địa giới, nên từ mặt đất xuống từng thủy tể đều như toà Kim Cang, Thiên Ma và các chướng không thể làm nã hại. Hành giả ít gia công lực mà thành tựu.

Kế đó lại kiết ấn Kim Cang Tường để bao bọc xung quanh. Hành giả chuẩn theo Địa giới ấn ở trên, mờ 2 ngón cái dựng lên như vách tường, tường ấn thành hình Kim Cang Xử. Xong, quay mình 3 vòng theo chiều bên hữu, tùy tâm tưởng phạm vi rộng hẹp nơi ấy liền hoá ra tường thành Kim Cang chắc chắn. Chư Phật Bồ Tát còn không trái vượt qua bức tường ấy, huống chi các hàng quỷ thần khó điều phục như Tỳ Na Dạ Ca. Ngoài ra những loài trùng thú như móng nanh đều không thể lại gần. Khi kiết ấn này, nên tụng chân ngôn sau :

Án, Tát Ra Tát Ra Phạ Nhựt Ra, Bát Ra Ca Ra Hồng, Phấn Tra.

Kế tiếp, hành giả kiết Định Ấn Tường nơi 8 cánh sen trong đàn có toà sư tử, trên tòa có lầu cát thất bảo, cột báu bày hàng, xung quanh treo ngọc anh lạc, lụa màu, lọng phướng, thiên y, khói mây thơm lẫn vãn. Từ hư không mưa xuống nhiều thứ hoa đẹp, và có tiếng âm nhạc trời tấu thanh tao. Nơi lầu có đèn bằng ngọc ma-ni và nhiều bình báu đựng các thức ăn tịnh diệu của cõi Ú Già Thiên. Quán tưởng xong, hành giả đọc kệ rằng :

Con đem sức công đức,
Sức gia trì của Phật,
Cùng với sức pháp giới,
Khấp cúng dường an trụ.

Đọc kệ xong, liền kết Phổ Thông Cúng Dường ấn của Đại Hu Không Tạng Bồ Tát. Hành giả chấp tay, 2 ngón giữa xoay ra ngoài, đầu 2 ngón trở chống vịn nhau, ấn liền thành. Xong tụng 4 biến Phổ Cúng Dường chân ngôn như sau :

Án, Nga Nga Năng Sam Bà.

Do sức chân ngôn và ấn này gia trì, những đồ cúng dường tưởng tượng đều thành ra thật, tất cả chúng hiền thánh đều được thọ dụng.

Kế tiếp nên kiết ấn Bảo Xa Lạc. Hành giả xoay 2 tay vào bên trong, đem 2 ngón trở chống vịn nhau, 2 ngón cái ấn vào góc 2 ngón trở, bàn tay lật ngửa lên, ấn liền thành. Xong, lại tưởng có cỗ xe thất bảo vững chắc như Kim Cang, nương

hur không bay đến thế giới Cực Lạc của Đức Bản Tôn và tụng 3 biến chân ngôn như sau :

Án, Đô rô Đô rô Hồng.

Do sức của chân ngôn và ấn này gia trì, cỗ xe báu liền đèn quốc độ của Phật A Di Đà. Hành giả tưởng Đức Bản Tôn và Chư Thánh quyền thuộc đồng ngồi lên xe báu bay đến đạo tràng, trụ giữa hư không.

Kế tiếp lại kiết ấn Thịnh Xa Lạc. Hành giả chuẩn theo ấn trước, đem 2 ngón cái hướng về thân, vịn đầu 2 ngón giữa là ấn thành. Xong, liền tụng 3 biến chân ngôn như sau ;

Na Ma Tát Đế Ra Dã, Địa Vĩ Ca Nấm Đất Tha Nghiệt Đa Nấm.

Án, Phạ Nhựt Lãng Ngân Nễ Dã Yết Lỵ Sa Dã, Sa Phạ Ha.

Do sức của chân ngôn và ấn này gia trì, chư Thánh chúng liền từ nơi bản độ đến nơi đạo tràng trụ giữa hư không.

Kế tiếp lại kiết Thịnh Bản Tôn Tam Muội gia ấn, cung thỉnh Bản Tôn đến đạo tràng. Hành giả 2 tay xoay vào trong, ngón cái bên tả co vào lòng bàn tay, ngón cái bên mặt buông ra hướng vào thân hình như vòi thỉnh. Kiết ấn xong niệm chân ngôn rằng :

Án, Nhĩ Năng Nhĩ Ca. Án, A Lô Lự Ca. Án, Phạ Nhựt Ra Đặc Lặc

Ca, A Nghiệt Xa A Nghiệt Xa, Sa Phạ Ha.

Do sức của chân ngôn và ấn này gia trì, Đức Bản Tôn không rời bản độ, giáng phổ nơi đạo tràng.

Kế tiếp, lại kiết ấn Mã Đầu Minh Vương ấn để dẹp trừ các chương nạn. Hành giả chấp tay, co 2 ngón trở 2 ngón vô danh vào trong cho móm tay cùng nhau, buông lơi 2 ngón cái ra là ấn thành. Xong, đem ấn xoay qua bên tả 3 vòng, tưởng các chương nạn đều bị dẹp trừ, tất cả ma thấy ấn này liền thôi lui bỏ chạy. Rồi đem ấn xoay qua bên hữu 3 vòng, tức thì xung quanh thành ra hóa giới kiên cố. Trong khi ấy miệng tụng chân ngôn rằng :

Án, A Mật Rị, Đô Nạp Bã Phạ Hồng Phát Tra, Sa Phạ Ha.

Kế tiếp, lại kiết ấn Kim Cang Vông để làm màn lưới che giảng giữa hư không. Hành giả theo ấn Kim Cang Tường ở trước đem 2 ngón cái bắm vào lòng dưới 2 ngón trở, tụng chân ngôn 3 biến, chuyển đầu qua bên hữu 3 vòng. Chân ngôn như sau :

**Ấn, Vĩ Sa Phổ Ra Nại Lạc Khất Xoa, Phạ Nhựt Ra Bán Nhá Ra Hồng,
Phát Tra.**

Do sức của chân ngôn và ấn này gia trì, giữa hư không liền hóa thành lưới Kim Cang bền chắc không hư hoại.

Kế tiếp, lại kiết ấn Hòa Viên Mật Phùng. Hành giả dùng bàn tay trái che đỡ lưng bàn tay mặt, dựng đứng 2 ngón cái, tụng chân ngôn 3 biến rồi xoay mình qua bên hữu 3 vòng. Trong khi ấy tưởng có một vòng lửa hùng cháy quanh ngoài tường Kim Cang. Chân ngôn rằng :

Ấn, A Tam Mãn Nghĩ Nễ Hồng, Phát Tra.

Kế tiếp, lại kiết ấn Hiến Hương Thủy. Hành giả 2 tay nâng chén, tưởng chén ấy hóa thành bảo trì, nước Ứ Già thơm đầy đầy, chư Thánh đều rửa chân. Tụng 3 biến chân ngôn sau đây :

Nam Mô Sam Mãn Đa Một Đà Nấm --- Nga Nga Năng Sa Mãm --- Sa Mãm Sa Phạ Ha.

Do hiến dâng nước thơm Ứ Già, hành giả được rửa sạch bợn nhơ phiền não, ba nghiệp đều thanh tịnh.

Kế tiếp, lại kiết ấn Liên Hoa Tòa. Hành giả chấp tay rỗng bụng mở 2 ngón trở 2 ngón giữa 2 ngón vô danh hơi cong cong như hình hoa sen mới nở, tưởng Bồ Tôn cùng chư Thánh chúng trong lầu các đều ngồi nơi bản vị, quyền thuộc vây quanh rõ ràng. Tụng chân ngôn sau đây 3 biến :

Ấn, Ca Ma Lã Sa Phạ Ha.

Do kiết ấn Liên Hoa Tòa và tụng chân ngôn này, hành giả sẽ được đầy đủ 10 địa và ngôi nơi tòa Kim Cang.

Kế tiếp lại kiết ấn Phổ Cúng Dường. Hành giả chấp tay, các ngón giao nhau, hữu áp lên tả, ấn liền thành. Xong tụng 3 biến chân ngôn, tưởng vô lượng vô biên hương thoa, hương đốt, tràng hoa, lọng phướng, đèn đuốc, thức ăn uống đều nhiều như biển, toàn là những thức cúng dường tinh sạch. Chân ngôn như sau :

**Nam Mô Sam Mãn Đa Một Đà Nấm, Tát Phạ Tha Khiển Huẩn Na
Nghiệt Đế, Sa Phả Ra Hê Hàm Nga Nga Năng Kiếm Sa Phạ Ha.**

Mười tám khế ấn trên đây, tương truyền là soạn tác của Tuệ Quả Hoà Thượng, có kẻ bảo là do Hoàng Pháp Đại Sư biến chế ra. Nhưng tra trong kinh tạng thì thấy có đoạn Thập Bát Đại Chân Ngôn bằng Phạn ngữ. Lại trong kinh Đại Thánh Hoan Hỷ Thiên, sau rốt cũng có chương Thập Bát Đạo Kinh Thứ Đệ. Có lẽ hai vị Tổ Sư căn cứ 2 bản ấy mà ghi chép chăng ? Có bài kệ kết yếu rằng :

Tổng sáu, biệt thành 18 pháp,
Thứ lớp sanh khởi như thế nào ?
Muốn vào bí mật Tông Trì môn,
Trước phải điều tịnh trang nghiêm thân (1)
Thân đã điều tịnh trang nghiêm rồi,
Cũng nên gia trì Tịnh Giới Địa (2)
Gia trì giới địa thanh tịnh xong,
Phải nên trang nghiêm nơi đạo tràng (3)
Đạo tràng khi đã được trang nghiêm,
Lại thỉnh Bồ Tôn và Thánh chúng (4)
Cung thỉnh chư Thánh vừa hoàn tất,
Mạnh mẽ tinh tấn kiết Hộ Pháp (5)

Kiết hộ trong ngoài không chướng ngại,
Sau mới quán tưởng khắp cúng dường (6)
Chẳng rời nơi toà thành Tất Địa.

(Thập Bát Khế Ấn)

Ghi Chú :

(1) Trang Nghiêm Thân :

- | | | |
|--------------------|-------------------|--------------------|
| 1. Sám Hồi ấn. | 2. Phật bộ ấn. | 3. Liên Hoa bộ ấn. |
| 4. Kim Cang bộ ấn. | 5. Hộ Thân bộ ấn. | |

(2) Kiết Giới :

- | | |
|--------------|-----------------------|
| 6. Địa Giới. | 7. Kim Cang Tường ấn. |
|--------------|-----------------------|

(3) Trang Nghiêm Đạo Tràng :

- | | |
|------------------------------|-----------------------------|
| 8. Định ấn (hiện đạo tràng). | 9. Phổ Thông Cúng Dường ấn. |
|------------------------------|-----------------------------|

(4) Khuyến Thỉnh :

- | | | |
|--------------------|----------------------|---------------------|
| 10. Bảo Xa Lạc ấn. | 11. Thỉnh Xa Lạc ấn. | 12. Phụng Thỉnh ấn. |
|--------------------|----------------------|---------------------|

(5) Kiết Hộ Pháp :

- | | | |
|----------------|-----------------------|------------------|
| 13. Mã Đầu ấn. | 14. Kim Cang Vãng ấn. | 15. Hòa Viện ấn. |
|----------------|-----------------------|------------------|

(6) Cúng Dường :

- | | | |
|---------------|----------------------|------------------|
| 16. Ư Già ấn. | 17. Liên Hoa Tòa ấn. | 18. Phổ Cúng ấn. |
|---------------|----------------------|------------------|

Mục I. – Pháp Đà Ra Ni Diệt Tội

Này thiện nam tử ! Môn Đà Ra Ni sau đây, chư Phật ba đời đều hộ trì, cũng là bí tạng của tam thế chư Phật. Đà Ra Ni này trước kia ta chưa nói, nay sẽ nói, trước kia chưa chỉ bày, nay sắp chỉ bày. Ta mở phương tiện này để cho chúng sinh mau thoát ly tam giới. Gặp được Đà Ra Ni này, như kẻ mù được thấy ánh sáng mặt trời, như con thơ gặp mẹ, như chim no ra khỏi vỏ trứng, như người đói được thức ăn, như kẻ bị trói được mở, như người rét lạnh được lửa, như kẻ lỏa lồ được y phục, như người lạc lối được chỉ đường, như kẻ khô khát được nước uống. Này thiện nam tử ! Pháp vị bí mật của Ta đây cũng lại như thế ! Nếu Ta trụ lâu nơi đời, hoặc một kiếp, hoặc giảm một kiếp, giải thích Đà Ra Ni này cũng không cùng tận. Nếu kẻ nào vì chúng sanh thọ trì, đọc tụng, giải nói ý nghĩa Đà Ra Ni này, nên biết người ấy trụ nơi chỗ thanh tịnh như Ta không khác. Kẻ đó nên sanh tâm tưởng nghĩ rằng đã gặp Ta. Nếu chúng sanh nào trì tụng Đà Ra Ni này, tự phát lộ tội lỗi, chỉ thành sám hối, như tội không được dứt trừ, quyết không có lẽ ấy.

Ngài Văn Thù Sư Lợi thưa : Bạch Thế Tôn ! Phải tụng Đà Ra Ni này bao nhiêu biến, và tu hành bao nhiêu ngày mới đình chỉ ?

Đức Phật bảo : Thiện nam tử ! Nên tụng Đà Ra Ni này 600 biến mỗi sám hối một lần. Khi sám hối phải thỉnh một vị Tỷ Kheo chứng minh, đương nhơn quỳ trước bàn Phật tự bày tội lỗi của mình cho vị ấy nghe. Cứ trì tụng và sám hối như thế trải qua 67 ngày mới thôi. Nếu trong giấc mộng tự thấy mình quỳ sám hối trần bạch rõ ràng, thấy ánh sáng, chư Phật xoa nơi đầu, nên biết kẻ ấy tội chướng đã tiêu, trụ nơi giới đức thanh tịnh của chư Bồ Tát.

Lại này, thiện nam tử ! Nếu có Sa Di, Sa Di Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nào hủy phá giới cấm, cũng nên thỉnh một vị Tỷ Kheo biết nội, ngoại luật chứng minh, tự mình quỳ trước Tôn tượng, hoặc phương đẳng tôn kinh phát lộ sám hối. Vị Tỷ Kheo ấy theo Ta dạy bảo kẻ sám hối thọ trì pháp tịnh luật, tức là chuyển thành tụng chân ngôn như sau :

Đông Mật

Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Y Già Lê ĐẾ, Mộ Già La ĐẾ, A ĐẾ La Ka ĐẾ, Út Già La ĐẾ, Bà La ĐẾ, Toà La Yết ĐẾ, Toà La Yết ĐẾ, Đậ La Xa A ĐẾ, Tỳ Xa Yết ĐẾ, Ly Bà Yết ĐẾ, Ba La Lê A Lê, Kỳ La Lê A Lê, Trì La Lê A Lê, Kỳ Lan Lê A Lê, Đề Lan Lê A Lê, Tỳ La A Lê, Soa Ha.

Này Thiện nam tử ! Đà Ra Ni đây, Ta vì thương xót tất cả chúng sanh nên mới nói ra. Nếu có Sa Di, Sa Di Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di hạ liệt, phá giới, nên tu tập Đà Ra Ni này, cứ tụng đủ 400 biến thì một lần sám hối, như thế cho đến 47 ngày. Khi sám hối phải trần bạch tội lỗi cho rành rẽ rõ ràng. Mãn 47 ngày nếu trong giấc mộng thấy được một điều nào như đã nói, nên biết kẻ đó đã trụ nơi chỗ trong sạch, đã đầy đủ giới pháp thanh tịnh.

Khi ấy ngài Văn Thù Sư Lợi và 500 vị đại đệ tử nghe nói còn có chút lòng nghi. Đức Phật biết ý bảo : Đúng như chỗ các ông suy nghĩ, hành giả tuy đã tụng chân ngôn, diệt tội, nhưng cũng cần phải tu 5 việc để giữ gìn giới tội. Đó là :

1. Không phạm ý nghĩa của Đà Ra Ni.
2. Không hủy báng Kinh Phương Đẳng.
3. Chớ thấy lỗi kẻ khác.
4. Không tán dương Đại Thừa để khinh hủy Tiểu Thừa.
5. Không xa lìa bạn lành, thường hay nói việc hay tốt của chúng sanh.

Năm việc này là hạnh nghiệp không phạm giới tánh của hành giả.

Lại nữa, thiện nam tử ! Hành giả không nên nói chỗ thấy thuộc về thượng giới của mình, và mình có việc gì hay dở tốt xấu cũng không nên nói. Mỗi ngày phải sám hối một lần và tụng chú này ít lắm là một biến. (Kinh Đại Phương Đẳng Đà Ra Ni quyển 4).

Mục K. -- Bốn Pháp Thành Tựu

Nay Ta lại nói bốn Pháp thành tựu. Đó là pháp Phiến Để Ca, pháp Báo Sắc Trí Ca, pháp Phạ Yết Ra Noa, pháp A Giá Lô Ca.

Nếu muốn làm phép tức tai, hành giả hướng về phương Bắc để tượng hướng về phương Nam, trước Bồn Tôn, lập đàn hình tròn. Nên quán Bồn Tôn thành sắc trắng, những đồ cúng dường như lọng, phướng, hoa đều dùng sắc trắng, những cho đến trái cây, thức uống cũng thành bạch sắc. Hành giả mặc y phục màu trắng, hương thoa dùng bạch đàn, hương xông dùng trầm thủy, đốt tô-đăng, phải tương ứng với từ tâm. Thời kỳ tác pháp nên bắt đầu từ đêm mùng một cho đến cuối ngày mùng tám. Mỗi ngày hành giả phải tắm gội và thay đổi y phục 3 lần, đến ngày cuối nên cấm thực, chỉ uống nước trong, cứ y theo phép tắc như thế mà làm, tất có thể dứt trừ tai nạn, nghiệp chướng tội nặng. Nếu gặp khi ngũ-tinh lẫn ép bồn mạng cảm chiêu các thứ tai họa, mang tiếng thị phi, bị sự tranh kiện, vua quan bức bách, gia tộc bất hòa, nạn quý-my, đau bệnh cho đến trong nước không yên, mất mùa đói kém... Chí thành tu theo phép này, tai nạn sẽ tiêu diệt, được sự cát tường, thân tâm an vui, việc mong cầu đều toại ý. Dùng Pháp này thì những hạnh nguyện thế cùng xuất thế gian đều được thành tựu, không có chi trở ngại.

Nếu làm phép Tăng Ích, hành giả hướng về phương Đông, để tượng hướng về phương Tây, trước Bồn Tôn lập đàn hình vuông. Nên quán Bồn Tôn thành sắc vàng, những đồ cúng dường như hoa quả, thức uống ăn đều dùng hình sắc màu vàng. Hành giả mặc y phục màu vàng, hương thoa dùng bạch đàn pha một ít uất kim, đốt đèn dầu mè phải tương ứng với hỷ duyệt tâm. Thời kỳ tác pháp nên bắt

đầu từ sáng sớm ngày mùng chín lúc mặt trời mọc, cho đến cuối ngày rằm. Mỗi ngày hành giả phải tắm gội và thay đồ 3 lần, đến ngày cuối đoạn thực y như trước. Niệm tụng như thế có thể tăng quan chức, thọ mạng, phước đức, trí tuệ, danh lành. Nếu muốn cầu tiền của, quyền thuộc, voi ngựa, kho tàng ẩn dưới lòng đất, được chức quan, được thế lực, được thắng lợi, ngũ cốc được thành thực, cứ theo pháp này tất cả đều có kết quả.

Nếu làm pháp Kính Ái, hành giả hướng về phương Tây, để tượng hướng về phương Đông, trước Bồn Tôn lập đàn hình hoa sen. Nên quán Bồn Tôn thành sắc đỏ, những đồ cúng dường như hoa quả, thức uống ăn đều dùng hồng sắc. Hành giả mặc y phục màu đỏ, hương thoa dùng uất kim, hương xông dùng tô hiệp đình hương hòa với mật, đốt đèn bằng dầu của các thứ trái, phải tương ứng với hỷ nộ tâm. Thời kỳ tác pháp nên bắt đầu từ cuối đêm ngày 16 cho đến mãn ngày 23. Sự tắm gội và đoạn thực cũng y như trước. Niệm tụng như thế sẽ được tất cả mọi người yêu kính. Nếu gặp lúc gia tộc bất hoà, trong nước không yên, kẻ oán thù tìm phương tiện làm hại, muốn cầu cho đôi bên yêu kính thuận thảo nhau, hoặc muốn cầu cho quyền thuộc bạn bè cùng thân hậu đối đãi nhau có ân nghĩa, muốn cho vua hoặc quan trưởng đẹp ý gần gũi mến thương nên y theo pháp này mà làm tất có kết quả tốt. Cho đến muốn cầu thuyết pháp biện tài, tiếng nói được trong trẻo oai nghiêm, người nghe sanh vui đẹp, Thánh Hiền gia hộ, Thiên Long Bát Bộ đều hoan hỷ, nên y theo Pháp này mà tin thành niệm tụng, sở nguyện sẽ được thành tựu.

Nếu làm phép Hàng Phục, hành giả hướng về phương Nam, để tượng hướng về phương Bắc, trước Bồn Tôn lập đàn hình tam giác. Nên quán Bồn Tôn thành sắc xanh hoặc đen. Đồ hiến cúng nên dùng hoa màu xanh, hoa có mùi hôi hay không mùi thơm, hay hoa Mạn Đà Ra, thức uống ăn dùng nước thanh lựu nhuộm hòa thành màu xanh hay đen. Thức Uống Giã dùng nước tiểu con trâu, lấy hoa sắc đen, hột cải, bá-mộc, hương thoa, mỗi thứ một ít để vào nước ấy. Hành giả mặc y phục màu xanh hoặc đen, hương thoa dùng bá-mộc hương, hương xông dùng an-tức hương, đốt đèn bằng dầu hột cải, phải tương ứng với phần nộ tâm. Nên tụng Mã Đầu Minh Vương chân ngôn hoặc Nhất Kê Sứ Giả chân ngôn trong Liên Hoa Bộ. Thời kỳ tác pháp bắt đầu từ giờ Tý hay giờ Ngọ ngày 24 cho đến cuối tháng. Sự tắm gội cùng đoạn thực cũng vẫn y như trước. Niệm tụng như thế có thể điều phục hàng quỷ thần hung dữ cùng loài rồng ác độc làm cho trong nước bị nắng hạn lâu hoặc làm gió mưa, sương, bão thương tổn hoa màu, hay làm tật dịch lưu hành. Phép này cũng hàng phục luôn hạng người ác, bất trung, bất hiếu, bất nghĩa, giết hại vô lượng chúng sanh, hủy báng Chánh Pháp, phá diệt Phật Giáo, bội phản Sư Tăng, cha mẹ đã không nghĩ ân đức mà còn làm chướng nạn, cùng hạng nhất xiển đề tà kiến, kẻ ngoại đạo đoạn căn lành muốn xâm hại bậc truyền trì Chánh Pháp cho đến độc trùng ác thú kẻ thù địch muốn làm các điều tổn hại. Trong những trường hợp như thế, khi hành giả tác pháp, kẻ khởi niệm ác kia tự cảm thấy thân tâm khốn đốn chẳng an, hoặc đau yếu dây dưa có khi đến chết. Hành giả nên đến nơi khuyên đối phương phát tâm lành, nếu kẻ kia biết hối lỗi tự trách nguyện dứt trừ tâm ác, thì liền vì họ mà làm pháp tức tai, người ấy sẽ khỏi tai nạn. (Kinh Kim Cang Đánh Du Gia Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Tu Hành Nghi Quỹ.)

Mục L : Pháp Hộ Ma

Bấy giờ Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát nương oai thần của Phật, vì tất cả người tu hành Du Già nói ra pháp nội Hộ Ma chân thật để vĩnh viễn điều phục giặc phiền não và tất cả quỷ thần. Tu pháp Hộ Ma này, khi quán Bốn Tôn và các sắc ở bản phương có thể làm cho tam muội được tăng trưởng.

Nếu muốn thành tựu pháp Hộ Ma Tức Tai về Phật Bộ, hành giả nên quán kỹ Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai, tưởng mình chính là Kim Cang Tát Đỏa ngồi kiết già trong nguyệt luân, từ nơi thân tuôn ra ánh sáng trắng, trong ngoài sáng sạch chói suốt như lưu ly. Ánh sáng từ nơi thân phát ra kết thành viên quang, trang nghiêm thân mình rất mực thắng diệu, tất cả chúng sanh khi nhìn thấy đều vui thích. Lại tưởng 10 phương chư Phật đều thành sắc trắng, số lượng của các Thế Tôn ấy nhiều như bụi nhỏ cõi tam thiên đại thiên thế giới, tất cả đều vào trong thân ta. Đây gọi là pháp Tịch Tĩnh Hộ Ma.

Nếu muốn là pháp Hộ Ma điều phục nên quán Phật A Súc Bệ ở phương Đông. Phật ngồi kiết già nơi nguyệt luân, các đức viên mãn, từ nơi thân tuôn ra ánh sáng sắc xanh, viên quang rực rỡ, trang nghiêm màu nhiệm bậc nhất trong 10 phương thế giới. Lại tưởng tất cả Bồ Tát đều lộ vẻ Kim Cang nội, vào trong thân ta phá dẹp tất cả phiền não và các quỷ thần. Như muốn là pháp Hộ Ma cầu tiền của, nên quán Phật Bảo Sanh ở phương Nam, tưởng tất cả Bồ Tát đều lộ vẻ hoan hỷ vào trong thân ta. lại tưởng từ nơi thân mình tuôn ra quang minh kim sắc sáng sạch tròn đầy, tự thân trang nghiêm, ngồi kiết già trong nguyệt luân ở phương Nam, chúng sanh đều ưa chiêm ngưỡng. Tất cả phiền não không thể làm rối loạn tâm mình, bao nhiêu quỷ thần hung ác đều lánh xa không dám gần gũi.

Nếu muốn làm pháp Hộ Ma kính ái. Hành giả nên quán Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây ngồi kiết già trong nguyệt luân từ nơi thân tuôn ra ánh sáng sắc đỏ sạch, chói sạch viên mãn, chúng sanh đều ưa trông nhìn. Lại tưởng tất cả Bồ Tát ở 10 phương số lượng nhiều như bụi nhỏ của cõi đại thiên, dùng vô số anh lạc, vô lượng thiên y, trăm ức báu để trang nghiêm. Thân hình của các vị ấy xinh đẹp vô tỷ còn hơn thiên nữ ở trong các cõi trời, tất cả đều vào thân ta, khiến cho hàng quốc vương, đại thần và các hữu tình khi thấy ta đều sanh lòng vui đẹp.

Nếu muốn làm phép Hộ Ma Tăng Ích, nên quán Phật Bất Không Thành Tựu ở phương Bắc. Phật ngồi kiết già trong nguyệt luân từ nơi thân tuôn ra quang minh ngũ sắc sáng sạch tròn đầy, chúng sanh đều ưa chiêm ngưỡng. Lại tưởng chư Phật Bồ Tát ở 10 phương thế giới số lượng nhiều như bụi nhỏ của cõi đại thiên, tất cả đều phóng ánh sáng ngũ sắc vào trong thân ta, khiến cho tất cả sự nghiệp của ta đều được thông đạt. (Kinh Chư Phật Cảnh Giới Nhiếp Chơn Thật, quyển hạ.)

Kể lại nói sự sai biệt của 3 pháp Hộ Ma : Tức Tai, Tăng Ích, Hàng Phục. Nên y theo đây tùy việc mà lập Mạn Đà La và làm pháp Hộ Ma.

Nếu làm pháp Hộ Ma Tức Tai nên ngồi hướng về phương Bắc; làm pháp Hộ Ma Tăng Ích nên ngồi hướng về phương Đông; làm pháp Hộ Ma Hàng Phục nên ngồi hướng về phương Nam. Nếu lập Mạn Đà La cùng làm pháp Hộ Ma Tức Tai nên dùng hình tròn; pháp Tăng Ích dùng hình vuông; pháp Hàng Phục dùng hình tam giác. Nếu lập Mạn Đà La cùng làm pháp Hộ Ma Tức Tai, nên dùng sắc trắng; pháp Tăng Ích dùng sắc vàng; pháp Hàng Phục dùng sắc đen. Khi làm pháp Tức Tai nên ngồi tòa hoa sen; làm pháp Tăng Ích ngồi tòa cỏ; làm pháp Hàng Phục nên ngồi xồm không chắm đất chân mặt áp lên trên chân trái. Nên dùng tâm

thanh tịnh mà làm pháp Tức Tai; dùng tâm hoan hỷ làm pháp Tăng Ích; dùng tâm phần nộ làm pháp Hàng Phục. Nên dùng nhánh trên ngọn mà làm pháp Hộ Ma Tức Tai; dùng nhánh giữa thân cây làm pháp Hộ Ma Tăng Ích; dùng rễ cây làm pháp Hộ Ma Hàng Phục. (Kinh Sanh Hê Gia quyền hạ).

Mục M : Phép Chọn Đất

Tra cứu trong kinh Đại Phạm Thiên Vương nội bí mật, thấy có đoạn nói :
“Đức Như Lai khi còn ở nhân địa, trong 500 muôn đời làm vị Trì Chú Tiên Nhơn, Tiên Nhơn khi du lịch các danh sơn hay ẩn cư nơi tịnh thất thường chiêu cảm các vị Phạm Thiên đến ủng hộ, hoặc hàng Thiên Long Bát Bộ hiện thân. Khi có điềm tốt như thế, nhưng vì bị ma làm náo nên pháp sự chẳng thành. Trong sự thất bại ấy, có một nguyên nhân là lập Mạn Đà La không đắc địa. Nay xét trong kinh có 42 phép chọn đất, khiến cho người trì chú lập Mạn Đà La được thành tựu như ý. Nếu không có y pháp này thì chi luống tiêu hao ngày tháng mà thôi.

- I. Khi vào trong hang núi, thấy có chỗ bốn bên là đá, chính giữa là đất, sạch sẽ dường như có người quét dọn, nơi khoảng đất ở chính giữa có hoa lạ mọc lên. Đây là chỗ Thánh Nhơn đắc đạo, đất tốt bậc nhất. Nếu lập đàn ở đó mà trì chú, quyết định sẽ cảm chư Phật ủng hộ. Nhưng chỗ này chỉ có bậc trí giới ở được mà thôi kẻ chẳng giữ giới không nên ở đây, phải để ý ghi nhớ.
- II. Trong núi sâu có chỗ mà cọp, sư tử, hay các mãnh thú khác thường đến ngồi. Nơi đây đất trống cỏ không mọc, chính là chỗ Thánh Nhơn khi trước đã ngồi, và các thú ấy đều là thần hộ pháp. Nếu lập đàn trì chú nơi đây, pháp sự đều thành tựu. Trong năm Khai Hoàng thứ 5, bần đạo vào trong núi sâu ở Quảng Châu may mắn gặp được địa-cuộc này, liền lưu trụ y theo pháp mà thọ trì. Đêm lại, có một vị thần cao ba trượng, mặc áo trắng, thân sắc vàng, đi đến bảo : “ Tôi là thần Đại Phật Đảnh, nay thấy Pháp Sư ngồi nơi phước địa, nên đến đây mà thọ pháp.”
- III. Nếu lên đỉnh núi cao thấy có tảng đá lớn trơn láng như mài, bóng người hiện trong đó, đây chính là đá kiết tường của Thánh Nhơn. Nên dùng cỏ tranh trắng lót nơi góc Tây Bắc tảng đá làm tòa ngồi mà trì chú tác pháp, thì sở cầu liền thành tựu. Nhưng nếu chẳng phải người giữ giới, không nên ngồi ở đây.
- IV. Vào trong núi thấy bốn bề đầy cỏ, chính giữa có khoảng đất trống trải không vật chi, sạch sẽ như quét. Nếu lập đàn tác pháp nơi đây tất thành tựu.
- V. Vào trong núi, thấy có tảng đá ngũ sắc : xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, sắc nào ở phương ấy. Đây là thắng địa, chỗ của Thánh Nhơn học đạo khi xưa. Nếu lập đàn tu hành thì Tứ Thiên Vương sẽ đến ủng hộ.
v.v...
- VI. Vào trong núi thấy con rắn có sừng nằm trên thạch bàn, xung quanh gần đó cỏ không mọc. Rắn thấy người đến liền bỏ đi. Lập đàn tu hành ở chỗ này rất tốt.
- VII. Vào núi thấy có con nai trắng nằm trên đất, chu vi một trượng trở vào không cây cỏ . Thắng địa này có thể lập đàn.

Đông Mật
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

- VIII. Vào núi thấy có con thú màu trắng, chỗ khoảng đất nó nằm bốn bên cũng không cây cỏ, đâu cũng là nơi đất tốt cho sự lập đàn tu hành.
- IX. Vào núi thấy có người cao hơn một trượng, bốn con mắt, mặc áo sắc đen, ngồi trên tảng đá. Đá ấy trong sáng soi rõ bóng người. Nếu thấy Tỷ Kheo ngồi tu nơi đây tất thành đạo quả.
- X. Vào núi thấy một ông lão, râu, tóc, chơn mày đều bạc trắng. Chỗ tầm con mắt của ông ngó, đất không sanh cỏ. Nên lựa chỗ không cỏ mà lập đàn, chỗ có cây cỏ không tốt.
- XI. Vào núi thấy có một khoảng đất có mây ngũ sắc từ nơi đá hay nơi đất bốc lên. Cảnh tượng này xảy ra trong lúc trời trong tạnh. Không phải lúc trời âm ỉ trước hay sau cơn mưa. Chỗ đó là chỗ Thánh Nhơn đã ngồi, lập đàn rất tốt.
- XII. Trong hang đá có mãnh thú ở, cây cỏ không sanh, nơi đây có thể lập đàn.
- XIII. Vào núi thấy chỗ vắng vẻ bằng phẳng cỏ mọc nhưng trong vòng 1 thước lại có dấu chân người. Nơi đây lập đàn rất tốt.
- XIV. Vào hang núi thấy một mảnh cỏ mọc, đầu ngọn cỏ cúi xuống dường như có người ngồi. Nơi đây lập đàn rất tốt.
- XV. Lên đánh núi thấy một khoảnh bằng phẳng, bốn bề hoa lạ mọc đầy, chính giữa chu vi 8 thước trở lại là đất trống, đây là thắng địa.
- XVI. Vào núi để ý thấy có nơi hoa mọc 4 mùa không dứt, mà toàn hoa lạ. Đây là phước địa.
- XVII. Vào núi trì chú, thấy một đạo bạch quang từ dưới đất xông lên, nơi ấy bốn bề không cỏ mọc. Đất này tốt.
- XVIII. Vào núi thấy khoảnh đất dường như có khói bốc lên, lại có mùi thơm quanh quần. Địa cuộc rất tốt.
- XIX. Trong núi nào có ánh sáng ngũ sắc chói lên, lập đàn nơi đó rất tốt.
- XX. Trong núi nào có chim không tước hoặc các thú chim khác ngậm hoa cỏ bay đến nhả xuống, đó là chỗ xuất phát Thánh Nhơn. Lập đàn tu hành rất tốt.
- XXI. Trong núi nơi nào có đất ngũ sắc, sáng sớm lại có ánh sáng ngũ sắc phát ra. Đó là quý địa.
- XXII. Vào núi thấy có 4 con hạc trắng đang nằm, nơi đó cỏ không mọc. Đây là cuộc đất kiết tường.
- XXIII. Vào núi thấy có hai cây mọc đối nhau khoảng giữa hai cây ấy trạng như hình người. Nơi đây có thể lập đàn.
- XXIV. Vào núi thấy con trâu vàng hoặc trâu trắng đang nằm, nơi ấy cỏ không mọc, sạch sẽ như có người quét. Chỗ ấy nên lập đàn tu hành.
- XXV. Trong núi có đá, đánh vào kêu thành tiếng chuông. Chỗ này có thể lập đàn.
- XXVI. Vào núi thấy có động đá, nếu thử đối vào gọi lớn không nghe tiếng dội lại, nơi đó có thể lập đàn.
- XXVII. Vào núi thấy cảnh chùa miếu, lúc sáng sớm mặt trời chưa mọc, thấy có ánh sáng ngũ sắc chói lên. Cảnh ấy tốt có thể lập đàn.
- XXVIII. Vào núi thấy có vị mặc thiên-y. Lập đàn ngay chỗ vị ấy xuất hiện rất tốt.

- XXIX. Trong vùng núi thấy có nhiều gò mối mọc cao độ 5 thước (thước mộc) trở lên, chỗ ấy có thể lập đàn yên tĩnh tu hành.
- XXX. Vào núi thấy có đất hình dáng như con rồng, hay trên mặt đất có làn vân như nét vẽ. Nơi đây có thể lập đàn.
- XXXI. Vào núi thấy có vị Tiên Nhơn, hoặc loài nhơn thú có sừng, nên lập đàn chỗ họ xuất hiện.
- XXXII. Vùng đất nào phi thời phi xứ bỗng thấy có ánh sáng hiện ra, hoặc có lửa cháy, hay có khói thơm, đó là chỗ A La Hán đắc đạo. Nên lập đàn nơi ấy.
- XXXIII. Nếu vào chùa am hay nhà thế tục lập đàn, trăm ngàn lần không bằng ở vùng núi vắng. Cho nên muốn cứu chúng sanh, cần phải lựa đất. Trong chùa am nếu đào sâu xuống 3 thước thấy có hài cốt thì không nên lập đàn, như đào thấy có ngói đá thì có thể lập đàn, nhưng phải chôn thất bảo ở dưới.
- XXXIV. Nếu nơi nào đào sâu xuống 3 thước thấy có chút vật lạ hoặc chất báu, nên biết đó là cuộc đất bậc thượng. Lập đàn rất tốt.
- XXXV. Đào sâu xuống độ 2 thước, thấy đất sạch sẽ không có vật chi, chỗ ấy lập đàn được. Nhưng đất làm đàn phải lựa cho sạch, hòa với hương bột xây đắp chắc chắn.
- XXXVI. Đất nơi nào sạch mà không có người ở và ngủ nghỉ, có thể lập đàn.
- XXXVII. Vùng đất sạch, chưa từng xây lò bếp và không có gà chó nằm. Có thể lập đàn.
- XXXVIII. Khoảng canh năm để ý xem khí hậu của cuộc đất, nếu thấy có hắc quang, không nên lập đàn. Như có ánh sáng khác phát hiện, lập đàn được.
- XXXIX. Ở trong nhà thế tục chỉ có thể kết giới tụng niệm, không nên lập đàn. Nếu lập đàn đất trái phép thì có sự tổn thương chú sư cùng nhà chủ đều không được lợi ích. Bàn đạo đã nhiều lần thí nghiệm, luôn luôn bị thất bại.
- XL. Nếu muốn cầu cho nhà chủ lành bệnh, chú sư phải y theo như trước mà lựa đất lập đàn, và khi tụng niệm phải gọi tên người bệnh cầu nguyện. Riêng người bệnh phải thường tắm gội sạch sẽ, ở riêng một nơi thanh tịnh, không được vào đàn. Nếu cho người bệnh vào đàn, chú sư và bệnh nhơn đều bị tổn.
- XLI. Nếu được bậc Tỷ Kheo giữ giới lập đàn tụng chú, thì hiệu lực thắng hơn người tục trăm ngàn lần. Chỗ đất nào đã được lập đàn tác pháp rồi, về sau dù có tai kiếp nổi lên, đất ở nơi ấy cũng không bị hoại.
- XLII. Nếu lập thủy đàn, chỉ cần cuộc đất bậc thường, khỏi phải lựa vùng đất thắng thượng.

Trong 42 điều trên đây, nếu các địa mà lập đàn tác pháp thì sở cầu dễ thành tựu. Bằng không chỉ luống công vô ích. (Phạm Thiên Trạch Địa Pháp, Tịnh Nghiêm Đại Sư biên.)

Tra cứu trong Mật Tạng, những vị tu chơn ngôn hạnh, muốn cầu hai sự thành tựu thế gian và xuất thế gian, trước tiên phải phát Bồ Đề tâm, cầu vào hải hội Đại Mạn Đà La của chư Phật. Kế lại phải theo bậc A Xà Lê thọ Bồ Đề Tâm giới, được quán đánh và bả học về nghi quỹ tu hành tam mật. Rồi từ đó giữ giới thanh tịnh

y thời y pháp tu hành, xa lìa vọng duyên, nghiệp thân ngũ ý hăng như thật, hiểu rõ sự tánh tướng, đi sâu vào Du Già Tam Ma Địa khéo thông các phương tiện khai giá. Những bậc như thế mới có thể kiến lập Mạn Đà La để làm lợi ích cho mình và người. Và những vị như vậy, khi cầu tất cả Tất Địa quyết định sẽ được thành tựu. Nếu không đủ các điều kiện như trên mà tháo thứ kiến lập Mạn Đà La thì chẳng làm cho Thiên Thần địa kỳ không yên mà chính mình cũng mang tai họa.

Kinh Tô Bà Hê nói : Nếu hành giả trì tụng chơn ngôn muốn cho mau được thành tựu, nên lập Mạn Đà La ở những nơi chư Phật đã lưu trụ, hoặc trụ xứ của Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn.

Kinh Tô Tất Địa cũng bảo : Nếu muốn cầu Tất Địa thượng phẩm nên trì tụng ở chỗ 8 đại tháp của Như Lai, chỗ Bồ Tát giáng sanh, chỗ Ngài tu khổ hạnh, nơi đỉnh núi cao, danh sơn ở hải đảo, nơi hang núi dựa biển cả, chỗ có hình thể trước tháp Xá Lợi, nơi thanh tịnh có nhiều hoa quả, bên đầm rồng trong rừng vắng, nơi sông suối hoặc ao hồ mát mẻ thanh tịnh, bên bờ đầm rộng, chỗ núi sâu vắng có nhiều thứ cây thơm, nơi gốc đại thọ bóng không dòi dối, nơi có nhiều thánh tích. Những chỗ như thế rất thù thắng. Có thể giúp duyên cho hành giả thành tựu tất địa thượng phẩm.

Ngoài ra những chỗ như sau : Nơi ao sen to rộng, các cù lao ở sông lớn, hang núi vắng, trong vườn hoa quả mát mẻ, chỗ khi xưa chư Bồ Tát đã du hành, nơi có nhiều ao suối thanh tịnh, chỗ không nóng bức hay quá lạnh, chốn sơn lâm không mãnh thú mà nhiều hươu nai, giữa lưng chừng núi có suối nước không người lai vãng, nơi đại già lam thanh vắng xung quanh có rừng cây sông hồ, ở quốc độ phong thanh, nhân dân phần nhiều có lòng từ bi, chốn thành ấp tụ lạc nhiều người tín phụng Phật Giáo, chỗ khi xưa Phật đã từng chuyển pháp luân, nơi am xá thanh tịnh của mình ở. Những chỗ như thế cũng gọi là thù thắng, có thể giúp duyên cho hành giả thành tựu các tất địa kiết tường : Tăng Ích, Túc Tai, Kính Ái, thuộc về bậc trung.

Còn các chỗ như đồng trống, giữa rừng mộ lớn có thần linh ở, đỉnh núi cao nhất ở trong rừng Thi Đà, trước các núi linh có thần Chấp Kim Cang, trong các miếu thờ Thiên Thần ở bên đầm rồng, nơi những động tiên hoặc A Tu La, chỗ gò cao rộng, đầm to, ngã tư đường cái, nơi long động, hoặc vách núi ở bên đại lộ, trên thạch bàn lớn chỗ tháp Phật. Vùng đất đai có nhiều Thánh tích hoặc linh di. Những chỗ như thế có thể giúp duyên cho hành giả thành tựu các Mạn Đà La : Dẹp trừ quỷ mị, làm tổn hại cho kẻ oán địch, hoặc hàng phục loài ác long. (Kiến Lập Mạn Đà La Cập Giản Trạch Địa Pháp).

Tiết 4 : Quả Tướng

Mục A : - Mộng Chứng

Này Tô Bà Hê đồng tử : Khi niệm tụng không nên quá chậm, cũng không nên quá mau, âm thanh vừa nghe không lớn nhỏ, chẳng nên gián đoạn, chớ xen tạp nói chuyện với người, chớ để tâm duyên nơi cảnh khác, với các tự thể chớ cho sai lầm. Vì như nước sông lớn ngày đêm trôi chảy không ngừng nghỉ, người trì tụng tu tất cả công đức như : cúng dường, lễ bái, sám hối, tán thán... Ngày đêm tiếp tục cũng lại như vậy. Nếu hành giả thoát tưởng đến cảnh tạp nhiễm, hoặc khởi niệm giải đãi, ái dục, nên hồi tâm quán văn tự của chơn ngôn, hoặc quán Bản Tôn hay thủ ấn. Ví như người tu Tỳ Bát Xá Na, trụ tâm nơi chót mũi hoặc giữa đôi mày, lần lần tâm được thuần thực, khi đối cảnh không còn loạn động. Đó gọi

là quán hạnh thành tựu. Bạc Du Già hành giả cũng thế, nếu đối với cảnh sở duyên về chơn ngôn tâm không lay động, tức được trì minh thành tựu. Cho nên muốn cầu tất địa, hành giả phải nhiếp tâm nơi một cảnh. Khi tâm đã được điều phục, sự hoan hỷ tự phát sanh, tùy nơi hoan hỷ thân liền nhẹ nhàng, tùy nơi nhẹ nhàng thân được an vui, từ nơi an vui tâm liền được định, tùy nơi được định không còn nghi lự khi niệm tụng, tùy nơi niệm tụng tội liền tiêu diệt, tùy nơi tội tiêu diệt tâm được thanh tịnh, vì tâm thanh tịnh nên thành tựu các pháp chơn ngôn. Cho nên Như Lai nói : “ Tất cả pháp lấy tâm làm gốc.” Do tâm thanh tịnh nên được sự vui thù thắng ở cõi Nhơn Thiên. Do tâm tạp nhiễm mới bị nỗi khổ tam đồ cho đến cảnh gian nan nghèo khó. Nếu tâm thanh tịnh cùng cực, hành giả sẽ xa lìa đất, nước, gió, lửa, sanh già bệnh chết, không chấp hai bên, đi vào cảnh giải thoát vắng lặng. Như tâm được một ít phần thanh tịnh, pháp chơn ngôn cũng dễ thành, hành giả sẽ xa lìa sự vui vô thường biến hoại. Các pháp đều từ tâm sanh, chẳng do thời gian, không phải tự nhiên xuất hiện, không phải do Tự Tại Thiên tạo tác, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng từ nơi ngã mà sanh. Chỉ vì vô minh nên chúng sanh lưu chuyển trong nẻo luân hồi, do tứ đại hoà hợp giả tạo gọi là sắc, sắc chẳng phải ta, ta chẳng phải sắc, sắc chẳng phải của ta, ta chẳng phải của sắc. Do đó suy diễn ra, bốn uẩn kia cũng không. Sắc vẫn vô thường như cụm bọt, thọ như bóng nước, tưởng như hơi nắng, hành như chuỗi cây, thức dường trò huyền. Nhận xét như thế mới là chánh kiến, nếu khác là tà kiến.

Lại nữa Tô Bà Hô đồng tử ! Nếu hành giả trì tụng chơn ngôn đủ số lượng, tự biết mình sắp gần với tất địa. Tại sao thế ? Vì trong giấc mơ, kẻ trì tụng tất thấy một hoặc nhiều hảo tướng như sau : Thấy mình bước lên lầu cao đẹp, đi lên đánh núi cao hoặc leo lên cây to. Thấy mình cỡi ngựa bạch, cỡi cạp bạch lớn, cỡi con tê ngưu, cỡi bạch tượng, cỡi trâu trắng hoặc trâu vàng. Nghe giữa hư không có tiếng sấm lớn, nghe tiếng thuyết pháp. Thấy mình được tiền của, được tràng hoa, được áo ngũ sắc sạch đẹp, được rượu thịt, được các thứ trái cây có nước, được hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, được tôn dung của Như Lai, được Xá Lợi của Phật, được Kinh Điện Đại Thừa, được lạc đà, được trâu nghé, được đầy xe đồ vật, được cây phát trắng, được dép giấy, được gươm đao, được cây quạt làm bằng lông đuôi chim con công, được chuỗi vàng chuỗi ngọc, được châu báu, được gái xinh đẹp đoan chính. Thấy mình ở trong đại hội, được cùng Phật, Bồ Tát, chư Thánh Tăng đồng tòa mà thọ thực. Thấy mình gặp cha mẹ, được những đồ trang sức, được nằm giường ngà có nệm trắng lót phủ. Thấy mình đi qua biển cả, qua sông lớn, qua đầm rộng, qua hồ ao. Thấy mình lấy huyết để tắm gội thân thể. Thấy mình vào chùa, vào tháp, vào tăng phòng. Thấy Như Lai ngồi nơi tòa báu vì hàng Nhơn Thiên Bát Bộ thuyết pháp, mình cũng đồng dự nơi Pháp Hội nghe lời Phật dạy. Hoặc thấy hàng Duyên Giác nói pháp thập nhị nhân duyên, thấy Thánh Tăng nói về 4 quả chứng, thấy Bồ Tát nói pháp lục Ba La Mật, thấy Đại Lực Thiên Vương nói pháp khoái lạc ở cõi trời, thấy Ưu Bà Tắc nói pháp chán lìa thế tục, thấy Ưu Bà Di nói pháp chán lìa nữ nhon. Hoặc thấy quốc vương, thấy chúng A Tu La đại lực, thấy Bà La Môn đại tịnh hạnh, thấy bậc trượng phu anh tuấn, thấy hàng phu nhon đoan chánh, thấy bậc trưởng giả chánh trực, giàu sang, hiền lành.

Trong giấc mộng, hành giả hoặc thấy mình cùng quyến thuộc tụ hội một chỗ, thấy khổ hạnh tiên nhon, thấy các trì-minh tiên nhon, thấy người trì tụng nhiệm màu, thấy nuốt mặt trời, mặt trăng, thấy mình nằm trên biển cả, chúng sanh

ở biển trôi vào trong bụng hoặc thấy mình uống nước bốn biển đại châu, thấy mình cưỡi con rồng phun nước tươi nhuận khắp bốn châu lớn, thấy mình bay lên hư không, thấy mình ngồi ở núi Tu Di, Long Vương bốn châu đều đến đánh lễ. Hoặc thấy mình sa hầm phân, thấy mình uống tinh của người, thấy mình ăn uống máu thịt của người, thấy mình vào trong đám lửa lớn, thấy người nữ ẩn nơi thân mình.

Này Tô Bà Hồ đồng tử ! Khi người trì chơn ngôn công hạnh sắp thành tựu, tất thấy những điềm mộng thù thắng như thế. Lúc thấy như thế rồi, nên biết thời gian nửa tháng hoặc một tháng sắp tới, hành giả sẽ được đại tất địa.

Nếu luận về mộng, tướng của người trì tụng chơn ngôn thì thật không kể xiết, Ta chỉ lược thuật thế thôi. Như hành giả tinh tấn không lui sụt, quyết định sẽ thấy cảnh giới thượng thượng. (Kinh Tô Bà Hồ Đồng Tử Thịnh Vãn).

Mục B : - Công Đức Tu Trì

Lại nữa, Kim Cang Thủ Bồ Tát ! Đại Cháp Kim Cang chơn ngôn đây là phần Tam Ma Địa thuộc Căn Bản Trí của Diệu Kiết Tường Bồ Tát và Trí Thân, trí đánh thuan nhất không hai, danh nghĩa bí mật tối thượng tối thắng của tất cả Như Lai. Đây là môn Đại Ma Ni Bảo Kế Trang Nghiêm là pháp không chi hơn trong tất cả giáo pháp. Nếu có bậc chân ngôn hành giả nào ưa thích tu tập chơn ngôn đây, phải lựa chỗ đất lành tốt, tùy thời tùy sức lập Mạn Đà La, an bố Thánh Tượng Tỳ Lô Giá Na Như Lai và tùy phần cúng dường. Kế đó một lòng quán tưởng, buộc niệm chuyên chú nơi Thánh Tượng lia các sự tán loạn, rồi mới dùng nghiệp chánh ngữ mỗi ngày 3 thời thọ trì đọc tụng ghi nhớ suy nghĩ bí mật minh chú. Đang lúc trì tụng, tâm ngữ đều ứng hợp với chú văn chớ cho tạp loạn, khởi lòng tin hiểu, tác ý chân thật. Với hành môn bí mật này, nếu tu tập tinh thuan rồi, tất cả sở cầu đều được như ý, thông hiểu nghĩa mầu tối thượng của các pháp, chứng Vô Ngại Tuệ không còn phân biệt, lòng tin đầy đủ, có thể biết rõ việc ba đời của người khác. Hành giả lại được chư Phật Bồ Tát hiện thân tới trước, khai thị về đạo lý xuất sanh tất cả pháp môn và có thể soi biết tự tánh của ngã pháp. Dù Già hành non khi đã được như thế rồi, có thể biến hoá các tướng, như hiện ra thân Cháp Kim Cang Đại Phần Nộ Vương hay điều phục tất cả loài khó điều phục, hoặc hiện các sắc thân có đại quang minh để cứu độ thế gian, làm lợi ích lớn. Hành non lại có thể thành tựu tất cả minh chú, ấn tướng, tam muội, cùng pháp Mạn Đà La, trở thành bậc Đại Chú Minh Vương tối thắng. Tất cả thần Tán Na Dạ Ca hung mãnh, cho đến ma và ma tộc, ngày đêm thường theo ủng hộ hành giả ở tất cả chỗ mà không hiện thân, không cho các loài ác rình rập chờ dịp thuận tiện để làm hại. Người trì chú thường kiến lập nghiệp thân ngữ ý trụ nơi chánh pháp, được tất cả chư Phật Bồ Tát xót thương, nhiếp thọ, được tài biện luận không sợ hãi đối với tất cả pháp, và hay quán soi tự tánh vô ngã. Tất cả Phạm Vương Đế Thích cùng chư Thiên ở thế giới này, cho đến Hộ Thế Chư Thiên ở mười phương ngày đêm cũng thường hộ vệ, khiến cho hành giả khi đi, đứng, nằm, ngồi thường được yên ổn. (Kinh Phật Thuyết Tối Thắng Diệu Kiết Tường Căn Bản Trí Tối Thượng Bí Mật Nhất Thế Danh Nghĩa Tam Ma Địa Phần.)

Mục C : - Phụ Lục Về Chú Chuẩn Đề

Như thế tôi nghe, một thời Đức Bạc Già Phạm ở nơi Thệ Da Lâm vườn Cấp Cô Độc, tại thành lớn danh xưng. Xung quanh Ngài có chư Bồ Tát, các đại Tỳ Kheo và Thiên Long Bát Bộ trước sau vi nhiễu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dùng tuệ nhãn quán sát nghĩ thương chúng sanh đời vị lai nghiệp phước mỏng, liền vào Chuẩn Đề Tam Ma Địa nói ra môn Đà Ra Ni bảy trăm ức chư Phật đời quá khứ đã nói như sau :

**Na Mô Tát Đa Năm, Sam Miệu Sam Bụt Đà, Cu Đê Năm, Đát
Đã Tha, Úm, Chiết Lệ Chủ Lệ Chuẩn Đề Xoá Ha.**

Nếu có hàng Bi Sư, Bi Sư Ni, thiện nam tín nữ nào, tụng trì Đà Ra Ni này đủ chín mươi muôn biến thì những tội tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác đã tạo từ vô lượng kiếp đến đời hiện tại và vị lai thầy đều tiêu diệt. Về sau này tùy theo chỗ sanh, kẻ ấy thường gặp chư Phật Bồ Tát, giàu có sang trọng, tài bảo vật dụng hằng đầy đủ. Như kẻ đó tại gia thì tu tập giới hạnh bền chắc không lui sụt, thường được sanh lên cõi trời hoặc làm bậc quyền quý ở nhân gian, dung nghi đoan chánh, lời nói oai nghiêm, tâm không ưu não, được chư Thiên yêu kính hộ trì, việc làm thành tựu, khỏi các tai nạn và vĩnh viễn không đọa ác đạo. Nếu xuất gia, tất giữ tròn cấm giới, cầu những đất địa đều được thành tựu, định huệ hiện tiền, tu tập viên mãn Ba La Mật, mau chứng lên quả Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề.

Khi tụng chú này mãn mười muôn biến (số muôn của Ấn Độ khi xưa có 3 bậc : 10.000, 100.000, 1.000.000) trong giấc mơ hành giả sẽ thấy chư Phật Bồ Tát hiện thân. Như tội nặng chưa được thấy nên tụng thêm mười muôn biến nữa, tất trong mộng sẽ thấy mình mưa ra vật đen. Hoặc thấy lầu các của chư Thiên, thấy lên núi cao, leo lên cây, tắm trong ao lớn. Hoặc thấy mình bay lên hư không tự tại, chơi đùa với các Thiên nữ, nghe chư Thánh thuyết pháp. Hoặc nhổ tóc, cạo tóc, ăn cơm đề hồ, uống bạch cam lộ, hoặc thấy vượt qua sông to biển lớn, lên ngôi tòa sư tử. Hoặc thấy cây Bồ Đề, thấy cối thuyền, thấy Sa Môn, thấy cư sĩ lấy áo vàng hay áo trắng phủ lên đầu. Hoặc thấy mặt trời, mặt trăng, đồng nam, đồng nữ, leo lên cây trái sữa. Hoặc thấy người đen đúa cao lớn miệng phun ra lửa, mình đánh với họ được thắng. Hoặc thấy ngựa dữ trâu nước đến muốn cụng húc, mình đánh hoặc nạt, nó hoảng sợ bỏ chạy đi. Hoặc thấy mình ăn cháo sữa, thấy quốc vương, thấy hoa trắng có mùi thơm.

Khi thấy những tướng như thế, nên biết tội chướng của hành giả đã tiêu diệt. Nếu tụng đến 2 muôn biến mà không thấy các tướng như trên, tất người ấy đời trước có tạo ngũ vô gián, phải chí tâm tụng thêm 70 muôn biến nữa, quyết định sẽ được thấy. (Kinh Phật Thuyết Thất Câu Đề Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà Ra Ni.) (So theo 2 bản dịch của Ngài Kim Cang Trí và Ngài Bất Không).

Sau khi hành giả tụng Đà Ra Ni này mãn 90 muôn biến rồi, muốn tác pháp cầu nguyện việc chi, phải giữ thân ngữ ý cho thanh tịnh, tự sẽ thấy hiệu nghiệm. Về thân chẳng hạn như phải giữ chắc 4 giới : sát, dâm, đạo, tửu, phải thường tắm gội thay đổi y phục sạch sẽ và giữ trang nghiêm 4 oai nghi. Cũng không ăn được ngũ tân, thịt các loại vật lạ, các thứ hôi dơ, các thức ăn màu đen. Không được ăn những đồ đã cúng dường chư Phật Bồ Tát. Khi đi đại tiểu xong, phải tẩy tịnh sạch sẽ. Không được lấy tay chà vào răng, dùng ngón tay khơi bợn răng. Phải súc miệng trước khi trì chú. Không được để móng tay dơ. Không được vào nơi chỗ sản phụ, chỗ có mùi hôi thây chết. Nếu vào nhà xí, chỗ có nhiều mùi hôi, y phục bị vuran ứ khí, muốn trì chú, phải tắm rửa thay y phục khác. Không được ngồi ở giường Phật, giường Pháp, giường bậc Tăng trưởng thượng Đại Đức. Về ngữ, phải giữ bốn vọng ngữ, không được nói lời hý hước vô ích, hay khen mình, phan phui chê bai việc xấu của người, không được phê trương cảnh giới thắng diệu của

mình, trừ xa khi hỏi han để cầu quyết trạch nơi bậc thiện tri thức. Về ý, phải lìa những niệm dâm, nộ, si, khi ác niệm khởi lên liền niệm Phật hay chơn ngôn để trừ diệt, nếu giữ thân ngữ ý được trong sạch, khi tri tụng chơn ngôn sở cầu mới thành tựu.

1. Nếu muốn biết những sở nguyện về sau được thành tựu hay không, hành giả lập đàn ở nơi tịnh thất, lấy một chiếc bình hay cái chén sạch, đốt hương xông khử trừ, rồi đựng đầy nước thơm hoặc nước trong để trước Thánh Tượng. Hành giả quỳ hướng về phương Đông, tụng Chuân Đề chơn ngôn 1.080 biến. Nếu thấy bình hay chén chuyển động xoay về bốn mặt thì sở nguyện đắc thành. Như vẫn vẫn nằm yên không chuyển động hoặc xoay chuyển về phía trái, tất sở nguyện không thành tựu.
2. Nếu biết việc tốt xấu ở vị lai, có 3 phương pháp :
 - a. Lập đàn thanh tịnh, tìm đũa đồng tử có tướng phước đức, tắm gội thay y phục mới sạch sẽ cho nó. Kế đó lấy hương thơm gia trì chơn ngôn 7 biến thoa vào đôi tay đồng tử, lại gia trì 7 biến chơn ngôn trong hoa để vào tay nó. Rồi bảo nó lấy 2 tay bịt mắt lại. Xong hành giả cầm một cành hoa khác, tụng chú 108 biến, cứ mỗi biến đập cành hoa vào lưng đồng tử một cái. Khi tụng đủ số, đồng tử bỗng phát lên cười múa, hỏi việc kiết hung nó liền nói hết (Pháp này làm cho đồng tử diệt tội sanh phước, không đồng với cảnh ma ám nhập của tà chú).
 - b. An trí một tấm gương tròn lớn trong đàn rồi tụng 108 biến chơn ngôn gia trì vào cành hoa. Kế lại cầm cành hoa tụng chú, cứ xong mỗi biến đập hoa vào mặt gương một cái. Mãn 108 biến, nơi mặt gương liền hiện chữ nói rõ việc tốt xấu.
 - c. Gia trì 108 biến chơn ngôn và dầu thơm (hoặc châu sa), rồi lấy dầu thoa nơi móng tay cái bên mặt của mình. Xong, bảo đồng tử để ý xem móng tay, dặn nó nếu thấy việc gì lạ hãy nói lên, riêng phần hành giả cứ ngồi tụng chơn ngôn không cho đoạn tuyệt. Trong móng tay sẽ hiện lên hình tượng Phật Bồ Tát, nếu hành giả có việc nghi muốn thỉnh vấn, liền có chữ hoặc hình tượng hiện lên để trả lời.
3. Nếu người nào bị ma quỷ ám nhập làm bệnh, chú sư có thể dùng 3 cách để trị :
 - a. Tụng 108 biến chơn ngôn gia trì vào cành dương liễu hoặc cành thạch lựu, cành đào hay cọng tranh. Kế tiếp, vừa tụng chú vừa vừa lấy cành ấy đánh vào bệnh nhơn, ma quỷ sẽ xuất.
 - b. Tụng 108 biến chơn ngôn gia trì vào hạt cải trắng, xong cứ tụng mỗi biến chú, liêng một hạt vào mình bệnh nhơn, mãn 21 biến loài ác ma sẽ trốn chạy.
 - c. Gia trì 108 biến chơn ngôn vào chỉ ngũ sắc, rồi nhờ một đũa đồng nữ se lại theo chiều bên mặt. Kế đó, tụng 21 biến chú gút lại thành 21 gút. Dùng sợi chỉ này đeo vào cổ bệnh nhơn, ma quỷ liền xuất, không còn dám xâm nhập. Phương pháp này cũng áp dụng cho trẻ em khóc đêm.

4. Nếu có người bị bệnh nặng, muốn cứu trị, chú sư mặc đồ trắng, thức cúng đều dùng sắc trắng, rồi kiết giới, lấy sữa làm phép Hộ Ma, tụng 1080 biến đều kêu gọi tên họ người bệnh khẩn nguyện. Bệnh nhơn sẽ được lần lần bình phục, cho đến khi an lành.
5. Nếu kẻ nào bị cảnh gông tù xiềng xích hay đi qua chỗ nguy hiểm, nhiều giặc cướp, rắn độc thú dữ, chỗ có ác quỷ, nơi sông biển nhiều sóng gió, thủy quái, thường chí tâm tụng chú này tất được giải thoát bình yên.
6. Nếu muốn cầu tiêu trừ tai nạn, cầu y phục, thức ăn, vật dụng thặng kiện, thăng quan chức, thi đậu, được chuyển nơi khác, cầu được chồng hay vợ hiền lương đoan chánh, cầu sanh con trai con gái, vợ chồng bất hòa ghét xa nhau, cầu được hòa thuận thương yêu, cho đến có kẻ ác thù oán sắp làm hại muốn cho họ trở nên yêu kính và thuận phục, hành giả chỉ cần y theo pháp thức : Tứ Tai, Tăng Ích, Kính Ái, Hàng Phục và trì tụng, tất sẽ được như ý.
7. Nếu thân mình mỗi mê đau nhức, hoặc bị các chứng đầu thống, hay bệnh rét, phúc thống, tụng chơn ngôn này vào tay 21 biến rồi xoa bóp, sẽ được an lành.
8. Nếu đi khát thực thường trì tụng Đà Ra Ni này, thì không bị người ác hay chó dữ xâm phạm, khát thực cũng dễ được.
9. Nếu muốn cầu thông minh, nên dùng vị thuốc Thạch Xương Bồ và Ngưu Hoàng mỗi thứ đều nửa lượng tán mịn hòa với sữa bột, đựng trong chén sạch để trước Thánh Tượng trong Mạn Đà La. Kế chí tâm tụng chơn ngôn này 5000 biến rồi lấy thuốc đó uống, sẽ được thông minh.
10. Nếu lên đánh núi cao tụng chơn ngôn này một trăm ức biến, hành giả sẽ được Kim Cang Thủ Bồ Tát đưa vào cung A Tổ Lạc hưởng sự vui vẻ, thọ mạng lâu đến một kiếp. Và tương lai sẽ được thấy Từ Thị Như Lai, nghe pháp đắc quả, không thối chuyển nơi đạo tràng Bồ Đề.

Tóm lại, những chúng sanh bạc phước, thiếu căn lành, không có phần Bồ Đề, nếu tụng Đà Ra Ni này một biến, mầm Bồ Đề liền phát sanh, huông chi thường trì tụng không thối bỏ, tất xa lìa trần cấu, công đức không thể hạn lượng. (Chú Chuẩn Đề gọi là Như Ý Bảo Châu, công lực đồng với Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, nếu muốn cầu sự gì cũng được. Lược trích quyển niệm tụng Kiết Hộ Pháp Phổ Thông Chư Bộ và Kinh Phật Thuyết Thất Câu Đề Phật Mẫu Đại Chuẩn Đề Đại Minh Đà Ra Ni.)

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Chú Ấn Chuẩn Đề tổng nhiếp 25 bộ chú ấn Đại Mạn Đà La.

Muốn biết kiết ấn này phải xoa 2 ngón vô danh và 2 ngón út vào bên trong hũu áp lên tả, 2 ngón giữa dựng đứng vịn vào nhau, 2 ngón trỏ vịn nương vào lóng chót 2 ngón giữa, 2 ngón cái bám vào lóng giữa 2 ngón vô danh là ấn thành, khi có triệu thỉnh, buông 2 ngón trỏ ra, đưa lui tới.

Đức Thế Tôn bảo : Chú và Ấn này trừ diệt tội ngũ nghịch thập ác cùng tất cả tội nặng, thành tựu tất cả công đức trang nghiêm trong lành, khiến cho đầy đủ giới hạnh thanh khiết, mau chóng quả Bồ Đề. Pháp này chẳng lựa người xuất gia, tại gia cùng cảnh đơ sạch. Nếu người tại gia có vợ có chồng con cái, ăn thịt uống rượu, chỉ y theo pháp của Ta mà trì tụng, quyết định sẽ thành tựu, trong đây có 3 pháp : Đàn Pháp, Bồ Tụ Pháp, và Khế Ấn Pháp.

Đàn Pháp

Đức Phật nói tiếp : Nếu muốn cho sở cầu được thành tựu, khi trì chân ngôn này hành giả phải làm Đàn Pháp. Pháp này không đồng với các bộ khác như đào đất lập đàn dùng hương bột hòa với bùn thoa lên trên, hoặc cúng dường nhiều cách mà chỉ lấy 1 mặt gương mới sạch chưa từng dùng để làm Đàn, gọi là Cảnh Đàn. Muốn dùng cảnh đàn, trước tiên hành giả chọn đêm rằm, đem mặt gương để trước Thánh Tượng, đốt An Túc Hương và dâng tịnh thủy, còn các thứ khác tùy sức mà cúng dường. Sau khi lễ Phật, hành giả lắng nghe tâm dẹp trừ vọng tưởng rồi kiết ấn để ngang ngực tụng chú gia trì vào gương 108 biến. Xong, để gương vào đây, mỗi khi trì tụng lại lấy ra để trước mặt, kiết ấn tụng chú này, khi đi đâu xa phải đem gương theo, và đừng cho người khác thấy gương này. Nếu cảnh đàn mà trì tụng thì sở cầu tất được thành tựu.

Trì tụng chân ngôn này, có thể khiến cho chúng sanh đoản mạng được tăng thọ, bệnh ca-ma-la còn phải tiêu trừ huống chi là các bệnh khác, nếu người bệnh chẳng được an lành quyết không có lẽ ấy. Kẻ nào giữ tâm thanh tịnh, tụng chú này từ 20 muôn, 40 muôn cho đến 60 muôn biến, cầu các pháp thế gian hoặc xuất thế gian, tất được toại nguyện. Người tại gia nếu mỗi buổi sáng sớm, khi chưa dùng đồ huân huyết, rửa mặt súc miệng sạch, hướng về phương Đông đối trước gương kiết ấn tụng chú 108 biến như thế liên tiếp 49 ngày, sẽ có biến tướng tốt hay xấu hiện ra. Từ đó về sau Chuẩn Đề Bồ Tát sai 2 vị Thánh Giả thường theo ủng hộ kẻ ấy, khi hành giả có việc chi thắc mắc thì nghe bên tai có tiếng an ủi hay giải thích rõ ràng. Nếu hành giả có chuyện trở ngại, nên gia trì chân ngôn vào nước 21 biến, rồi đem rửa mặt, rưới nơi thân, tâm khởi niệm hoan hỷ, khiến cho kẻ trên dưới lúc thấy mặt tự nhiên sanh lòng vui mừng yêu kính

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt


như cha mẹ thương con, muốn nhờ việc gì cũng cố giúp cho thành tựu. Chúng sanh nào yếu số nhiều bệnh, vào ngày rằm đốt an tức hương này, tụng chân ngôn này mãn 1.000 biến sẽ được tăng thọ. Nếu có loài hồ ly ma quỷ theo ám hại, chúng liền bị cuồng loạn thất tâm, đều hiện ra trong gương, bảo giết nó liền ngã ra chết, bảo tha nó được thoát đi, không còn dám trở lại nữa. Kẻ nào không phước tướng, nghèo khổ trôi nổi bơ vơ, nếu thường chú tâm tụng chú này, sẽ được phước báu trong đời hiện tại. Người thường trì tụng chân ngôn này khi sắp muốn làm việc chi, trước nên khởi tâm nghĩ tưởng đến Chuẩn Đề Thánh Giả, rồi ngồi ngay chuyên nhất niệm chú 7 biến, một lát sau nếu cảm thấy thân mình dao động thì biết việc làm thành tựu hoặc tốt, như thân mình cứng đờ ngã nghiêng trước sau, tất việc sẽ thất bại hoặc có tai nạn. Như muốn vờn quỷ thần để hỏi việc, nên ở chỗ thanh tịnh kiết ấn, 2 ngón trở đưa tới lui cao tiếng tụng chú 21 biến, chư Thần sẽ đến, tùy ý mà hỏi han, hoặc nhờ cây, nếu muốn biết sự tu chân ngôn này thành hay không thành, nên y pháp trì tụng đủ 7 ngày, như trong giấc mộng thấy Phật, Bồ Tát và hoa quả, mình nhả ra vật đen rồi ăn vật trắng vào, tức biết được thành tựu.


Đức Thế Tôn lại bảo : Thế lực của Đà Ra Ni này rất lớn, có thể dời non lấp biển, khi chú nguyện vào cây khô còn sanh hoa quả hưởng chi là cầu những phước báu thế gian, người thường trì tụng chú này nước, lửa, đao, binh, oan gia, thuốc độc đều không thể làm hại. Nếu biết trong lòng đất cỏ bả vật, kiết ấn niệm chú, kho báu tự nổi vọt lên tự ý lấy mà dùng. Khi gặp giặc cướp thú dữ đón ngăn, kiết ấn tụng chú chỉ ra, đối phương đều thối lui tan rã, nếu có người bị quỷ thần vật chết, hành giả kiết ấn tụng chú 7 biến, đem ấn in ngay chỗ tim, người chết liền sống lại, nếu nhà cửa không yên, bị quỷ thần khuấy rối, lấy cái chén mới đựng nước sạch tụng chú rồi rải nước 4 bên, lại gia trì chú vào 4 viên gạch hoặc đất để trấn trên 4 góc nhà, quỷ mị liền tuyệt tích, như kẻ nào không ai thương tưởng, không hòa hợp với lục thân, y pháp trì tụng chân ngôn này, mọi người khi nghe tên thấy mặt đều sanh lòng hoan hỷ, tất cả sự mong cầu đều được toại ý, nếu lại trì trai giữ giới, một lòng thanh tịnh y pháp trì tụng ngay nơi nhục thân này, tất chứng được phần Bồ Đề, khi lâm chung tùy nguyện vãng sanh về 10 phương Tịnh Độ, như có người muốn cầu pháp trường sanh nên ở trong núi sâu, nơi chùa tháp, hoặc chỗ tịnh xá của mình, đối trước cảnh đàn tụng chân ngôn này từ 20 muôn cho đến 60 muôn biến, lấy hoa sen xanh hòa với an tức hương xông đốt, trong giấc mộng sẽ tiên phong truyền cho tiên phương hoặc cho uống thuốc tiên, hay thấy nơi cảnh đàn pháp ánh sáng ngũ sắc, trong ánh sáng có thuốc tiên tùy ý lấy mà dùng, từ đó được trường sanh.


Tóm lại ấn và chú này khi có cấp nạn, chỉ vào lửa lửa tắt, chỉ vào nước sóng gió lặng dưng, công lực nói không thể kể xiết. Nhưng nên nhớ dưng cho người khác thấy cảnh đàn, để cho thấy tất có sự không tốt và mất phần hiệu lực. Hiệu quả của pháp này nói không cùng, hành giả chí tâm tu trì tự sẽ chứng biết.


Bổ Tự Pháp

Đức Thế Tôn bảo : Kế đây Ta lại nói về phương pháp Bổ Tự của Bản Tôn Đà Ra Ni. Khi bổ tự hành giả phải quán từ đầu đến chân, mỗi chữ chân ngôn lần nét đều phân minh, tuôn ra ánh sáng soi chiếu 4 loài hữu tình trong 6 nẻo luân hồi, rồi khởi lòng thương xót bố thí cho sự an vui. Trước tiên hành giả kiết bổ tự ấn, hay tay xoa vào trong, 2 ngón cái, 2 ngón trỏ, 2 ngón út hiệp nhau, ấn liền thành.


Tiếp theo tướng chữ **ÚM**  sáng rõ an nơi trí nơi đảnh, dùng ngón cái chỉ đụng trên đầu.

Tướng nơi 2 trong con mắt mỗi bên đều có chữ **CHIẾT**  dùng ngón cái chỉ đụng 2 mắt hữu và tả.

Tướng chữ **LỆ**  hiện rõ nơi cổ, dùng ngón cái chỉ đụng vào cổ.


Tướng chữ **CHỦ**  hiện nơi tâm, dùng ngón cái chỉ đụng và chỗ tim.

Tướng ở 2 vai mỗi bên đều có chữ **LỆ**  dùng ngón cái chỉ đụng vai tả và hữu.

Tướng chữ **CHUẨN**  hiện ngay nơi rún, dùng ngón cái chỉ đụng vào rún.

Tướng ở 2 bên hông mỗi bên đều có chữ **ĐỀ**  dùng ngón út chỉ đụng vào hông mặt và trái.

Tướng 2 bên bắp đùi mỗi bên đều có chữ **XÓA**  dùng ngón út chỉ đụng vào vé mặt và vé trái.

Tường ở 2 bàn chân mỗi bàn chân đều có chữ HA  dùng ngón út chỉ vào bàn chân hữu và tả.

Do bố 9 chữ chân ngôn và kiết ấn gia trì, nên thân hành giả liền thành thân Chuẩn Đề Phật Mẫu, tất cả tội chướng đều bị trừ diệt, vô lượng phước đức đẹp lành đều tụ tập. Thân của hành giả thành thể kim cương bất hoại, 8 vị Đại Bồ Tát thường gia bị, khi đương nhơn làm các pháp tức tai, tăng ích, kính ái, hàng phục liền được thành tựu. Nếu hành giả thường chuyên chú nơi quán hạnh này thì các tất địa đều được hiện tiền, mau thành tựu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác .

Khế Ấn Pháp

Đức Phật nói tiếp : Trước Ta đã nói tổng ấn của chân ngôn, tổng ấn đó gồm 25 bộ ấn. Nay Ta lại nói biệt ấn và các ấn khác.

Muốn biết Chuẩn Đề Biệt Ấn, hành giả co ngón trở, ngón vô danh, ngón út của tay trái lại, dùng ngón tay trái nắm đầu móng ba ngón ấy, bên mặt cũng làm y như vậy, rồi hiệp hai tay lại 2 ngón giữa vịn nhau là ấn thành, hành giả có thể kiết ấn này khi tụng chú. Muốn kiết giới hành giả có thể tụng Chuẩn Đề Đà Ra Ni, bắt ấn kiết giới, xoay qua bên hữu ba vòng tưởng phạm vi của giới, hoặc vừa tụng chân ngôn vừa đem ấn in nơi bốn góc trụ xung quanh của giới tràng, liền thành vòng giới kiên cố. Hành giả xoa hai ngón giữa, 2 ngón vô danh vào trong, hữu áp lên tả, 2 ngón trở nương vịn nhau, 2 ngón út dang ra dựng thẳng lên, 2 ngón cái bấm vào lóng giữa 2 ngón trở là ấn thành Kiết Giới Ấn.

Muốn hộ thân, vẫn tụng chú này và kiết Hộ Thân Ấn. Hành giả xoa 2 ngón trở, giữa ra ngoài, 2 ngón cái cùng nắm vào lóng giữa ngón trở, các ngón kia dựng thẳng và hiệp nhau là ấn thành. Đem ấn này theo thứ tự in vào vai trái, vai mặt, nơi tâm, nơi mé tóc, giữa đôi mày thì các ma không dám xâm phạm. Nếu gặp giặc, hành giả tụng chú và đội ấn hộ thân trên đỉnh, tất thoát khỏi tai nạn.

Muốn trị bệnh, hành giả xoa 2 ngón trở, 2 ngón giữa vào trong, 2 ngón vô danh, 2 ngón út dựng thẳng hiệp nhau, 2 ngón cái cùng bấm vào ngón giữa ngón trở. Đây là Trị Bệnh Ấn. Nếu tụng chú dùng ấn này in vào người bệnh thì bệnh nhân sẽ được an lành.

Muốn triệu thỉnh, hành giả kiết Tổng Ấn ở trước, rồi buông lơi hai ngón trở đưa tới lui, tụng chân ngôn 7 biến. Dùng tổng ấn in nơi mé tóc, giữa đôi mày, nơi cổ, hai bắp đùi rồi đem ấn để ngay tâm tụng 108 biến, có thể tiêu trừ tội chướng, sanh trưởng công đức lành.

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Muốn phá ma quỷ loài rồng độc, hành giả hai tay kiết ấn Kim Cang Quyền đánh ra, vừa dùng tiếng oai nghiêm tụng chân ngôn này các loài ấy đều bỏ chạy. (Thất Câu Đề Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn Đề Đà Ra Ni Độc Bộ Pháp.)

Tương truyền Kinh Phật Thuyết Thất Câu Đề Phật Mẫu Chuẩn Đề Đại Minh Đà Ra Ni là cụ bản, còn quyển Độc Bộ Pháp đây là lược bản. Thuở xưa có vị luật sư thấy trong lược bản nói chẳng hạn người xuất gia, tại gia, bậc giữ giới thanh tịnh hay kẻ có gia đình ăn thịt uống rượu, cho đến cảnh dơ cảnh sạch đều có thể thọ trì Đà Ra Ni này, thì cho là ngụy văn nên gạt bỏ đi. Đến sau các vị Sa Môn như Lượng Hùng, Tuệ Lượng cũng chỉ ấn hành cụ bản.

Nhưng theo ý bản đạo, quyển Độc Bộ Pháp nguyên của Ngài Thiện Vô Úy phiên dịch ra vào đời nhà Đường. Ngài là 1 bậc Tam Tạng Pháp Sư tinh thông về Mật Giáo đâu có thể sai lầm. Do đó, bản đạo thỉnh hội chư Đại Đức ở Thanh Hòa Viện miền lạc Bắc, Trí Tích Viện Miền lạc Tây cùng Ái Nhiêm Viện tại Dương Sơn, đem cả lược bản và cụ bản tàng trữ nơi chùa Diên Mạng ở Hà Châu ra giáo dịch lại. Sau rốt, tất cả đều đồng ý cho ấn hành cả hai bản. Lúc bấy giờ nhằm tháng Trung Thu, năm Tân Dậu niên hiệu Huồng Hoà cải nguyên thuộc đương triều.

Tổng Trì Viện, Sa Môn Thích Khoái Đạo Cận Chí.

Mục D. - Phụ Lục Các Chân Ngôn Thiết Yếu :

1. Uế Tích Kim Cang Cấp Bách Biến Thần Chú

Bấy giờ Uế Tích Kim Cang bảo : Nếu chúng sanh nào bị các Thiên Ma hung mãnh hoặc tất cả ngoại đạo làm não loạn, chỉ tụng chú của Ta 10 muôn biến, Ta sẽ hiện thân, khiến cho các hữu tình tùy ý mong cầu đều được mãn nguyện, lia sự nghèo khổ, thường được an vui. Trước khi tụng chân ngôn này, hành giả nên xưng niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và phát nguyện đem chân ngôn cứu độ quần sanh, làm cho Chánh Pháp trụ lâu nơi cõi đời. Liền có Kim Cang Thần thuyết môn Đại Viên Mãn Uế Tích Đà Ra Ni rằng :

Úm, Bút Quát Hốt Lốt Ma Ha Bá Ra, Ngân Na Ngái Vãn Phấn Vãn, He Ma Ni Vĩ Thiệt Vĩ, Ma Na Thê, Úm, Chước Cấp Na, Ô Thâm Mộ Hốt Lốt, Hùm Hùm Phấn Phấn Phấn Phấn Phấn, Xoá Ha.

(Đây là y theo cổ bản, tân bản bớt hết 10 chữ. Đời Đường, triều vua Thái Tôn nhiều người trì tụng có ứng nghiệm, trị bệnh cực kỳ linh hiệu. Về sự linh ứng thần tốc không chi hơn chú này.)

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Nếu chúng sanh nào trì tụng chân ngôn đây, Ta sẽ sai sứ giả đến ủng hộ, khiến cho sở cầu được như ý. Với oai lực của thần chú này tất cả quỷ thần hung mãnh đều không dám xâm phạm. Nếu có thiện nam thiện nữ nào muốn cứu trị muôn bệnh, thì tụng Đà Ra Ni này mãn 40 muôn biến, khi điều trị bệnh nhân liền được an lành. Không luận hoàn cảnh sạch hay dơ, hành giả tùy ý sai khiến, Ta sẽ thuận theo mà làm cho thành mãn tất cả tâm nguyện.

Nếu muốn cho loài dã thú quy phục, hành giả lấy an tức hương đốt lên, rồi hướng về chỗ loài thú ở tụng chú này 1.000 biến. Đêm lại, chúng sẽ đến quỳ mọp trước cửa thuận phục như thú nhà, tùy ý sai khiến, nó vĩnh viễn không bỏ đi. Nếu muốn cho loài chó dữ trở nên hiền lành, gia trì 7 biến chú này vào nắm cơm rồi liệng cho ăn, khi thấy người nhất định nó không dám hung hăng cắn xé. Nếu muốn cho kẻ ác đến hàng phục, hành giả viết tên họ của kẻ đó vào giấy rồi để xuống đất lấy chân đạp lên, tụng chân ngôn 100 biến tâm tưởng niệm người kia thì họ sẽ đến chinh phục và bỏ lòng oán ghét.

Nếu có hai người hiềm khích nhau, muốn cho họ thuận thảo nhau, nên viết danh tánh hai kẻ ấy đạp dưới chân rồi tụng chú này 108 biến thì họ sẽ thương kính nhau không rời bỏ. Nếu người không an vui, muốn cho họ được an vui, hành giả đạp tên họ kẻ ấy dưới chân, tụng chú 300 biến vì người kia phát nguyện, khi ấy Ta sẽ gia bị cho hành giả biện tài không trệ làm cho kẻ kia an vui. Nếu người trì chú muốn cầu các thứ vật dụng, châu báu, chí tâm tụng chú này theo hạn số đã định, Ta sẽ làm cho đương nhơn được mãn nguyện.

Chân ngôn này oai lực rất lớn, có thể làm cho sơn băng, hải kiệt, cây khô sanh hoa. Nếu muốn trì tụng thần chú của Ta, hành giả nên lấy gỗ đẽo thành hình chiếc chày Kim Cang rồi để chiếc chày giữa đàn, tùy sức sấm hương hoa cúng dường, tụng chân ngôn 108 biến. Khi ấy chiếc chày tự nhắc lên khỏi mặt đất từ 2, 3 thước cho đến 1 trượng, và biến hiện các tướng quái lạ. Hành giả chớ nên sợ hãi, phải chí tâm quy y sám hối phát nguyện. Bấy giờ Ta sẽ từ trong chày hiện ra chân thân, làm thành mãn tất cả sở nguyện của hành nhơn, thọ ký cho quả Bồ Đề, khiến người trì chú thân tâm được giải thoát. Nhưng muốn tác pháp cầu nguyện điều gì, trước phải tụng chân ngôn này mãn 10 muôn biến, nếu chẳng thế tất không có hiệu nghiệm. Như tụng đủ số rồi mà về sau tác pháp không hiệu nghiệm quyết chẳng khi nào có việc đó.

Uế Tích Kim Cang lại bảo tiếp : Nếu pháp này lưu hành nơi nào, Ta và quyến thuộc sẽ ủng hộ hành nhơn giúp cho sự tác pháp được thành tựu. Nếu có chúng sanh tu theo pháp môn

này Ta sẽ hiện thân đến trước kẻ ấy, tùy theo sở nguyện mà giúp đỡ, khiến cho việc làm của hành giả không bị chướng ngại và gia bị cho đương nhơn được các phép thần thông biến hiện.

Đại chúng nghe nói đều sanh lòng bi cảm và vui mừng. (Lược Trích Kinh Uế Tích Kim Cang Thuyết Thân Thông Đại Mãn Đà Ra Ni Pháp Thuật Linh Yếu Môn.)

2. Tăng Huệ Đà Ra Ni

Khi ấy có vị Bồ Tát tên là Đồng Tử Tướng chấp tay cung kính thưa với Đại Huệ Bồ Tát rằng : Xin Thánh Giả thương xót vì chúng tôi nói ra môn Tăng Huệ Đà Ra Ni, để cho những chúng sanh ngu tối, độn căn được tăng phần trí tuệ.

Đại Huệ Bồ Tát dùng bi tâm hứa khả, liền nói môn Đà Ra Ni ấy rằng :

**Tát Dã Tha, Úm, Bế Tô Bế Tô Bát Ra Nghê Dã, Phạ Rị Đà Nễ Nhá Ra Nhá
Ra Mi Đà, Phạ Rị Đà Nễ, Địa Rị Địa Rị Bụt Đệ Phạ Rị Đà Di, Sa Phạ Ha.**

Khi Đại Sĩ nói ra Đà Ra Ni này xong, bảo Đồng Tử Tướng Bồ Tát rằng : Nếu chúng sanh nào trí tuệ mờ kém, căn tánh tối tăm, quên sót nhiều việc như trí thành thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường môn Đà Ra Ni đây, kẻ ấy sẽ được trí tuệ sâu rộng, ghi nhớ mọi việc rõ ràng không quên lãng. Nếu chúng sanh nào mỗi buổi sáng sớm gia trì ba lượt chú này vào nước, mỗi lượt 7 biến, hoặc 14 biến rồi dùng tâm ân trọng uống vào. Mỗi ngày cứ uống như thế cho đến 7 hoặc 8 tháng. Qua thời gian ấy, mỗi ngày hành giả có thể ghi nhớ được 1.000 bài tụng. Như sự uống chú thủy gián đoạn mỗi ngày cũng có thể ghi nhớ 500 bài tụng, trí tuệ lần tăng lên, căn tánh trở nên sáng lẹ.

Đồng Tử Tướng Bồ Tát và Thiên Nhơn nghe nói đều tín thọ tin hành. (Kinh Tăng Huệ Đà Ra Ni).

Mục E - Thọ Bồ Đề Tâm Bồ Tát Giới Yết Ma Nghi Quỷ

Tại miền Trung Thiên Trúc, nước Ma-Già-Đà (Ma-Kiệt-Đà: Maghadha), thành Vương Xá (Rajagraha), chùa Na-Lan-Đà Trúc Lâm (Nalanda), có vị Tam Tạng Sa Môn hứ là Du-Ba-Ca-La, Trung Hoa gọi là Thiện-Vô-Úy (Subhakarasiṃha). Ngài vốn con nhà hào quý thuộc dòng Sát-Ly (Ksatrya), rất thông về pháp nghĩa Đại Thừa. Sau khi sang Trung Hoa, có một độ Thiện-Vô-Úy A-Xà-Lê cùng với một Đại Đức Thiền Sư ở chùa Hội Thiện tại Trung Nhạc là Kính Hiền Hòa Thượng đối biện về Phật Pháp luận sâu đến yếu chỉ của Đại Thừa. Lời biện luận của hai

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Ngài đã mở rộng tâm giới nhân giới của quần sinh, khiến cho nhiều người mộ đạo. Trong bản ghi chép lại, có đoạn thọ Bồ Đề Tâm Bồ Tát Giới như sau :

1. Đánh Lễ Môn

Đệ tử là quy mạng mười phương tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Đề Tâm Bồ Tát, kính thờ làm Đại Đạo Sư. Chư Tôn Thánh là những bậc đã chỉ bày đường lối Đại Niết Bàn, khiến cho loài hữu tình thoát ly các ác thú, nên nay con xin chí tâm đánh lễ. (3 lạy)

2. Cúng Dường Môn

Đệ tử là xin đem chút hương hoa, lễ vật cúng dường, và mười phương tất cả thế giới có bao nhiêu hương hoa, tràng phan, bảo cái, cùng những vật nhiệm màu tối thắng, con nguyện đem cúng dường chư Phật cùng chư Đại Bồ Đề Tâm Bồ Tát. Trong cùng tận kiếp vị lai, con sẽ đem tất cả thức tịnh diệu chí thành cúng dường, và xin chí tâm đánh lễ. (3 lạy)

3. Tâm Hối Môn

Đệ tử là từ quá khứ vô thủy cho đến ngày nay, do tham, giận, si mê cùng tất cả phiền não làm nhiễu loạn thân tâm, đã tạo tất cả tội nghiệp. Thân nghiệp không lành gây tội sát sinh, trộm cướp, tà dâm, khẩu nghiệp không lành gây tội nói dối, nói thêu dệt, nói ly gián, nói thô ác. Ý nghiệp không lành gây tội tham lam, giận hờn, si mê tà kiến. Từ vô thủy đến nay, con bị tất cả phiền não trói buộc thân tâm làm cho ô nhiễm, khiến cho thân khẩu ý tạo nên vô lượng tội nghiệp, hoặc giết cha mẹ, giết A La Hán (Arahat), xúc chạm thân Phật làm cho ra máu, phá sự hòa hợp của chúng Tăng, hủy báng Tam Bảo, giam trói đánh đập chúng sinh, phá trai phạm giới, cho đến uống rượu ăn thịt. Những tội như thế vô lượng vô biên không thể nhớ ghi kể ra cho xiết. Nay con xin thành tâm tỏ bày sám hối tất cả. Từ đây về sau, con nguyện dứt hẳn tâm tương tục, không còn dám làm những tội lỗi ấy. Cúi xin mười phương chư Thế Tôn, chư Đại Bồ Tát gia trì hộ niệm, khiến cho con căn lành tăng trưởng, tội chướng tiêu trừ. Con xin chí tâm đánh lễ sám hối. (3 lạy)

4. Quy Y Môn

Đệ tử là từ thân này cho đến khi ngồi nơi Đạo Tràng Vô Thượng Bồ Đề, xin quy y ba thân (Pháp, Báo và Ứng/thân) Vô Thượng của Như Lai, quy y Pháo Tạng Phương Quảng Đại Thừa, quy y tất cả chư Bồ Tát Tăng không thối chuyển. Cúi xin mười phương chư Phật, chư Đại Bồ Tát chứng biết cho con. Con xin chí tâm đánh lễ. (3 lạy)

5. Phát Bồ Đề Tâm Môn

Đệ tử là từ thân này cho đến khi ngồi nơi Đạo Tràng Đại Giác Ngộ, thệ nguyện phát tâm Vô Thượng Bồ Đề :

Chúng sinh vô biên, thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận, thệ nguyện trừ.

Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học.

Phước trí vô cùng, thệ nguyện tu.

Như Lai vô số, thệ phụng sự

Phật đạo vô thượng, thệ nguyện thành.

Nay con phát tâm sẽ xa lìa ngã tướng và pháp tướng để hiển rõ bản giác chân như, khiến cho chánh trí bình đẳng hiện tiền. được phương tiện hay khéo cùng tròn đủ hạnh Phổ Hiền. Cúi xin mười phương chư Phật, chư Đại Bồ Tát chứng biết cho con. Con xin chí tâm đánh lễ. (3 lạy)

6. Giá Nạn Môn

(Nếu có Thầy truyền giới, Giới-Sư nên bảo :)

Phật tử ! Nay tôi hỏi ông về tội thất -ngịch như ông không phạm các tội ấy chỉ đáp rằng : “ Thừa không. Nếu có phạm một trong thất-ngịch tội thì phải chí tâm sám hối đến chừng nào thấy hảo tướng mới được thọ giới, khi chưa thấy hảo tướng dù miễn cưỡng thọ giới cũng không đắc giới. Nếu xét mình có phạm tội thất-ngịch, phải phát lồ sám hối, không nên che dấu, dù che dấu để thọ giới cũng không đắc giới mà tội càng thêm nặng, sẽ bị đọa vào Vô Gián địa ngục. Như

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

thành tâm phát lồ sám hối, tất cả tội nặng sẽ tiêu diệt, được thân thanh tịnh, lần lần vào trí tuệ Phật và tiến bước lên quả Vô Thượng Bồ Đề. Bây giờ tôi hỏi, ông phải đáp cho thành thật :

- Trong đời này, ông có giết cha không ?
- Ông có giết mẹ không ?
- Ông có làm cho thân Phật ra máu không ?
- Ông có giết A La Hán không ?
- Ông có giết Hòa Thượng không ?
- Ông có giết A-Xà-Lê không ?
- Ông có phá hòa hợp Tăng không ?

Phật tử ! Chư Phật và chư Đại Bồ Tát có đại luật nghi tối thắng, tối thượng. Đó là tam-tụ tịnh giới gồm : Nhiếp Luật Nghi giới, Nhiếp Thiện Pháp giới, Nhiêu Ích Hữu Tình giới. Giới pháp này diệt tội Thập Ác, nhiếp tất cả điều lành về thân ngữ ý, bao hàm hạnh tự lợi, lợi tha. Nay tôi hỏi :

- Từ nay cho đến khi thành Phật, ông có thể tinh cần giữ gìn Tam Tụ Tịnh Giới mà không trái phạm chăng ?

(Đáp : Dạ thưa, con giữ được)

(Như người không phạm tội thất nghịch, hay phạm nhưng đã sám hối thấy hảo tướng, muốn theo nghi tắc tự thọ giới, nên nói như sau :)

Đệ tử là từ nay cho đến khi ngồi nơi Đạo Tràng Vô Thượng Bồ Đề, quyết tinh cần gìn giữ đại luật nghi của tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát là Tam Tụ Tịnh Giới gồm có Nhiếp Luật Nghi giới, Nhiếp Thiện Pháp giới và Nhiêu Ích Hữu Tình giới. Con đã pháp Bồ Đề Tâm xin thọ Bồ Tát giới, cúi xin mười phương chư Phật, chư Đại Bồ Tát chứng minh gia bị, khiến cho con được vĩnh viễn không thoái chuyển. Con xin chí tâm đánh lễ.

(3 lạy)

(Từ đây đến sau, xin ghi chép theo nghi tắc tự thọ giới. Nếu có Thầy truyền chỉ linh động đổi lại thành lời Giới Sư nói).

7. Thỉnh Sư Môn

Đệ tử là xin kính cầu phụng thỉnh mười phương tất cả chư Phật cùng chư Bồ Tát : Quán Thế Âm Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Kim Cang Thủ Bồ Tát, Mạn Thù Thất Ly Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Trừ Cái Chướng Bồ Tát và tất cả chư Đại Bồ Tát. Xin nhớ lời bản thế giảng đến Đạo Tràng chứng minh cho con. Con xin chí tâm đánh lễ. (3 lạy)

Đệ tử là Xin phụng thỉnh Thích Ca Mâu Ni Phật làm Hòa Thượng, phụng thỉnh Mạn Thù Thất Ly Bồ Tát làm Yết Ma A Xà Lê, phụng thỉnh Di Lặc Bồ Tát làm Giáo Thọ A Xà Lê, phụng thỉnh mười phương chư Phật làm Chứng-Giới-Sur, phụng thỉnh tất cả chư Bồ Tát Ma Ha Tát làm đồng học pháp-lữ. Cúi xin chư Thế Tôn, chư Đại Bồ Tát từ mãn hứa nhận lời thỉnh của con. Con xin chí tâm đánh lễ. (3 lạy)

8. Yết Ma Môn

(Đây chính là lúc làm pháp Yết Ma truyền giới, nên chí tâm cẩn trọng).

Đệ tử là xin mười phương ba đời tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát xót thương hộ niệm, từ ngày nay cho đến khi ngồi nơi Bồ Đề Đạo Tràng, con xin thọ học tịnh giới của tất cả chư Phật, chư Bồ Tát là Nhiếp Luật Nghi giới, Nhiếp Thiện Pháp giới, Nhiêu Ích Hữu Tình giới. Ba tịnh-giới này, con xin thọ trì đầy đủ. (nói 3 lần)

Con xin chí tâm đánh lễ. (3 lạy)

9. Yết Giới Môn

Đệ tử là từ hôm nay cho đến khi chứng đạo Vô Thượng Bồ Đề, xin thọ trì đầy đủ tịnh giới của chư Phật, Bồ Tát. Nay con thọ tịnh-giới đã xong, xin đúng pháp giữ y như vậy. (Nói 3 lần rồi đánh lễ 3 lạy).

10. Tu Tứ Nhiếp Môn

Đệ tử là đã pháp Bồ Đề Tâm, thọ Bồ Tát Giới, xin từ nay tùy lực tu Tứ Nhiếp Pháp là Bố Thí, Ái Ngữ, Lợi Hành, Đồng Sự không dám sai phạm. Vì muốn điều phục nghiệp tham lam, bôn xén từ vô thi, để làm lợi ích cho chúng sinh nên phải bố thí. Vì muốn điều phục những phiền não giận hờn, kiêu mạn từ vô thi để làm lợi ích cho chúng sinh, nên phải thật hành ái ngữ. Vì muốn làm lợi ích chúng sinh để cho tròn đủ bản nguyện, nên phải tu môn lợi hành. Vì muốn gần

gửi đại thiện tri thức, để cho tâm lành không bị gián đoạn, nên phải thật hành môn
đòn sự. Bốn pháp như thế, con xin thọ trì, và xin chí tâm đánh lễ. (3 lạy)

11. Thập Trọng Giới Môn

Đệ tử là Xin kính giữ mười điều trọng giới :

1. Không lui sụt tâm Bồ Đề vì phòng ngại cho sự thành Phật.
2. Không bỏ ngôi Tam Bảo quy y theo ngoại đạo vì đó là tà pháp.
3. Không hủy báng Tam Bảo và giáo điển Tam Thừa vì làm như thế là trái với Phật tánh.
4. Đối với những Kinh điển Đại Thừa rộng sâu, chỗ mình không thông hiểu cũng không sinh lòng nghi báng vì đó chẳng phải là cảnh giới phạm phu.
5. Đối với chúng sinh đã pháp Bồ Đề Tâm, không nói những lời làm cho họ thối tâm trở về nhị thừa, vì làm như thế là đoạn hạt giống Tam Bảo.
6. Đối với những kẻ chur phát tâm Bồ Đề, cũng không nói pháp khó tin hiểu của Đại Thừa, khiến cho họ nghi ngại rồi phát tâm nhị thừa, vì làm như thế là trái với bản thể.
7. Trước hạng người nhị thừa và kẻ tà kiến, không nên vội nói pháp Đại Thừa sâu mâu, vì e họ sinh lòng nghi báng mà mang tội nặng.
8. Không khởi các pháp tà kiến vì như thế là đoạn căn lành.
9. Trước kẻ ngoại đạo, không nên nói mình được giới mâu Vô Thượng Bồ Đề, khiến cho họ sinh lòng ganh giận tìm cầu tìm cầu giới ấy không được rồi về sau không thể pháp Bồ Đề Tâm, vì làm như thế cả hai đều bị tổn.
10. Những điều gì có tổn hại hoặc không lợi ích cho chúng sinh đều chẳng nên tự làm, bảo người làm, thấy kẻ khác làm vui theo, bởi như thế là trái với pháp lợi tha và lòng từ mẫn.

Những giới như thế, con xin thanh tịnh thọ trì.

Dur Ngôn

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Căn cơ của chúng sinh không đồng, nên Đức Thế Tôn thuyết giáo cũng chẳng phải một. Vậy chẳng nên chấp riêng một pháp mà sinh điều thị phi lẫn nhau, bởi làm như thế là trái cơ, hãy còn không được quả báo như Thiên, hưởng chi là đạo Vô Thượng. Có kẻ chỉ chuyên bố thí mà được thành Phật, có người duy trì giới cũng chứng Bồ Đề. Những hạnh nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến tám muôn bốn ngàn (84.000) pháp môn, nếu thâm nhập một môn tất cả đều được thành Phật. Nay xin y theo Kinh Kim Cang Đánh lập một phương tiện khiến cho người tu hành mau đi đến quả Bồ Đề.

Tuy hành giả đã thọ Bồ Tát Giới, nhưng cũng nên thọ giới pháp hội-chúng thanh tịnh vô lậu của chư Phật vô lậu của chư Phật mới có thể vào định môn. Giới pháp đó chính là môn Đà-Ra-Ni bí mật mà chư Phật đã nương vào để đi đến biển nhất thiết trí. Pháp bí mật này khó được nghe, nay chỉ đối với người hữu duyên mà khai thị một đôi phần thiết yếu. :

Đà-Ra_Ni Thanh Tịnh Bí Mật ấy như sau :

1. Úm Tam Muội Đa Tát Đát Vam.

Chân ngôn này công đức to rộng không thể kể xiết. Người nào tụng qua 3 lần, có thể nghe và đi vào cảnh giới thanh tịnh cùng các pháp bí mật khác. Kể ấy lại có thể đầy đủ luật nghi thanh tịnh của tất cả Bồ Tát.

2. Úm Mạo Địa Chất Đa Ổ Địa Ba Na Giả Mê.

Tụng chân ngôn này ba biến, có thể phát tâm Bồ Đề kiên cố cho đến khi thành Phật không bị thối chuyển.

3. Úm Chất Đa Bát La Để Vi Đàm Ca rô Nhị.

Tụng chân ngôn này 3 biến, liền được tất cả giới tạng rất sâu và đầy đủ nhân Nhất-Thế-Chủng-Trí, mau chứng quả Vô Thượng Bồ Đề.

4. Úm Phạ Nhựt Ra Mãn Tra Lam Ba Ra Phệ Xá Nhị.

Tụng chân ngôn này 3 biến, có thể vào tất cả ngôi quán đánh Mạn-đà-la, đối với các pháp bí mật khi nghe không còn bị chướng ngại, kham vào vị Quán-đánh của Bồ Tát và thọ trì các định môn.

Như trên, sự truyền thọ giới pháp vô lậu đã xong.

Nay lại vì ủng hộ hành giả, trao cho một Đà-ra-ni nữa :

5. Úm Thuật Đà Thuật Đà. (hoặc Úm Tát Bà Vi Đế Ta Phạ Hạ)

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Tụng chân ngôn này 10 muôn biến, tất cả tội chướng đều tiêu trừ, ba nghiệp thanh tịnh, ma tà không khuấy rối. Như tấm vải trắng sạch dễ ăn màu hành giả tụng chân ngôn này cũng thế, khi tội chướng tiêu rồi dễ thâm nhập các pháp môn, mau chứng được tam muội.

Pháp trì tụng này trước sau có 2 Đà-ra-ni, tùy ý tụng một, không nên tụng hết, sợ tâm không chuyên nhất.

Người tu hành muốn nhập tam muội (chánh định), khi ban đầu mới học, phải dứt các cảnh duyên, phải ở riêng một chỗ thanh tịnh, ngồi bán già, rồi trước hết cần phải thủ ấn hộ trì.

Ấn : Lấy ngón Đàn Huệ hiệp lại đứng thẳng, ngón Giới Nhẫn Phương Nguyên kia, hữu áp tả xoa nhau sát lưng trên hai ngón, ngón Tấn Lực hiệp đứng thẳng, đầu đứng co nhau, trung tâm hơi mở ra chút ít, ngón Thiên Trí đều hiệp thẳng đứng tức thành. Kết ấn này rồi, trước ấn lên đánh, thứ ấn trán, ấn dưới vai bên mặt, ấn vai bên trái, rồi ấn tim, ấn dưới gối hữu, ấn gối tả (gia trì 7 trọng huyết này để Ma-Tà không khuấy nhiễu được.), khi ấn mỗi chỗ đều tụng trước 7 biến Đà-ra-ni này cho đến 7 chỗ xong, vậy rồi đưa ấn lên đánh xả. Rồi cầm chuỗi niệm Đà-ra-ni này, có thể tụng nhiều 200, 300 biến cho đến 3000, 5000 cũng được, mỗi khi ngồi tụng một lạc-xoa (10 vạn) rất dễ thành tựu.

Thân đã được gia trì xong. Thân ngồi ngay thẳng, bán già như trước, lấy gối hữu áp lên tả không cần kết toàn già, ngồi toàn già phần nhiều bị nhức mỏi, nếu tâm duyên chỗ cảnh đau mỏi ấy tức khó đắc định. Nếu trước kia đã kết toàn già được thì tốt lắm. Đầu mặt trông ngay thẳng, mắt không mở quá cũng không nhắm quá, mở lớn thì tâm tán, nhắm nghiền thì hôn trầm. Chớ duyên ngoại cảnh, an tọa đã xong.

Bấy giờ vận tâm cúng dường sám hối. Trước đem tâm quán sát tất cả 10 phương chư Phật, ở trong pháp-hội nhân Thiên, vì 4 chúng nói pháp, tiếp đến quán tự thân mình nơi trước mỗi mỗi chư Phật, đem tam nghiệp kiên thành cung kính lễ bái, tán than. Người tu hành quán này khiến cho rõ rang như đối trước mặt thật thật rõ, nhiên hậu ở 10 phương thế giới đã có hết thấy Thiên Thượng Nhân Gian, hương hoa thượng diệu, tràng phan,

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

bảo cái, ẩm thực, trân bảo, các món cúng dường đầy đủ tận hư không khắp pháp giới, cúng dường tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Pháp Bảo Hóa/ Thân, Giáo Lý Hạnh Quả và Đại hội chúng. Hành giả làm pháp cúng dường này rồi, phải vận tâm ở mỗi mỗi trước chư Phật Bồ Tát, khởi tâm ân trọng chí thành phát lồ sám hối :

“ Con từ vô thủy đến ngày nay bị phiền não che mắt chơn tâm, đã lâu trôi lăn theo dòng sinh tử, thân khẩu ý/ nghiệp khó trình bày đầy đủ. Con nay chỉ biết rộng sám hối hết. Một phen sám hối xong, vĩnh viễn dứt trừ tâm tương-tục, không dám tái phạm. Cúi mong chư Phật Bồ Tát lấy sức đại từ bi gia oai hộ niệm nhiếp thọ cho con sám hối, khiến cho con tội chướng mau được tiêu diệt” (Đây gọi là nội tâm bí mật sám hối.)

Lại nữa nên phát hoằng nguyện:

“ Con đã lâu ở tại dòng lưu chuyển, hoặc nơi quá khứ đã từng tu hành hạnh Bồ Tát lợi lạc vô biên hữu tình, hoặc tu Thiền định, hoặc siêng năng tu hạnh tinh tấn, hộ trì ba nghiệp đã có hằng sa công đức cho đến Phật quả, cúi mong chư Phật Bồ Tát khởi lòng từ nguyện lực gia oai hộ niệm cho con, khiến cho con nương nhờ công đức này, mau cùng tất cả môn tam muội được tương ưng, mau cùng tất cả môn Đà-ra-ni được tương ưng, mau được tất cả tự tánh thanh tịnh”. Phát thệ nguyện rộng lớn như vậy khiến cho không thối thất, mau được thành tựu.

Lại kẻ phải biết điều hòa hơi thở : Trước tưởng hơi thở ra vào, từ trong tự thân mình, mỗi mỗi chi tiết gân mạch đều thông suốt, miệng cần phải từ từ thở ra, tưởng hơi thở này sắc trắng như mây khói tuôn chảy nhuần ước như giòng sữa nhưng cần phải biết chỗ xa gần của nó, rồi trở lại từ từ theo mũi mà vào, khiến cho hơi thở vào khắp trong chu thân, cho đến gân mạch thấy đều chu khắp, thở ra vào như vậy mỗi cái cho đến 3 lần. Sự điều hoà hơi thở này khiến cho hơi thở của thân không có gió, hoặc nóng hoặc lạnh v.v... thấy đều an khắp. Đây là người đầu tiên tu học về Thiền Định.

Ngài Du-Ba-Ca-La (Thiền Vô Úy) nói rằng : “ Người mới tu sợ nhiều nhất khởi tâm động niệm nên điều hòa hơi thở lần lần nhẹ và không còn thấy

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

nghe có hơi thở nữa, đến chỗ chuyên giữ vô niệm làm cứu cánh, tức lần tăng trưởng cái bất khả đắc vậy”.

Nói về niệm thì có hai :

1. Niệm bất thiện : Ý nghĩ không lành.
2. Niệm thiện : Ý nghĩ lành.

Bất thiện là vọng niệm, phải trừ dứt nó đi. Thiện pháp chánh niệm không cần phải phục diệt. Chơn chánh tu hành, cần yếu là chánh niệm tăng trưởng sau mới đến rốt ráo thanh tịnh như người học bắn tập lâu mới thuần thục, không còn tâm tưởng, đi đứng nằm ngồi cùng với định tương ưng, không lo sợ khởi tâm động niệm, cứ như vậy mà tấn tu mãi. Lại nữa, không cần phải tu pháp tam-ma-địa nữa (chỉ quán), sở dĩ gọi là tam-ma-địa vì không có pháp riêng khác, chỉ ngay nơi tự tánh thanh tịnh tâm của tất cả chúng sinh gọi là Đại Viên Cảnh Trí. Trên đến chư Phật, dưới đến các loài cử động, thấy đều bình đẳng, không có thêm bớt, chỉ vì vô minh vọng tưởng, khách trần ngăn che cho nên trôi lặn mãi trong sinh tử không được làm Phật.

Người tu hành nên để tâm thanh tịnh, chớ duyên tất cả các cảnh. Giả tưởng (tưởng tượng) một vòng tròn sáng vàng vệt như mặt trăng thanh tịnh, cách thân mình 4 thước (thước Tàu; đường kính của mặt trăng này khoảng 1 cánh tay trước), đối trước mặt mình không cao không thấp, lượng đồng một cánh tay, viên mãn đầy đủ (tròn đầy như trăng rằm), ánh sắc sáng sạch, trong ngoài rục rỡ. Đờn (thế gian) không có phương pháp này, ban đầu tuy không thấy, lâu lâu tinh thực lần lần thấy suốt, thấy rồi tức lại quán sát cho mở rộng lần lần từ 4 thước rồi bội tăng thêm cho đến ba ngàn đại thiên thế giới phân minh rất rõ ràng.

Khi sắp muốn xuất quán (ra khỏi cảnh quán) như vậy lần lần tóm lại như tướng cũ, lúc mới ban đầu dường như vành mặt trăng tròn, sau rồi chu khắp không còn vuông tròn nữa.

Tu tập quán này được rồi, tức liền chứng giải thoát tất cả chương tam muội. Đắc được tam muội này gọi là Địa Tiên Tam Hiền Địa. Sở dĩ gọi sơ

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Địa là vì chứng pháp này, xưa đã chưa được mà nay mới được, sanh đại vui mừng nên gọi là Sơ-Địa, hay Hoan Hi Địa; cũng còn chưa thấu rõ cái tự tánh thanh tịnh tâm này nên chỉ có ba nghĩa dụ như vành trăng tròn sáng:

1. Nghĩa là tự tánh thanh tịnh, lia tham dục cấu nhơ.
2. Nghĩa là thanh lương (trong mát) lia nóng giận (sân nhiệt), phiền não.
3. Nghĩa là quang minh sáng suốt, lia ngu si mờ ám.

Lại nữa, mặt trăng ấy là tứ đại đã thành thì rớt ráo cũng hoại đi vì mặt trăng là người đời ai cũng thấy, lấy đó để làm ví dụ khiến cho người được ngộ nhập; người tu hành mỗi khi tu tập phép quán này, quán tập thành tựu không cần rút ngắn, chỉ thấy sáng sạch trong suốt không một vật chi, cũng không thấy thân cùng tâm, muôn pháp bất khả đắc cũng như hư không, cũng không phải là không có thể hiểu giải được vì vô niệm bình đẳng nên nói như hư không chớ chẳng gọi là không tướng (ngoan không, -le néant, le vide-)lâu lâu có thể thuận thực, đi đứng nằm ngồi tất cả thời xứ, để ý cùng không để ý, nhâm vận nối nhau tương ưng, không còn ngăn ngại. Tất cả vọng tưởng tham sân si, hết thầy phiền não không nhờ đoạn trừ mà tự nhiên không khởi, tánh thường thanh tịnh; y đây tu tập thẳng đến thành Phật chỉ có một đường, không có lý nào riêng khác. Đây là Đạo nội chứng của chư Phật Bồ Tát, không phải cảnh giới của hàng Nhị Thừa, Ngoại Đạo. Tu tập pháp quán này là hằng sa công đức của tất cả Phật Pháp, không do cái gì khác mà ngộ, vì một mà suốt hết, tự nhiên thông đạt, hay mở ra một chữ thì diễn nói vô lượng pháp, sát na ngộ nhập trong các pháp tự tại vô ngại, không khứ lai khởi diệt, tất cả bình đẳng. Người tu hành này lần lần đến tướng thẳng tấn, lâu rồi tự mình chứng biết, không phải nay mới dự nói cái chỗ cứu cánh. Ngài Du-Ba-Ca_La Tam Tạng nói rằng : “Đã hay tu tập một quán thành tựu rồi, nơi trong tâm các ông, có 5 thứ tâm nghĩa mà người tu hành phải biết :

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

1. Sát-na tâm : Nghĩa là sơ-tâm kiến đạo, một niệm tương ưng, thoát còn thoát mất, như đêm tối chớp sáng, tạm hiện rồi liền diệt cho nên nói rằng sát-na.
2. Lưu Chú tâm: Đã thấy đạo rồi, mỗi niệm mỗi niệm gia công nối nhau không dứt như dòng nước tuôn chảy cho nên nói rằng lưu chú.
3. Cam Mỹ tâm : Nghĩa là do công phu tích chứa không thôi nghỉ mới được linh nhiên sáng suốt, thân tâm khinh khoái, thư thái nhẹ nhàng, hưởng thụ mùi vị ngọt của Đạo cho nên nói Cam Mỹ.
4. Tồi Tán tâm: (Bẻ gãy đứt hẳn tâm tán loạn). Tinh cần hoặc hưu phế, cả hai cùng lìa bỏ cho nên nói rằng là tồi tán.
5. Minh Cảnh tâm : (Tâm như gương sáng) Đã lìa được hoạn tâm tán loạn, thấu đạt được thánh viên minh, tất cả đều vô trước cho nên nói rằng minh cảnh. “

Nêu rõ thấu 5 tâm, ở đây tư nghiệm, tam thừa, phàm phu, thánh vị có thể tự phân biệt. Các vị tu hành mới học tu định nên thực hành theo bí mật phương tiện gia trì định pháp của quá khứ chư Phật. Một thể cùng tất cả môn tổng trì tương ưng. Vậy cho nên, cần thọ 4 Đà-ra-ni này :

1. **Úm, Túc Khất Xoa-Ma Phạ Nhựt Ra** (Riêng bản Hán chú :
Úm, Tô Khất Xoa-Ma Phạ Nhựt Ra.)

Đà-ra-ni này hay khiến sở quán thành tựu.

2. **Úm, Đễ Sát-Tra Phạ Nhựt Ra**

Đà-ra-ni này hay khiến sở quán không mất.

3. **Úm, Sam Bát La Phạ Nhựt Ra**

Đà-ra-ni này hay khiến sở quán rộng, lại khiến lần lần thư hẹp như cũ.

Bốn Đà-ra-ni như thế là Bà-Nga-Phạm tự chứng nội pháp (Nội pháp tự chứng của Đức Thế Tôn) là một phương tiện rất sâu mầu để khai thị cho các kẻ tu học mau chứng nhập.

Đông Mật
Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp
Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Nếu muốn mau cầu Tam-ma-địa này, thường trong 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, thường tụng Đà-ra-ni này, dụng công nhớ niệm chớ có tạm bỏ qua, đều rất mau hiệu nghiệm.

Nam Mô Khổ Thủ Thập Phương Phật, (Quy Y Phật)

Chơn Như Hải Tạng Cam Lò Môn, (Quy Y Pháp)

Tam Hiền Thập Thánh Ứng Chơn Tăng (Quy Y Tăng)

Nguyện tứ Oai Thần Gia Niệm Lực (Đi, Đứng, Nằm, Ngồi)

Hi Hữu Tổng Trì Thiên Bí Yếu,

Năng Phát Viên Minh Quảng Đại Tâm.

Ngã Kim Tùy Phần Lực Xung Dương,

Hồi Thí Pháp Giới Chư Hàm Thức.

Phật Nói Thường Cù Lợi Độc Nữ Đà-La-Ni Thần Chú (Hành Pháp)

Như thật tôi nghe, một thời Phật ở tại nước Xá Vệ, nơi rừng cây Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc, cùng các vị Tỳ Khưu chúng, gồm có 1250 người đều cu hội đầy đủ, các chư Thiên, Long, Dược Xoa, Kiền Thác Bà, A Tô La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hồ La Già, người và phi nhơn, cùng cùng chung nhóm trong hội thuyết Pháp này. Phật vì khắp chúng sinh khai môn Tổng Trì.

Đức Như Lai quán sát hết thấy các chúng sanh, trong đời ác sau này, tam tai nổi nhau sanh khởi. Các ác độc xà, độc long hành mưa độc khí, phi hành trùng độc giết hai chúng sanh hàng vô số kể, ngoan xà, phúc-yết ngô-công các loại, mẫn xà, độc xà, các vật độc dữ, hoặc nơi rừng rậm núi cao, hoặc nơi ao nước đáy sông thủy hay nhà độc xâm tổn chúng sanh.

Khi bấy giờ Đức Thế Tôn, khắp dạy đại chúng rằng : Khi Ta ở tại núi Tuyết Sơn, bên phía Bắc giữa núi Hương Sơn, nơi núi ấy thấy một Đòng-Nữ, thân thể trang nghiêm trăm phước tướng hảo, quần áo da nai, dùng các độc xà làm chuỗi anh lạc, làm bạn giỡn chơi với các loại mẫn xà bò cạp rắn rết và các trùng độc dữ. Đói ăn trái độc, khát uống nước độc. Nữ kia thấy Ta liền nói rằng : Nhơn giả cần nên lắng nghe, tôi Thường Cù Lợi có Pháp Môn hay diệt tất cả các độc ở thế gian. Liền nói Chú rằng :

**Đát Diệt Tha : Y Lỵ Mi Đế, Đế Lị Mi Đế, Y Lị Đỹ, Lý Mi Đỹ, Nhuyễn
Mê Nhuyễn Ma, Rị Duệ Nạp Thử Nạp, Xoa Rị Duệ Tra, Yết Ra Noa
Phược, Yết Ra Na Ca, Thấp Mi Lý Ca, Thấp Mi La Mục, Kiết Đế Át
Kỳ Nĩ, Át Già Nĩ, Át Già Na Già Nĩ, Y Lị Duệ, Át Già Duệ, Át Ba Duệ,
Thấp Phế Đế, Thấp Phế Đa, Đôn Noa A Na Nộ, Lạc Xoa Tóa Ha.**

Lúc ấy Thường Cù Lợi nói chú này rồi, giữa núi tuyết kia có năm ngàn độc ác Long Xà, nghe tiếng chú này, thủy đều ngất xỉu, rồi bèn một phen đầu bị bể nát, vì vậy bốn phía thủy đều rời rã, răng các rắn độc cũng đều rụng rớt, đầu da nứt nẻ máu chảy thịt nát, tất cả tự trời không còn cử động.

Bấy giờ Đức Thế Tôn xem thấy các loại hàm thức bị chú độc này Ngài liền tuyên nói Tâm Chú giải độc ở trước, mà nói Thần Chú rằng :

**Đát Diệt Tha : Nhứt Lỵ Mi Lỵ, Nga Ra Mi Lị, Chước Cu Lô, Chước
Cu Lô, Nga Ra Mi Mi, Cu Tra Duệ, Cu Tra Duệ, Đế Tố Phổ Tra**

Đông Mật

Hán dịch: Ngài Cù Đa Tam Tạng Dịch Phạn Ra Hán Văn

Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

**Duệ, Đế Tổ Phổ Tra Duệ, Đế Nga Lê, Na Ca Chước Ca Lan, Đế Lê
Nhứt Xa Vĩ Lệ Kê Đát Tra Đát Tra, Tất Đát Tra, Tất Đát Tra, Tất
Đát Tra Tóa Ha.**

Khi ấy Đức Thế Tôn, nói Thần Chú này rồi, tất cả độc long, bò cạp, rắn rết, hết thầy sống lại bò chạy tứ tán, các độc không thể làm hại. Vậy cho nên Ta dạy các đệ tử, các ông tri độc Nữ Thần chú Thường Cù Lợi này, chớ nên đọc tụng lớn tiếng trước các loại Long Xà, vì Long kia nghe thì quyết phải chết.

Phật dạy tứ chúng, này các thiện nam tử, nếu cứu các độc chúng sanh trong thế giới, thì lúc ấy hãy dùng trì độc Thần Chú của Thường Cù Lợi đồng tử mà thầy đều trì đó. Thường Cù Lợi này, tuy hiện thân Nữ, chứ thật chẳng phải thân nữ. Thiện nam tử, Chư Phật Bồ Tát trí tuệ thần thông, hay vì chúng sanh hiện các thứ thân, nhiếp hóa các độc, không khiến các độc xà nhiều hại xâm tổn chúng sanh. Nếu người nào thường nghe Cù Lợi Đại Minh Thần Chú thì trải bảy năm sau không bị trúng độc làm thương hại, cũng hay diệt sạch ác độc trong thân.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, bảo hàng Oán Diêu Vương. Các ông đồng lực quyên thuộc, sức mạnh quần cường, sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt Pháp, cũng cần thu nhiếp các loại quần độc, diêu, diêu vương, hãy truy tìm kêu gọi mười ngàn chín vạn chúng, thay cỏ may hang ốc, nghe Thường Cù Lợi Đại Minh Chú Ta, đều phải tùy thuận tuân hành, trợ giúp sai khiến, phương tiện cứu hộ không được trái nghịch.

Khi ấy Đức Phật dạy tứ chúng rằng : Thiện nam tử, Thường Cù Lợi Độc Nữ Thần Chú này, có công năng trị tất cả vạn thứ độc của thế gian : rắn, măn, xà, rết, bò cạp, thú dữ, ghê chốc, lác, ung thư, đinh san, độc núi, độc nguồn, độc khe, độc suối, vàng độc, thuốc độc và các thứ trùng độc. Chỉ trì chú trong nước mà uống, trì chú trong nước ngâm lại, chú nguyện mà phun chỗ bị nhiễm độc, hoặc niệm chú, chú nơi chỗ ấy ba biến. Mỗi lần niệm bảy biến thì tất cả độc căn bản tự xuất, độc không thể hại. Nếu bệnh độc bị khe suối, chú nước rửa thân và uống nước trì chú ấy thì tất cả khe độc thầy đều tiêu diệt. Nếu hay chí tâm cúng dường cung kính thọ Thần Chú này thì được vô lượng phước.

Bấy giờ Đức Thế Tôn dạy khắp bốn chúng : Nếu có kẻ thiện nam nào có thể thực hành Pháp này để cứu hộ, cần nên họa vẽ một hình tượng vị Đồng Nữ Thường Cù Lợi, nơi thân trang nghiêm trăm phước tốt đẹp, da nai làm áo, dưới mặc kiêu-xa-y, nơi mái tóc thì có Đại Thần Xa Luân. Tay mặt cầm hàng độc kiếm, tay trái nắm mộc Ấn Quán Độc. Khắp thân đeo chuỗi Anh Lạc bằng các loại rắn độc xà quần quanh như vòng xuyên, trước mặt độc xà vẽ một đồng tử

Đông Mật

Hán dịch: Ngài Cù Đa Tam Tạng Dịch Phạm Ra Hán Văn

Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

(cậu bé trai) mặc áo xanh, bung chén nước và bàn hương án có trăm thứ trái độc cùng các thứ nước độc. Khấp nơi trước mặt Thường Cù Lợi. Trước bốn phía mặt vẽ các núi, hai bên vẽ núi vẽ cạp, beo, sư tử, rắn, rết, Long độc, bò cạp, trăn, các ác độc xà chung quanh bốn phía.

Nếu làm đàn Pháp tùy lòng lớn nhỏ, một thước, hai thước, trên đàn để hình tượng, tụng chú cúng dường, trong Đàn dùng ngưu phân (phân trâu trắng ở núi tuyết) hòa chung với bộ hương dẻo, thoa đắp nơi đạo tràng, dưới Đàn để năm mâm đồ ăn dầu chim nấu nóng, cúng dường xong, đem bỏ chỗ vắng thanh tịnh thiêu đốt mạn-đô-la hương (... ?) cúng dường.

Tụng chú bảy ngàn biến, công đức hạng thượng căn. Hạng trung căn ba vạn biến, hạng hạ căn bảy vạn biến, tức là kiến hiệu. Có công năng cứu trị các độc trong thế gian. Chỉ chú trong nước uống trị cả độc.

Khi bấy giờ Đức Thế Tôn nói Chú này rồi, trong hội vô lượng Chư Tiên và các Dược Xoa, A Tô La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, người và phi nhơn v.v... Nghe Phật Ngài nói Thần Chú trị độc hết thấy đều vui mừng, ân khả, đánh đơi, thọ trì làm lễ Phật mà trở về.

Đông Mật

Hán dịch: Ngài Cù Đa Tam Tạng Dịch Phạm Ra Hán Văn

Sa Môn Thích Viên Đức Dịch Việt

Mục Lục Đông Mật

Tiết 1 : Sự Truyền Thừa

Mục A : Sự Truyền Thừa Về Thai Tạng Giới.

Mục B : Sự Truyền Thừa Về Kim Cang Giới.

Tiết 2 : Giáo Tướng (Mạn Đà La)

Mục A : Pháp Mạn Đà La Thành Phật.

Mục B : Pháp Mạn Đà La Tát Cánh Trưng Ưng.

Mục C : Vào Mạn Đà La Được Quả Phật.

Mục D : Mười Tướng Không Đồng Của 2 Bộ Mạn Đà La.

Mục E : Mười Tướng Đồng Nhau Của 2 Bộ Mạn Đà La.

Mục G : Chúng Tử Tự.

Mục H : Đà Ra Ni Môn.

Tiết 3 : Tu Tướng

Mục A : Tứ Vô Lượng Tâm Quán.

Mục B : Nguyệt Luân Quán.

Mục C : Bồ Tỳ Quán.

Mục D : Nghi Quỹ

Mục E : Nghi Tắc Về Sự Dùng Chuỗi.

Mục G : Thanh Niệm Và Tam Ma Địa Niệm.

Mục H : Mười Tám Khế Ấn.

Mục I : Pháp Đà Ra Ni Diệt Tội.

Mục K : Bốn Pháp Thành Tựu.

Mục L : Pháp Hộ Ma.

Mục M : Pháp Chọn Đất.

Tiết 4 : Quả Tướng

Mục A : Mộng Chứng.

Mục B : Công Đức Tu Trì.

Mục C : Phụ Lục Về Chú Chuẩn Đề.

Chuẩn Đề Độc Bộ Pháp : Đàn Pháp, Bồ Tỳ Pháp, Khế Ấn Pháp

Mục D : Phụ Lục Các Chân Ngôn Thiết Yếu

1. Uế Tích Kim Cang Cấp Bách Biến Thần Chú.

2. Tăng Huệ Đà Ra Ni.

Mục E : Thọ Bồ Đề Tâm Bồ Tát Giới Yết Ma Nghi Quỹ.

Phật Nói Thường Cù Lợi Độc Nữ Đà La Ni Thần Chú.